

BÁCH KHOA

SỐ 56 — NGÀY 1.5.1959

Trong số này :

- LÊ-LINH Vấn đề nghiện rượu tại Việt-Nam.
- TRƯƠNG-VĂN-CHÍNH và NGUYỄN-HIỆN-LÊ { Nhân đọc bài « Vài
nhận xét về Văn
Phạm Việt-Nam của
G. S. Honey.
- PHẠM-HOÀNG Mặc cảm phạm tội.
- ĐOÀN-THÊM Lấy vợ, lấy chồng.
- PHAN - KHOANG và
HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch) { Đức ăn khuất
của lão - giáo
và đức khiêm
nhu của Ki-Tô
giáo.
- ĐÔNG-HỒ Thư ký Hàn lâm viện Ấn-độ...
- CÔ-LIÊU Sinh vật học và con người.
- BINH-GIANG Cảm tác lúc lưu đày
(thơ Ông-[ch-Khiêm).
- TRẦN-VĂN-KHÊ Lá thư Hải ngoại.
- Cô PHƯƠNG-THẢO Diễm sách (Sưu Cô-Nương).
- TRIỀU-ĐẦU { Điều chỉnh một diễm ngộ
nhận về Tác phẩm « Kẽm
trống » của Trúc-Sĩ.
- TƯỜNG-LINH Những bản tay (thơ).
- BÌNH-NGUYỄN-LỘC }
và NGUYỄN-NGU-Í } Tiếng địa phương.
- B.S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN Từ điển y ngữ.
- TRẦN-NGUYỄN ANH-CA Tôi đóng phim
bên Anh.
- Á-nam TRẦN-TUẤN KHẢI Đường Thi dịch giải.
- LÊ-HÙNG Một lời (truyện ngắn).
- PHAN-LẠC-TUYÊN Dòng suối đam mê (thơ).
- NGUYỄN-PHÚC Thằng khùng (truyện ngắn).

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "*Eau de Vie cũ*" 40° và 50°
— Rượu Tàu "*Lão-Mạnh-Tru*"
— Rượu Tàu "*Tích-Thọ-Tru*"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

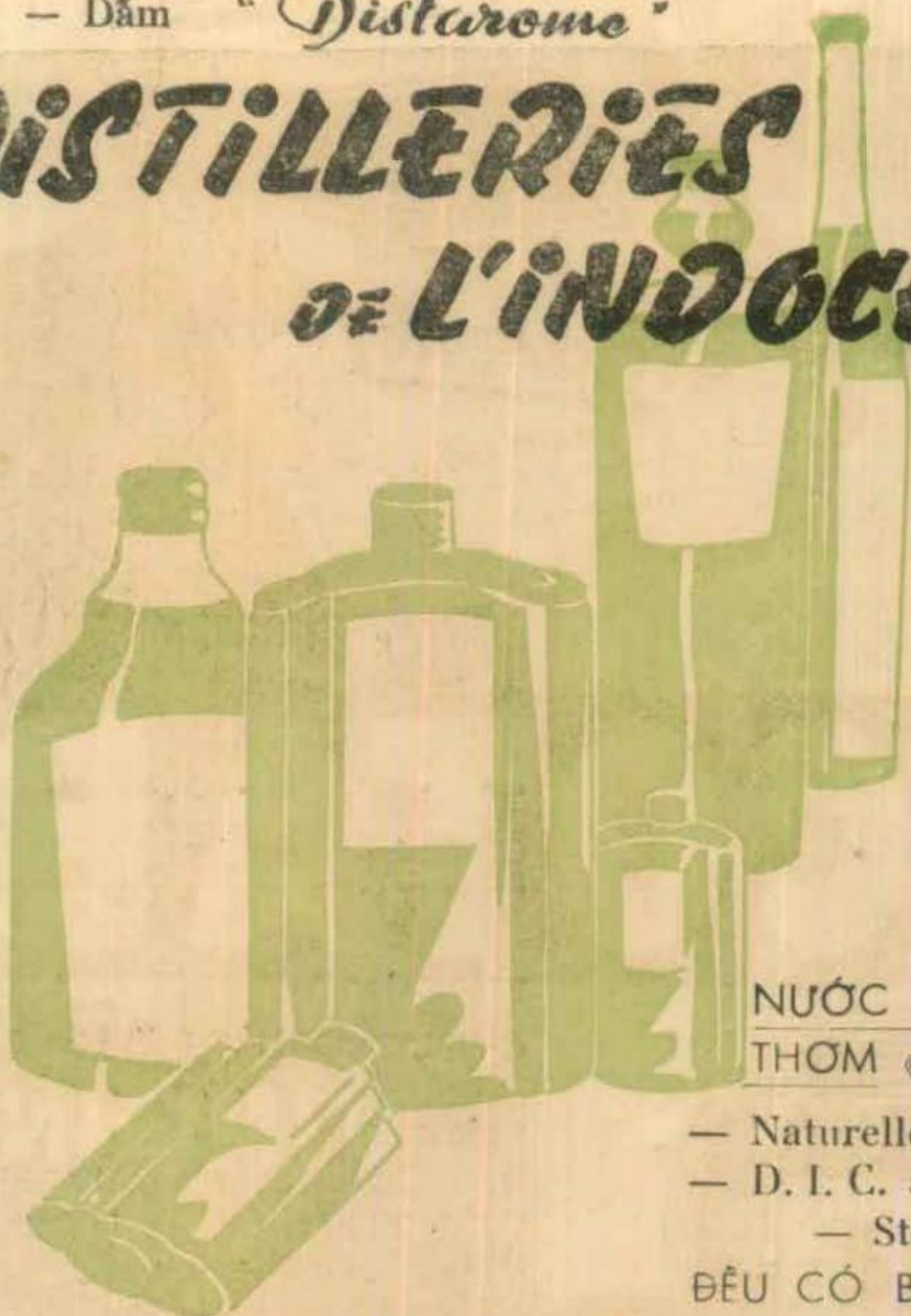
— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "*Distarome*"

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHIỆP
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đặng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE





VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

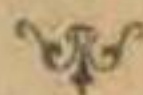
Xin hiển Quý khách
Giá du - ngoạn đặc - biệt
(có giá - trị trong một tuần lễ)

SAIGON — NHATRANG (*khứ hồi*) :

\$ 865 — mỗi người

SAIGON — DALAT (*khứ hồi*) :

\$ 570 — mỗi người



XIN HỎI CHI - TIẾT Ở TỔNG ĐẠI - LÝ

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 21.624-25-26 — 23.446-47

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẠC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

Société Indochinoise de Documentation et de

Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

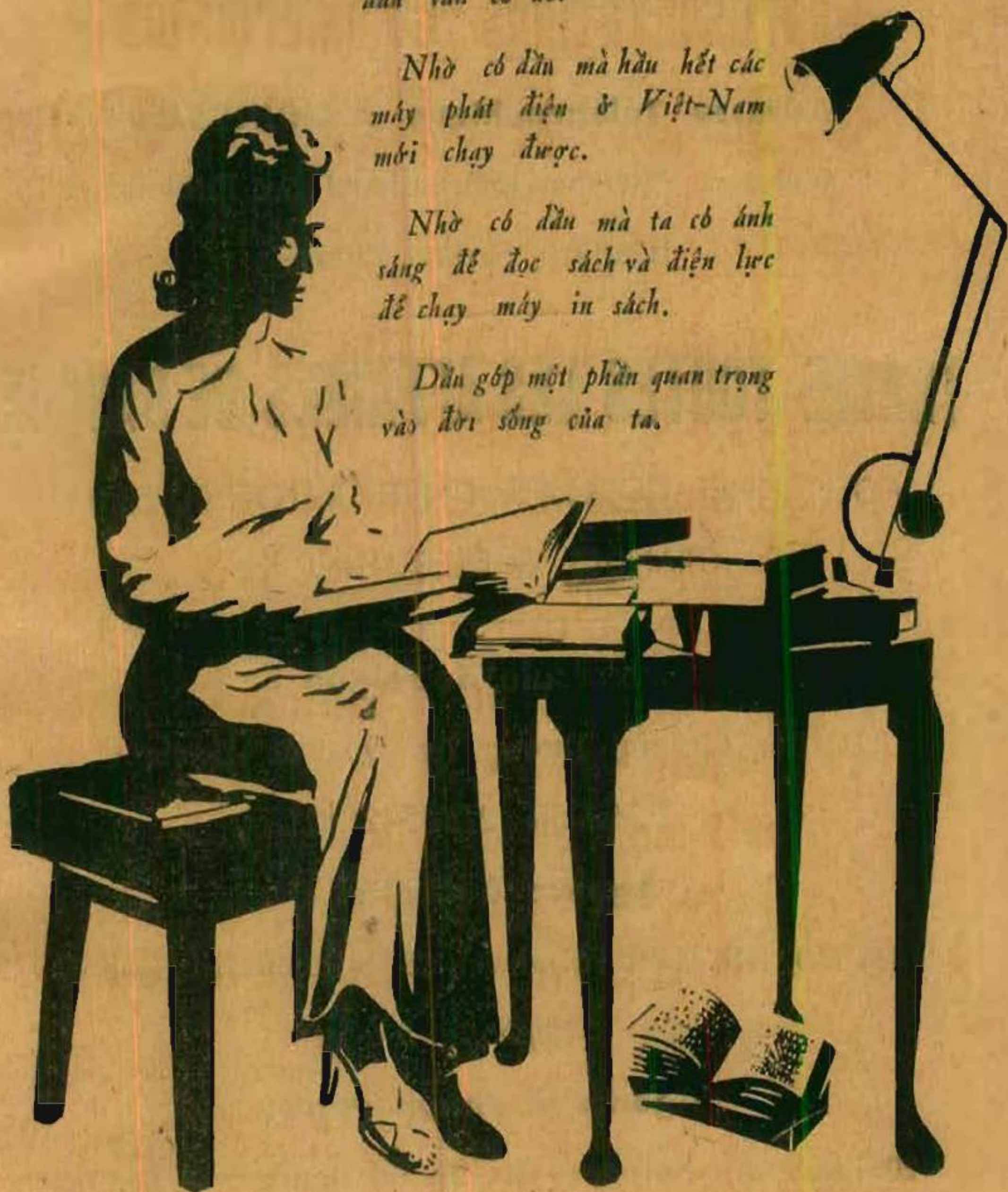
CÓ DẦU trong đời sống của ta

Tuy nhiều khi ta không trông,
nghe hay nghĩ thấy, nhưng
dầu vẫn có đó.

Nhờ có dầu mà hầu hết các
máy phát điện ở Việt-Nam
mới chạy được.

Nhờ có dầu mà ta có ánh
sáng để đọc sách và điện lực
để chạy máy in sách.

Dầu góp một phần quan trọng
vào đời sống của ta.



HANG DẦU STANVAC

Giúp Ta Sống Đời Vui Tươi

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách - khoa đóng thành tập
cuốn thứ IV (từ số 37 đến số 48) đã
có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo
160 Phan - Đình - Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 105 đ.

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm
mỗi tập 15 đ.



BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Từ 1 - 48 : 4 tập : 420 đ.

•

Một tặng phẩm giá trị và trang nhã



10.000 Kms de souvenirs inoubliables

★ Profitez des avantages offerts par
AIR FRANCE
entre **SAIGON** et **PARIS**

★ Arrêtez-vous en cours de route,
vous avez
45 POSSIBILITES

★ Il ne vous en coûtera rien de plus
« C'EST LE MÊME PRIX »

*DE PLUS EN PLUS de possibilités vous
sont offertes pour le même prix.*

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

SAIGON — Téléphone 20.981 à 984

et toutes agences de voyages agréées



NHÀ THUỐC

LÀ THÀNH

195 — 201, Đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại : 20.577 — Điện-Tín LATHANH — SAIGON

TỔNG PHÁT HÀNH ĐẶC CHẾ

Các Viện Dược-Phẩm danh tiếng:

- LEDERLE (Huê-Kỳ)
 - GLAXO (Anh-Quốc)
 - LILLY (Huê-Kỳ)
 - SQUIBB (Huê-Kỳ)
 - PHILIPP ROXANE (Hòa-Lan)
 - SCHERING (Huê-Kỳ)
 - AMBRINE (Pháp-Quốc)
 - DE ANGELI (Ý-Đại-Lợi)
 - DON BAXTER (Huê-Kỳ)
 - ỒNG CHÍCH
 - KIM CHÍCH
- và
- { « IDEAL »
(Huê-Kỳ)

ĐẶC CHẾ NỘI HÓA :

- IODOPHEDRINE « MUS »
(Thuốc suyễn)
- BANCAMYD (Trị ban cầm trẻ em)
- ELIXIR ANTICHLERIQUE et ANTIDIARRHEIQUE « MUS »
(Trị tiêu chảy, thiên thời, đau bụng, ỏi mửa kiết lý, kiết đàm, kiết máu)
- SIROP PECTORAL « MUS »
(Thuốc ho)
- MUSTONIC (Thuốc bổ)
- SIROP BEBEMUS (An thần trẻ em)
- ANTIMYCOSE « MUS » (Trị lông ben)
- VERMI « MUS » (Trị sán lải)
- HEPATOMUS (Trị bệnh gan)
- LINIMUS (Dầu thoa bóp)
- CORRICIDE « MUS » (Trị mắc cá)
- CORTAL
(sous licence STERLING)

Tiếp đãi ân cần — Bào chế kỹ lưỡng theo toa Bác-sĩ
CÓ ĐỦ : Dược-phẩm — Dụng-cụ y-khoa — Hóa-học phẩm

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

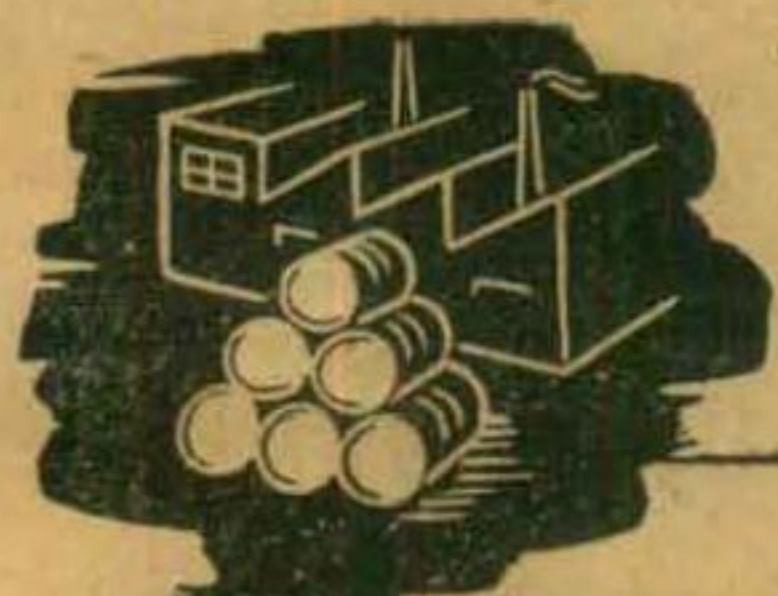
Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



→ Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



→ Xà-bông nước hoá-học



→ Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



→ Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẽ, vừa tiện lợi



→ Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy



BÁCH - KHOA

Số 56 — Ngày 1 - 5 - 1959

	Trang
LÊ-LINH	
TRƯƠNG-VĂN-CHÍNH và NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Vấn đề nghiện rượu tại Việt-Nam . 3
	Nhân đọc bài : « Vài nhận xét về Văn phạm Việt-Nam của Giáo-sư P.J. Honey » 9
PHẠM-HOÀNG	Mặc cảm phạm tội. 15
ĐOÀN-THÊM	Lấy vợ, lấy chồng 16
PHAN-KHOANG và HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch)	Đức ăn kiêng của Lão-giáo và đức khiêm nhu của Ki-tô giáo 25
ĐÔNG-HỒ	Thư ký Hàn lâm viện Ấn-độ . . . 32
CÔ-LIÊU	Sinh vật học và con người 39
BINH-GIANG	Cảm tác lúc lưu đày (thơ Ông-Ích- Khiêm) 45
Hải-Minh TRẦN-VĂN-KHÊ	Lá thư Hải ngoại 46
Cô PHƯƠNG-THẢO	Điểm sách (Siu Cô-Nương) 51
TRIỀU-ĐẦU	Điều chỉnh một điểm ngộ nhận về Tác phẩm « Kẽm trống » của Trúc-Sĩ 61
TƯỜNG-LINH	Những bàn tay (thơ). 63
BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í	Tiếng địa phương 65
B.S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	Từ điển y ngữ Việt-Nam 73
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA	Tôi đóng phim bên Anh. 79
Á-nam TRẦN-TUẤN-KHẢI	Đường thi dịch giải 86
LÊ-HÙNG	Một lời (truyện ngắn) 89
PHAN-LẠC-TUYÊN	Dòng suối đam mê (thơ) 99
NGUYỄN-PHÚC	Thằng khùng (truyện ngắn) . . . 101

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

P. I. N.

TIÊU-DÂN

SONG-AN CƯ-SĨ

TRẦN-HÀ

ĐOÀN-THÊM

THÁI-VĂN-KIỂM

NGUYỄN-NGỌC-QUANG

NGUYỄN-TỬ-QUANG

THỂ-QUANG

PHẠM-HOÀNG-HỘ

HUYNH-ĐỆ

NGUYỄN-THIẾU-NGUYỄN

TRẦN-VĂN-KHÊ

PHONG-NGẠN

NGUYỄN

VÂN-TRANG

CÔNG-DIÊU

MINH-HỮU

PHAN-VỌNG-HÚC

LƯU-NGUYỄN Đ.T.T.

: Văn thế nào là ba lan

: Những sự sai lạc ngày nay

: Vấn đề dân tộc tự quyết.

: Tìm hiểu đường lối chính trị của nước Căm-bốt.

: Huyền-Trang và chuyển trình kinh lịch sử.

: Sinh con đẻ cái.

: Những thiếu sinh gương mẫu.

: Thơ Ma.

: Thử tìm xuất xứ bài Vọng cổ.

: Minh minh đức

: Sự bảo tồn thiên nhiên.

: Quân nhân phạm pháp.

: Đặc tính của tiểu thuyết.

: Âm nhạc phải chăng là một thứ tiêu khiển?

: Chiếc áo trên mồ (truyện ngắn)

: Bà mẹ già (truyện dịch)

: Phấn đấu (truyện ngắn).

: Thà chết một mình (truyện dịch).

: Ngày lại sáng (truyện ngắn).

: Phạm-Quý-Thích.

: Lượn sóng mắt ở Liên-xô.

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. 25.539

Nhà in : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : Ô. Huỳnh-văn-Lang

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

vấn đề NGHIÊN RƯỢU

TẠI

VIỆT-NAM

• LÊ-LINH

SỐ TIỀN CHI TIÊU HÀNG NĂM VỀ RƯỢU TRUNG BÌNH LÀ 856 TRIỆU BẠC VIỆT-NAM TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI 342.400 TẤN LÚA, ẤY LÀ CHƯA NÓI TỚI NHỮNG HẬU QUẢ TAI HẠI DO SỰ NGHIÊN RƯỢU GÂY RA.

TỪ ngàn xưa, nước Việt-Nam vẫn nằm trong trạng thái khí hậu khác nhau, do đó vấn đề nghiên rượu cũng có nhiều sự cách biệt cho từng miền. Dem phân hai miền đất trên bản đồ nước Việt-Nam, người ta thấy khí hậu từ Ai Nam-quan đi vào tới Bình-định, thì mỗi năm gồm có bốn mùa : Xuân, Hạ, Thu, Đông : Nhưng từ Nha-trang vào tới mũi Cà-mau thì một năm chỉ thấy có hai mùa, một là mùa nắng từ tháng 1 d.l. đến hết tháng 4 d.l. và mùa mưa bắt

đầu từ tháng 5 đến hết tháng 10 d.l.

Trong các cuộc khảo sát về sinh hoạt dân chúng, chúng tôi có dịp nghiên cứu về vấn đề nghiên rượu một cách tổng quát tại các thôn quê cũng như các thành phố trên toàn lãnh thổ.

Trước khi đề cập tới phân xuất người nghiện rượu, chúng tôi xin đưa ra các bảng kê khai sau đây, trình bày những loại rượu cũng như các loại đồ uống có chất rượu hoặc do nhập cảng từ ngoại quốc, hoặc do sản xuất ngay trong nước.

VAN ĐỀ NGHIÊN RƯỢU TẠI VIỆT-NAM

Các loại rượu nhập cảng và tiêu thụ trong xứ Việt-nam từ năm 1955 đến 1957 (1)

Năm	Loại rượu nhập cảng	Số lượng Đơn vị tạ (100k)	Trị giá (1.000\$ V.N)	Xuất xứ rượu nhập cảng
1955	— Rượu nho, rượu vang, rượu khai vị. (Vins, Vins de liqueurs, Vins mousseux, Vermouth et apéritifs à base de vin)	81.765	84.194	Pháp, Bồ-đào-nha Bắc - phi (Algérie) Đức, Tây - ban - nha, Ý, Hòa-lan, Nhật, Tây - phi thuộc Pháp, Ma-đa-gát-ca
1956	— nt —	3.331	5.477	
1957	— nt —	11.202	11.702	
1955	— Rượu mạnh (Eaux-de-Vie)	11.575	66.675	Pháp, Đức, Anh,
1956	(Whisky, Cognac, Martell, Bis-	1.701	11.033	Mỹ, Đan - mạch,
1957	quit, Rhum)	3.571	22.250	Hòa-lan, Trung-hoa.
1955	— Rượu mùi (Liqueurs)	3.257	9.921	Pháp, Anh, Hòa-
1956	(Gin, présenté et autres pré-	263	777	lan, Bồ-đào-nha,
1957	sentées — nt —	510	1.442	Trung - hoa, Ấn - hời.
1955	— Bia (Bière) nhập cảng	38.857	43.235	Pháp, Đức, Áo,
1956	— nt —	3.982	3.949	Đan-mạch, Anh,
1957	— nt —	526	542	Na - uy, Hòa - lan, Thụy - sĩ, Bỉ - lục-Xâm-bảo.

(1) Theo tài liệu của Tổng Nha Quan-Thuế V. N.

Tình hình các loại rượu sản xuất và tiêu thụ tại Việt-Nam (1)

Các loại rượu do hãng rượu Đông-Dương sản xuất

1955	1956	1957
67.740 hl	12.394 hl	80.593 hl

Do các hãng khác sản xuất

—	10 triệu đồng V. N.	—
---	------------------------	---

Do thôn quê sản xuất

—	110 triệu đồng V. N.	—
---	-------------------------	---

Các thứ đồ uống có chất rượu do hãng B.G.I. sản xuất

La Bière

657.534 hl	532.273 hl
------------	------------

(1) Theo tài liệu của Sở Khảo-Cứu Ngân-Hàng Quốc-Gia Việt-Nam.

Xem trong những bảng tổng kê các loại rượu tiêu thụ do nhập cảng và do sản xuất trong nước trên đây. Ta thấy vấn đề nghiện rượu tại Việt-Nam là một vấn đề khá quan trọng tới sức

khỏe của đa số dân chúng.

Đem phân tách tỉ mỉ, ta nhận thấy tổng số tiền chi tiêu của các gia đình Việt-Nam trong vấn đề tiêu thụ rượu như sau :

Rượu nhập cảng

Năm	Số lượng Các loại rượu Đơn vị tạ (100k)	TRỊ GIÁ	
		Bảng tiền (1.000 \$VN)	Bảng lúa (1.000 gạ)
1955	135.454	204.025	4 080
1956	9.277	21.236	424
1957	15.809	35.936	718

Ngoài những số rượu nhập cảng của nước ngoài, trong xứ ta còn có các Hãng đã sản xuất rượu lớn như Hãng Rượu Đông-Dương (Distileries de l'Indochine) và S.I.C.A; các lò sản xuất rượu ở các thôn quê hoặc các lò sản xuất của các tư nhân và các hãng tư khác.

Số rượu của hãng Rượu Đông-Dương sản xuất :

Năm 1955 : 67.740 hl
 Năm 1956 : 12.394 hl
 Năm 1957 : 80.593 hl

Số rượu do các hãng khác và thôn quê sản xuất trong năm 1956 có giá trị tương đương với 120 triệu bạc Việt-Nam hay là 48.000 tấn lúa.

Đi song song với rượu cất, còn có rượu bia do hãng B.G.I. sản xuất. Người ta được biết năm :

1955 sản xuất 657.534 hl rượu bia
 1956 » 532.273 hl »
 1957 » » »
 1958 » » »

Những bản kê khai trên đây, ta có thể ước lượng hằng năm số tiền chi phí về các khoản tiêu thụ rượu trung bình như sau :

Rượu nhập cảng : 30 triệu bạc V.N.

Rượu bia (B.G.I.) : 640 -nt-

Rượu cất (D. de
 l'Ind. S.I.C.A,
 thôn quê v.v...) : 186 -nt-

Tổng cộng ... 856 triệu =
 342.400 tấn lúa.

Phân xuất số người nghiện rượu tại các thôn quê và các thành thị trong xứ Việt-Nam

Như trên ta đã đề cập đến vấn đề uống rượu cũng chịu ảnh hưởng do khí hậu từng miền. Người miền Trung khác miền Nam, miền Cao-nguyên khác miền đồng bằng.

Trước hết ta hãy chọn một vài địa điểm các vùng Cao - nguyên làm tiêu chuẩn.

Tình hình tại Kontum, Pleiku.

Tại Kontum cũng như Pleiku, hầu hết đồng bào Thượng, đàn ông cũng như đàn bà và trẻ em uống rượu hằng ngày. Họ thường uống rượu ngâm trong một cái vò, và khi uống phải dùng bằng cần, nên người ta thường gọi là « rượu cần ». Rượu này đồng bào Thượng uống hằng ngày, nên nhiều khi không đủ lúa ngâm rượu, họ phải dùng ngô (bắp) làm rượu thay cho gạo.

Trong làng Thượng Konh'ring mà chúng tôi đã có dịp viếng thăm, với dân số 922 người, mỗi năm số lúa dùng vào việc nấu rượu cất (rất ít) và rượu cần, tới một con số đáng chú ý là 7 tấn lúa (1).

Viếng thăm một ít khu vực khác thuộc tỉnh Pleiku, các làng Bôn-Tông-Se, Bôn-Rung-M'đoan, Bôn-Chư-Ma, Bôn-Ma-Vick, Cheoreo v.v..., đồng bào Thượng cũng đều tiêu thụ rượu như tại vùng Kontum.

Đối với đồng bào Thượng, rượu được dùng gần như thay cho nước uống, đến nỗi khi đi làm việc, đi tắm ở những ven suối róc rách từ các chân đồi ngoạn mục; họ cũng mang theo một bầu rượu để uống. Đặc điểm đáng chú ý nhất của đồng bào Thượng là khi ra đường bất cứ hoặc đi làm việc hoặc đi chơi, đều đi chung cả vợ chồng, con cái. Những em nhỏ chưa đi được thì người mẹ đeo trên vai, còn người chồng đeo cái gùi ở sau lưng, tuy nhiên không khi nào quên đem theo ngang hông một bầu rượu.

Đi về các làng Thượng thuộc miền Cao-nguyên Darlac (Ban-mê-Thuộc), chúng tôi lại được dịp viếng thăm một ít

làng nhỏ như làng Buôn Kroa, quận Lak (ngày nay được gọi là Lạc-Thiện) và một số ít làng thượng khác thuộc xứ Djiring, miền Cao-nguyên Đà-lạt v.v... Những làng này đối với Kontum và Pleiku tuy ở những khu vực khác nhau về địa dư, nhưng cách sống hoàn toàn giống nhau từ phong tục cổ truyền cho tới mọi hoạt động thường xuyên khác.

Do những nhận xét trên đây về số đồng bào Thượng nghiện rượu, người ta có thể ước định 100% trong số những người lớn từ trên 15 tuổi.

Tình hình tại các thôn quê và thành thị Việt-Nam.

Về phân xuất người Việt-Nam nghiện rượu, ta chỉ có thể nhận xét theo tình hình tổng quát, không thể căn cứ vào một tài liệu nào, có thể tính phân xuất một cách chắc chắn ngay cả ước định được.

Theo nhận xét chung, thì những người nghiện rượu đa số là do thói quen và còn tùy theo hoàn cảnh của địa phương mà có nhiều người nghiện hay ít. Như người xứ lạnh bao giờ cũng uống nhiều hơn xứ nóng, mùa đông, mùa xuân, sẽ uống nhiều hơn mùa thu, mùa hạ. Miền Cao-nguyên uống nhiều hơn miền Trung-nguyên. Nhưng trong thực tế miền Nam lại nhiều hơn miền Trung. Đoạn trên đây ta thấy có đôi chút mâu thuẫn về khí hậu, như người miền Nam lại uống rượu nhiều hơn cả Trung và Cao-nguyên? Nhưng tôi đã đề cập ở trên là do thói quen và một lý do khác là chịu ảnh hưởng sự uống rượu của phần đông người Trung-hoa cư ngụ trên lãnh thổ miền Nam-Việt từ thời xưa tới giờ. Ngoài ra, những người làm việc vất vả thường uống rượu nhiều hơn người làm

(1) Theo sự ước định của Cha Brice, cha sở xứ Konh'ring.

việc nhẹ và còn tiêu thụ thường xuyên. Vấn đề nghề nghiệp của dân chúng, cũng gây ảnh hưởng trong vấn đề tiêu thụ rượu, như nghề làm muối, đánh cá ở biển khơi tất nhiên tiêu thụ rượu nhiều hơn là nghề làm ruộng. Phu khuân vác tại các bến tàu, bến xe, dĩ nhiên uống nhiều hơn người đi bán dạo v.v...

Uống rượu cũng còn do ảnh hưởng của các phong tục tập quán, như khi có giỗ, lễ

cưới hoặc các ngày lễ lớn trong làng xã hay tại các thị thành, thì dân chúng lại có dịp uống rượu nhiều hơn các ngày khác.

Cũng nên biết thêm về số công nhân tại bất cứ đồn điền khai thác loại cây kỹ nghệ nào, hoặc tại các xí nghiệp sản xuất nào, tất nhiên số người nghiện rượu sẽ có nhiều hơn. Những loại người sau đây thuộc vào loại tiêu thụ rượu mạnh (Eaux-de-Vie) hằng ngày :

Loại người	Phân xuất người tiêu thụ rượu	Loại rượu hay dùng nhất	Hạng tuổi
1) Các nghiệp-chủ, Đại thương - nghiệp và nghệ tự-do.	70%	Whisky, Martell, Cognac, Martini	+ 30
2) Điền-chủ và công, tư-chức các loại.	60%	Rượu thuốc, rượu cất, La bière và Rượu Vang (Vins)	— nt —
3) Công-nhân các loại.	80%	Rượu cất (rượu nấu bằng gạo)	— nt —
4) Dân chài lưới.	60%	Rượu cất (rượu trắng)	— nt —
5) Diêm dân.	60%	— nt —	+ 25
6) Nông-dân.	30%	— nt —	+ 28
7) Đồng bào Thượng (kể cả đàn bà).	100%	Rượu cần	+ 15
8) Đàn bà (kể cả các loại).	{ 12% 2%	Rượu bière, Dubonnet và rượu thuốc	+ 30 + 40

Những phân xuất trên đây chỉ tượng trưng cho các loại người nghiện rượu do ảnh hưởng nghề nghiệp, có thể biến đổi trong một ít trường hợp. Ngoài ra còn có một số ít người nghiện ngập quanh năm, mỗi khi uống rượu là người đó la lối huyên thuyên, người ta ước định 2% trong số các loại người nghiện rượu.

Và phân xuất này cũng chỉ kể những người ở vào hạng tuổi trên 30, còn dưới 30 tới 18 thì phân xuất giảm bớt và ít dùng rượu mạnh hoặc các loại rượu khác được biến chế chưa quá 20°. Lớp người này tại các thành thị đa số dùng rượu bia (la bière) và rượu vang (vins) tại thôn quê thì cũng dùng rượu mạnh (rượu

cất), nhưng mỗi thanh niên chỉ uống lỗi 1/10 lít trong "những dịp vui chơi với chúng bạn mà thôi, ngoài ra họ cũng ưa dùng rượu bia (la bière) hơn là rượu trắng.

Xem trong phân xuất các loại người nghiện rượu và số tiền chi tiêu do sự tiêu thụ các loại đồ uống có chất rượu, ta thấy vấn đề nghiện rượu tại Việt-Nam ngày nay là một vấn đề rất quan trọng đối với sức khỏe của đồng bào. Con số tiền chi tiêu về rượu hằng năm, ta đã thấy trung bình là 856 triệu bạc Việt-Nam tương đương

với 342.400 tấn lúa, ấy là chưa nói tới những hậu quả tai hại do sự nghiện rượu gây nên.

Nếu nạn nghiện rượu được giảm bớt, số tiền trên đây tất sẽ giúp được nhiều lợi ích cho một số ít nhu cầu cần thiết trong mọi gia đình về phương diện kinh tế; ngoài ra còn bảo vệ được sức khỏe cho đa số dân chúng Việt-Nam một cách rất hữu hiệu.

Viết tại Saigon, ngày 7 tháng 1 năm 1959

LÊ-LINH

Danh ngôn, danh lý

THỰC TẾ

- ★ Người thực tế cần phải có óc thực tế toàn diện, không để cho một chi tiết thôi miên mình khiến chỉ thấy chi tiết ấy thôi. Người chỉ huy không bao giờ để mất cái nhãn lực toàn diện, hầu giữ sự cân đối trong mọi sự việc, cho mỗi sự việc một tầm quan trọng tương đối xứng hợp.
- ★ Người có tài tổng quát là người thấy xa, lường trước được các mối liên hệ giữa hai sự việc. Nhờ vậy, mà người ấy đánh giá đúng mức tầm quan trọng của vấn đề hiện tại, không coi thường nó, vì biết nó có thể ảnh hưởng tới đâu, nhưng cũng không quan trọng hóa nó, vì biết ngoài nó, còn có nhiều vấn đề khác hoặc quyền lợi khác cũng cần phải tôn trọng và không thể để nó phương hại tới được.
- ★ Việc sắp xảy ra mà ngăn được, việc đương xảy ra mà cứu được, việc đã hỏng mà vớt lại được, đó là có quyền biến, có tài năng. Chưa có việc mà biết việc sắp đến, mới có việc mà biết việc sau thế nào, định việc mà biết việc xảy ra thế này, thế khác, đó là có tính lo xa và có kiến thức. (Lã-Khôn)

« Vài nhận xét về Văn Phạm Việt-Nam »

của Giáo-sư P. J. HONEY

Trương-Văn-Chỉnh
và Nguyễn-Hiến-Lê

(Xin xem Bách-Khoa từ số 55)

Chúng tôi đã nói qua về cách chúng tôi phân từ loại tiếng Việt, chúng tôi xin trở lại cách giáo sư Honey phân loại để xem có hợp với ngôn ngữ của ta không, và có giản dị hơn phương pháp của chúng tôi không ? Chúng tôi sẽ không xét hết cả 12 loại tiếng theo giáo sư Honey, mà chỉ nói đến 5 loại trên, vì e rằng bài này viết sẽ dài quá.

a) « Tự loại 1 và 2 »

Đề định từ loại, Giáo sư Honey dùng đến những tiếng giáo sư gọi là « chỉ tự », nghĩa là tiếng « chọn lựa làm mẫu mực cho việc thành lập một tự loại ». (« Chỉ tự », Lê-Văn-Lý gọi là *mots-témoins*).

Định hai « tự loại » 1 và 2, giáo sư dùng làm « chỉ tự » những tiếng *hiều*, *lắm*, *rất*, *hơi*, và giáo sư nói :

Tất cả các chữ Việt đi liền ngay trước chữ không bao giờ theo sau hoặc chữ *hiều* hay chữ *lắm* thì được dùng để lập thành một hệ thống chữ thuộc tự loại 1 và tự loại 2.

Trong số những tiếng thuộc « tự loại » 1 và 2, tiếng nào có thể đặt sau *rất* hay *hơi* thì xếp vào tự loại 1, tiếng nào không thể đặt sau *rất* hay *hơi* thì thuộc tự loại 2. Ví dụ (11) :

Tôi đọc nhiều sách.

Ngôi nhà này hẹp lắm.

Theo giáo sư Honey, hai tiếng *đọc* và *hẹp* thuộc cùng « một hệ thống chữ », hệ thống này gồm hai tự loại 1 và 2 ; nhưng vì ta không thể nói « *rất đọc* » hay « *hơi đọc* », mà trái lại có thể nói « *rất hẹp* » hay « *hơi hẹp* », nên giáo sư xếp *hẹp* vào tự loại 1 và *đọc* vào tự loại 2.

(11) Ví dụ của giáo sư Honey.

Ông Lê-Văn-Lý cũng đã dùng *nombre*, *lắm* làm *mots-témoins* để định loại B, và cũng viết rằng trong tiếng thuộc loại B, có thể phân ra một loại riêng nữa gọi là loại B' : muốn phân biệt loại B với loại B' thì dùng *trên* hay *hơn* làm *mots-témoins* (12).

Nói tóm lại, « tự loại 1 » của giáo sư Honey giống như « loại B' » của ông Lê-Văn-Lý, « tự loại 2 » của giáo sư giống như « loại B » của ông Lê-Văn-Lý. Ông Lý gọi loại B là *verbe*, loại B' là *adjectif*, chẳng khác gì Trần-Trọng-Kim gọi là động từ và tính từ.

Chúng tôi chủ trương về phương diện từ tính tiếng ta không cần phân biệt hai loại như *verbe* và *adjectif* của Pháp, hay như động từ và tính từ theo Trần-Trọng-Kim. Chúng tôi xếp chung vào một loại gọi là trạng từ, vì phần nhiều trạng từ của ta vừa chỉ trạng thái động vừa chỉ trạng thái tĩnh của sự vật. Ví dụ :

Tôi treo ảnh trên tường.

Con chim bay vút qua nhà.
thì *treo*, *bay* chỉ « động », nhưng khi ta nói :

Ảnh treo trên tường.

Bức họa vẽ con chim bay.
thì *treo*, *bay* không chỉ « động » mà chỉ « tĩnh ». Lại như :

Cô ấy mặc áo đỏ.

Cô ấy đẹp lắm.
thì *đỏ*, *đẹp* chỉ « tĩnh », nhưng trong câu :

Cô ấy thẹn đỏ mặt ra.

Cô ấy càng ngày càng đẹp.
thì *đỏ*, *đẹp* không chỉ « tĩnh » nữa. *Đỏ* chỉ một trạng thái đột biến, *đẹp* chỉ một

trạng thái diễn triển, mà đột biến và diễn triển chúng tôi coi là « động ».

Chúng tôi tiếc rằng trong phạm vi một bài báo không thể nói nhiều hơn về quan niệm trạng từ của chúng tôi. Nếu cần, chúng tôi sẽ viết một bài riêng về loại tiếng ấy, nhưng chúng tôi tưởng cần phải nói rằng người Pháp phân biệt *verbe* với *adjectif* vì từ tính thì ít, mà vì cách dùng hai loại tiếng ấy trong câu thì nhiều, và như vậy, lỗi phân loại của họ không thật là hợp lí vì khi thì họ phân loại theo bản chất về ý nghĩa, khi thì họ phân loại theo chức vụ ngữ pháp.

Giáo sư Honey cho rằng cứ tiếng nào có thể đặt trước *nombre* hay *lắm* thì thuộc vào tự loại 1 hay 2, và cứ tiếng nào có thể đặt sau *trên* hay *hơn* thì thuộc vào tự loại 1, còn các tiếng khác thuộc tự loại 2, chúng tôi e rằng chưa thật là đúng. Ví dụ :

(A) *Tôi đọc nhiều sách.*

thì *đọc* theo giáo sư Honey thuộc tự loại 2, vì *đọc* có thể đặt trước « chỉ tự » *nombre*, mà không thể đặt sau « chỉ tự » *trên* hay *hơn*. Nhưng, ta nói :

(B) *Tôi đọc sách nhiều lắm.*

(C) *Tôi đọc nhiều sách lắm.*

thì tiếng *sách* có thể đặt trên tiếng *nombre* và tiếng *lắm*, có xếp được vào tự loại 2 không ?

Theo chúng tôi chủ trương, thì cả ba câu trên, *đọc* là trạng từ, và *sách* là thể từ. Vậy nói về từ tính, *đọc* và *sách* thuộc hai loại khác nhau. Nói về từ vụ, thì *đọc* là tiếng chính trong thuật từ (*đọc nhiều sách*, hay *đọc sách nhiều lắm*, hay *đọc nhiều sách lắm*). Phân tích thuật từ,

(12) *Le Parler Vietnamien*, tr. 159, 163.

thì câu A : *nhiều sách* là túc từ của *đọc*, mà trong tổ hợp này *sách* là tiếng chính, *nhiều* là một hạng hạn từ chúng tôi gọi là lượng từ. Câu B : *sách và nhiều lắm* cũng là túc từ của *đọc*, ta cũng có thể nói rằng *nhiều lắm* là túc từ của cả tổ hợp *đọc sách* ; còn trong tổ hợp *nhiều lắm*, *nhiều* là tiếng chính, *lắm* là túc từ. Câu C : *nhiều sách lắm* là túc từ của *đọc*, mà trong tổ hợp này *sách* là tiếng chính, *nhiều lắm* là lượng từ. Nhưng chúng tôi phải nói thêm vì sao tiếng *lắm* lại đặt cuối câu.

Lắm có hai nghĩa : một nghĩa là *nhiều*, một nghĩa như *rất* (mà *rất* có lẽ ở tiếng Hán Việt chỉ chuyển sang Nôm). Tỉ dụ :

Lắm người yêu hơn nhiều người ghét.

Người khôn nói lắm dẫu hay cũng nhàm.
lắm dùng theo nghĩa là *nhiều* ; câu trên *lắm* dùng làm lượng từ cho *người* ; câu dưới *lắm* dùng làm túc từ cho *nói*.

Quyền sách này hay lắm.

Lắm có nghĩa như *rất*, và dùng làm túc từ cho *hay*. (Hay *lắm* = *rất hay* : ta sẽ nói ở dưới vì sao *rất* dùng làm túc từ lại đặt trước tiếng chính.)

Anh Giáp ăn $\left\{ \begin{array}{l} \text{nhiều} \\ \text{ít} \end{array} \right\}$ *lắm.*

nhiều lắm, *ít lắm* là túc từ của *ăn*, mà trong hai tổ hợp này *lắm* cũng có nghĩa như *rất* và dùng làm túc từ của *nhiều*, *ít*.

Nhưng *nhiều lắm*, *lắm lắm*, *ít lắm* dùng làm lượng từ cho thể từ, ta phải đặt *lắm* (= *rất*) sau thể từ chính :

Anh Giáp ăn nhiều (lắm, ít) rau lắm.

Ông Ất có nhiều nhà lắm.

Thể từ chính có túc từ, *lắm* lại đặt sau cả túc từ :

Ông Ất có nhiều nhà cho thuê lắm.

Thể từ chính dùng làm chủ từ, *lắm* đặt sau thuật từ :

Năm nay ít người đổ tú tài toàn phần lắm.

Nói tóm lại, tiếng *lắm* dùng theo nghĩa như *rất* đặt cuối câu. Sở dĩ chúng ta dùng tiếng *lắm* như vậy, là vì tiếng ta nói « có hậu », câu nói không muốn đề cụt cần, cộc lốc, ta lại muốn cho lời nói cân đối, nên ngoài tiếng *lắm*, có nhiều tiếng dùng làm hạn từ đáng lẽ đặt trước tiếng chính, lại đặt cuối câu, như : *hết*, *cả* ; *rồi* (= *đã*) ; *luôn* (= *thường*) ; *được* (= *có thể*) ; *thôi* (= *chỉ*) ; *nào, đâu* (= *không thể nào*) ; *nữa* (= *thêm, còn, lại*). Ở trên chúng tôi đã đặt vấn đề : vì sao tiếng *rất* dùng làm túc từ lại đặt trên tiếng chính ? Tiếng ta có một hạng túc từ của trạng từ, chúng tôi gọi là hình dung từ của trạng từ, có thể đặt trước tiếng chính, khi nào tiếng hình dung từ ấy là từ đơn hay từ kép ; tỉ dụ :

Thuyền chạy vùn vụt, gió thổi ù ù,
(Ng.Tr. Thuật)

cũng có thể nói :

Thuyền vùn vụt chạy, gió ù ù thổi.

Vùn vụt là hình dung từ của *chạy*, *ù ù* là hình dung từ của *thổi*, đáng lẽ phải đặt sau tiếng chính, nhưng có thể đặt trước.

Chúng tôi lại lấy mấy câu tỉ dụ khác :
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
(Nguyễn-Du)

Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh phu trăng đối đối soi.
(Đoàn-Thị-Điểm)

Đào rầu rầu ử, liễu hơi hơi gầy.
(N.H. Tự)

Vợ mỉm cười, âu yếm nhìn chồng.
(Khái-Hưng)

Trắng, ừ ừ, dỗi dỗi, rầu rầu, hơi hơi, mỉm, âu yếm là tiếng dùng làm hình dung từ đặt trước tiếng chính. *Rất* dùng làm hình dung từ cũng ở trường hợp này. Và lại, không nhất định *rất* phải đặt trước tiếng chính, vì ta nói :

Anh ấy rất khôn ngoan.
nhưng :

Anh ấy khôn ngoan rất mực.

Câu trên, *rất* là túc từ của *khôn ngoan* đặt trước tiếng chính, nhưng câu dưới *rất* *mực* là túc từ của *khôn ngoan* lại đặt sau. Theo lối giáo sư định từ loại, thì *khôn ngoan* và *mực* cùng thuộc vào một loại (loại 1) vì cùng có thể đặt sau tiếng *rất*. Nhưng chúng tôi tưởng rằng về từ tính, *khôn ngoan* là trạng từ, mà *mực* là thề từ (*mực* = chừng, độ, hạn; *rất* *mực* = quá (cái) chừng mực thường). Về phương diện từ vụ thì cả hai câu *khôn ngoan* dùng làm thuật từ, mà *mực* ở câu dưới dùng làm túc từ của *rất*.

Xem vậy thì cách giáo sư Honey phân hai « tự loại 1 và 2 », lấy *nhieu*, *lắm*, *rất*, *hơi* làm « chỉ tự » không có căn bản chắc chắn, không hợp với tiếng Việt-Nam.

b) « Tự loại 3, 4 và 5 »

Theo giáo sư Honey

Tất cả các chữ Việt nào :

a) không phải là thành phần của tự loại 1 và 2,

b) và đi theo ngay sau một trong những chỉ tự « các », « những », « mấy », « nhiều », « bao nhiêu »,

c) hay đứng trước một trong những chỉ tự « này », « ấy », « kia »,

đều được liệt vào loại chữ mà thành phần hợp thành các tự loại 3, 4 và 5.

Muốn phân biệt ba từ loại ấy, lại phải dùng tiếng một làm « chỉ tự », và tiếng nào

không bao giờ đi theo ngay sau chữ « một » thì được xếp vào tự loại 3.

(Tiếng nào) có vị trí ở ngay giữa chữ « một » và chữ thuộc tự loại 3 thì được xếp vào tự loại 4.

(Tiếng nào) đi theo ngay sau chữ « một » và không bao giờ đứng trước một chữ thuộc tự loại 3 thì được xếp vào tự loại 5.

Ti dụ :

(A) *Cha tôi có một cái nhà và một con trâu.*
(4) (3) (4) (3)

(B) *Trong buồng kia chỉ có một cái ghế thôi.*
(4) (3)

(C) *Tôi ở đây một tháng rồi.*
(5)

(D) *Nó làm xong công việc ấy trong một ngày.*
(5)

Chúng tôi chủ trương rằng những tiếng *cái*, *con*, *nhà*, *trâu*, *ghế*, *tháng*, *ngày*, về từ tính đều là thề từ cả, mà phân ra ba loại thì phiền phức quá. (Phương pháp của ông Lê-Văn-Lý giản dị hơn, vì *Le Parler Vietnamien* gồm cả vào loại A, còn gọi là « danh từ ».) Điều quan trọng là phải nhận định vì sao tiếng Việt nói : một con trâu, một cái nhà, một cái ghế, mà lại nói : một tháng, một ngày.

Như chúng tôi đã nói trên, trong những tổ hợp « một con trâu », « một cái nhà », « một ngày », thì *trâu*, *nhà*, *ngày* là

tiếng chính, mà *một*, *con*, *cái* là hạn từ. Nhưng hạn từ chia ra nhiều hạng. Một dùng làm lượng từ; *con*, *cái* dùng làm loại từ:

Loại từ là tiếng dùng để hạn chế ý nghĩa tổng quát hay bất định của một thể từ. Tỉ dụ, câu tục ngữ:

Mẹ hát con khen hay.

diễn tả một việc thông thường, có thể áp dụng cho bất cứ người mẹ nào, bất cứ người con nào. Hai thể từ *mẹ* và *con* dùng theo nghĩa tổng quát. Nhưng khi ta nói:

Cụ Giáp là bà mẹ hiền.

Bác Ất và bác Bính là hai người con có hiếu.

thì *mẹ*, *con* không dùng theo nghĩa tổng quát, mà dùng để chỉ người mẹ, người con nhất định nào: một người mẹ là cụ Giáp, hai người con là bác Ất và bác Bính. Trong hai câu trên, *mẹ*, *con* dùng theo nghĩa hạn chế, và tiếng *bà* dùng để hạn chế nghĩa tổng quát của tiếng *mẹ*, tiếng *người* dùng để hạn chế nghĩa tổng quát của tiếng *con*. Chúng tôi gọi *bà*, *người* là loại từ, vì tùy theo thể từ chính chỉ sự vật gì mà tiếng Việt dùng hạn từ khác nhau.

Nay ta lại nói:

Vườn nhà anh Giáp trồng toàn na.

Chị Ất ra chợ mua na.

Câu trên, tiếng *na* chỉ cây na, câu dưới tiếng *na* chỉ quả na. Cả hai câu tiếng *na* dùng theo nghĩa bất định. Nhưng ta nói:

Vườn nhà anh Ất trồng bốn cây na.

Chị Ất mua mười quả na.

thì ta biết số lượng nhất định: bốn cây

na, mười quả *na*. *Na* dùng theo nghĩa hạn chế, nên ta dùng loại từ *cây*, *quả*.

Tuy nhiên, cách dùng loại từ của ta rất uyển chuyển, không nhất định rằng thể từ nào dùng theo nghĩa tổng quát hay bất định cũng không có loại từ, hay bao giờ thể từ nào dùng theo nghĩa hạn chế cũng cần loại từ. Chúng tôi không thể kể ra tất cả các trường hợp dùng loại từ hay không dùng loại từ, e sẽ dài quá và lạc đề. Nhưng, muốn tỏ rằng cách giáo sư Honey phân từ loại tiếng Việt có phần máy móc, không hợp với tinh thần tiếng Việt, chúng tôi cần phải trình bày thêm nhận xét dưới đây:

Loại từ đi theo một tiếng dùng làm lượng từ, còn có tính cách là đơn vị để đếm từng vật một, vì thế mà ta nói: *hai người con*, *bốn cây na*, *mười quả na*, thì *người*, *cây*, *quả* tuy là loại từ, nhưng cũng là đơn vị để đếm.

Cũng vì thế mà những thể từ, tự nó hàm ý là đơn vị, như *tiền*, *quan*, *đồng*, *bạc* (đơn vị tiền tệ); *năm*, *tháng*, *ngày*, *giờ* (đơn vị thời gian); *nước*, *tỉnh*, *làng* (đơn vị hành chính); *gia tộc*, *gia đình*, *họ*, *nhà* (đơn vị xã hội), v.v., không cần có loại từ. Cho nên ta nói:

Bốn bề một nhà.

nhà dùng theo nghĩa là đơn vị xã hội, không có loại từ; nhưng:

Ông Giáp có một cái nhà cho thuê.

nhà chỉ nhà để ở phải có loại từ. Tỉ dụ khác:

Tôi có một con ngựa.

Tôi có cái xe một ngựa.

Câu sau *ngựa* dùng theo nghĩa là đơn vị động lực nên không có loại từ (cũng như ta nói: máy bay ba động cơ, ô-tô sáu mã lực, thuyền bốn chèo.)

Theo cách phân từ loại như giáo sư Honey, thì trong mấy câu tí dụ trên, hai tiếng *nhà* và *ngựa* khi thì xếp vào « tự loại 3 » khi thì xếp vào « tự loại 5 », chẳng phiền phức lắm sao. Nghiên cứu tiếng Việt, nhận định *phải nói thế nào* không đủ, mà còn phải nhận định ra *vì sao lại nói thế*.



Chúng tôi xét qua về năm « tự loại » đầu của Giáo sư Honey như vậy cũng đủ để chứng tỏ rằng phương pháp của giáo sư có phần chưa thích hợp với đặc tính của tiếng Việt, và chúng tôi xin phép độc giả khỏi phải bàn luận thêm về những « tự loại » từ 6 đến 12 của Giáo sư.

So sánh 12 « tự loại » của Giáo sư Honey với cách ông Lê-Văn-Lý phân loại tiếng Việt, ta có thể lập bảng đối chiếu dưới đây, và ta sẽ thấy rằng lối Giáo sư Honey phân loại tiếng Việt cũng không có gì mới mẻ trong việc nghiên cứu ngữ pháp Việt Nam :

HONEY	LÊ VĂN LÝ
Tự loại 1	tương đương với <i>adjectifs</i> Loại B'
— — 2	— — — <i>verbes</i> — B
— — 3, 4, 5	— — — <i>noms</i> — A
— — 6, 7	tức <i>mots de nombre</i>
— — 8	— <i>mots personnels</i>
— — 9	— <i>particules initiales</i>
— — 10	— <i>particules médianes</i>
— — 11	— <i>particules finales</i>
— — 12	— <i>particules libres</i>

Loại B'
— B
— A

Loại C

Phân từ loại như trên, nhất định là không căn cứ vào từ tính, vì nhà « ngữ pháp mới », như chúng tôi đã nói ở trên, không lấy nghĩa của tiếng lẻ để phân từ loại. Không căn cứ vào từ tính, cách phân từ loại ấy cũng không thể nói rằng đã căn cứ vào từ vụ theo như chúng tôi hiểu thế nào là chức vụ một tiếng trong câu.

Nói tóm lại, chúng tôi chủ trương rằng nghiên cứu tiếng Việt không thể theo phương pháp cổ điển của Anh, Pháp, đã đành, mà cũng chưa chắc đã có thể áp dụng phương pháp mới được, nhất là phương pháp này, theo Pierre Guiraud, còn đang ở thời kì dò dẫm. Chúng tôi phản đối chủ trương cho rằng nghiên cứu tiếng Việt chỉ cần biết phải nói thế nào cho đúng mà không cần biết vì sao phải nói như thế. Nhưng chúng tôi thành thực kính phục tình thần nghiên cứu của Giáo sư Honey. Chúng ta học tiếng Pháp bao nhiêu năm, học tiếng Anh bao nhiêu năm, mà đã có ai đưa ra một nhận xét gì về ngữ pháp của Pháp và Anh; còn Giáo sư mới học tiếng Việt mười mấy năm mà đã đem nhiệt tâm ra góp ý kiến với chúng ta về ngữ pháp Việt, thì cái tình yêu tiếng Việt của Giáo sư mới làm cho chúng ta cảm động biết bao !

TRƯƠNG-VĂN-CHÌNH

và

NGUYỄN-HIỆN-LÊ

Tháng hai d.l. năm 1959.

✱ Có người bị quan chán nản bó tay trước định mệnh, lại có người lạc quan tai hại, nuôi ảo tưởng mà vẫn dối mình là để giữ vững tin tưởng. (Levis-Mirepoix)

thác mắC

MắC cảm phạm tội

Có người tôn sùng đạo đức đòi hỏi người làm việc phải có đạo đức.

Đòi hỏi chính đáng, tôi không chối cãi : đạo đức bao giờ cũng làm tăng giá trị công việc của một người.

Song khi làm việc, tôi có nên vì thiếu đạo đức mà thoái thác hay trốn tránh nhiệm vụ không ?

Ai là kẻ không có tội lỗi ? « Kẻ bảo mình không có tội lỗi là kẻ nói dối », Thánh Kinh của Ki-tô giáo có nói như vậy.

Tội lỗi đã phá hoại thế gian và nguồn gốc mọi đau khổ đều ở trong tội lỗi.

Nhưng người làm việc mà muốn cho mình thật có đạo đức mới chịu bắt tay, liệu có bao giờ làm nên việc chẳng ?

Tôi có thể khiêm nhượng nhận tôi là kẻ yếu đuối và tội lỗi là sự xấu xa, rồi cứ mạnh dạn tiến lên xây dựng cho nhân loại một xã hội tốt đẹp hơn không ? Và tôi có quyền tin rằng thiện chí và hành động sẽ cứu tôi không ?

LẤY VỢ,

LẤY CHỒNG

• ĐOÀN-THÊM

DUNG, 26 tuổi ; Lý 29 : chết chửa !
Nhưng chưa đáng lo bằng Loan :
31 ! Yến trông còn non thế kia,
mà đã 24 ? Hối Nhung thì ngược
nghịch hơn cả, và thô thể : cháu tuổi tuất,
chớ không dám nói là mới có 38 !

Kề thì chú này thật ác, và không chịu
theo phép lịch sự phương Tây : ai lại
phỏng vấn về xuân xanh phụ nữ ? Nhưng
cũng đáng tha thứ vì ngày Tết thì thường
hay chúc thọ, mừng tuổi, mong năm nay
cho « ăn cỗ », dự tiệc cưới. Và lại
chẳng có câu chúc nào thích hợp hơn đối
với các cô.

Tuy nhiên, lần này Hi định bông đùa
vui vẻ mà thực ra lại phải suy nghĩ :

Tại sao các cháu họ nội, họ ngoại gần
xa đều chậm có chồng, nếu chưa dám
hay nữ nói là ế ? còn má chúng xưa kia
mới hai mươi đã tay bằng tay mang ?

Hi thấy lo cho cả con gái mình :
Phượng đã 16 rồi, và chẳng lẽ cũng lại
lâm vào cảnh Lý, Dung hay Loan...

Hi nhớ đến con cháu gái các bạn hữu,
thì hình như tình trạng kể trên không
riêng gì cho họ Lê, họ Đỗ, cho gia
tộc Hi.

Cho nên Hi muốn giải quyết vấn đề :
một là sự chậm trễ có những nguyên do
đặc biệt thuộc về cá nhân, hai là thuộc
hoàn cảnh chung của xã hội Việt-Nam
hiện tại ; ở mỗi trường hợp, dĩ nhiên
giải pháp phải khác.

Song làm thế nào điều tra cho xác thực ?



Hi đành lần lượt hỏi han xem xét về
mỗi cháu, mỗi con nhà bạn thân.

Có phải tại các cô thiếu nhan sắc không ?
Những nét mặt linh lợi, những cặp mắt
thông minh, những thân hình cân đối
nhờ hoạt động nhiều hay cả thể thao nữa,
những mái tóc và y phục theo đúng thời
trang v.v..., quả là hầu hết xinh tươi óng
ả hơn lớp phụ nữ trước rất nhiều ; nhưng
mẹ Dung, tuy mặt đỏ như tào ong bầu, đã
sinh ra Dung khi mới 2! tuổi.

Hay là vì hạnh kiểm các cô không được tốt ? Cha mẹ đều thuộc thể hệ mới, vẫn cố giữ gia phong, và trong việc gia huấn không quên công dung ngôn hạnh : trường hợp của Loan. Các cháu chẳng e lệ rụt rè quá như cô, dì, má lúc thiếu thời, song cứ chỉ tự nhiên không đến nỗi quá trớn như nhiều bạn gái phương Tây ; Yến, thoạt trông thì hình như hay là lời nói cười... nhưng vài bạn trai tỏ ra thiếu lễ độ, đã bị những bài học xứng đáng.

Các cháu được ăn học nhiều năm, và nếu không đủ điều kiện bằng cấp để làm giáo sư như Loan hoặc thợ kỹ văn phòng như Lý, ít ra cũng hiểu biết khá nhiều về gia đình, dưỡng nhi, nội trợ ; biết thêu thùa, may vá, và làm bánh trái, có lẽ chưa mấy bà ngoài 40 kịp được tài Dung.

Thân mẫu Loan đã có một sáng kiến, và đã mách các bà bạn khác từ lâu : thời buổi mới, dù đức hạnh tài giỏi đến đâu, mà không cho chúng ra ngoài để người ta biết mặt, thì cũng khó kiếm chồng. Với sự chấp thuận của bà, Dung đã được xuất đầu lộ diện ở rất nhiều dịp, đi chia phần ăn hỏi hộ các bạn gái, dự không biết bao nhiêu lễ cưới, lễ giỗ, hội hè v.v... Tiến mạnh hơn nữa, Bà cụ sinh ra Nhung đã cố mở rộng phạm vi giao thiệp, nhất là đối với những gia đình có con trai lớn chưa vợ ; nên bà thuộc tên vanh vách, và có thể nói cho biết đến năm nào thì cậu N nhà ông T, hay cậu X nhà bà Y sẽ thi tốt nghiệp hay ở Mỹ về. Kết quả của những phương pháp hợp thời và thiết thực đó : cháu năm nay tuổi tuất, mà ngọc còn treo giá !

Thực ra, thì giá đã được hạ nhiều. Cháu nào cũng thú nhận rằng khi mới đến tuổi phải nghĩ tới việc lấy chồng,

ước mong rất nhiều, hay đúng hơn thì đặt nhiều điều kiện : ít ra, mặt mũi phải thể này ; ít ra học vấn phải đến trình độ kia ; ít ra, tính tình phải như anh ấy, anh nọ v.v...

Nhưng với thời gian, mười điều « ít ra » đã dần dần được rút xuống còn năm, bốn hay vô định, mà khách đông sòng, ba má biết tìm đâu ?

— Các chú và ba cứ khéo lôi thôi ! Không lấy chồng thì thôi, đã làm sao ? Cháu nghĩ đến cách tự lập hơn là lập gia đình. Nếu không gặp ai xứng đáng, cháu ở với ba má và giúp đỡ ba má còn hơn, và không thấy gì khổ như chú tưởng. Lấy chồng, vào hầu chồng, lụy nhà chồng, lo con lo cái, trăm thứ bận mình chớ quý hóa gì ? Cha chú không cần lo hộ !...

Dung đã đôi khi nói thế với giọng quả quyết. Ba nào và chú nào mà bẻ lại được lý luận vững chãi đó ? Song lý luận là một việc, sự sống với mọi đòi hỏi của con người muôn thuở vẫn lừng lờ đưa tới sự tỏ son điểm phấn mỗi ngày một kỹ lưỡng hơn, vẫn khiến Dung tha thiết với tiểu thuyết hay phim hát bóng điểm tình, cả chuyện tình duyên ngang trái của mấy công chúa Âu-châu hay của hoàng hậu Ba-Tur cũng khuyến khích Dung sốt sắng đi dự những đám cưới linh đình, hoặc để lộ những nỗi buồn man mác qua những bài thủ bút để vào tập vở kỷ niệm cho bạn.

Nên Hi vẫn ước mong cho các cháu có chồng, và tin một cách bảo thủ, rằng hạnh phúc nhân sinh vẫn phải được tượng trưng bằng tấm hình hai cái đầu xanh kề sát, trước nụ cười chiều khách của ông nhiếp ảnh dịp tân hôn.



LẤY VỢ, LẤY CHỒNG

Vì thế, Hi đành tiếp tục điều tra và thấy sự phấp phỏng lo âu của mình chưa hẳn vô căn cứ : trong một thành phố đông đúc như Saigon, dân số ngót 2 triệu người, mà hàng năm số giá thú quả là quá ít: 332, năm 1955 ; 464, năm 1956, những số không đáng kể khi nghĩ tới số nam nữ đến tuổi hôn phối, từ 20 đến 30 tuổi : 190.020 người (theo kết quả kiểm tra tới cuối tháng 7 năm 1958).

Nếu xét cả toàn xứ, từ vĩ tuyến thứ 17 trở vào, thì trong 10 triệu dân, được 52.888 đám cưới (1955) và 55.351 đám năm 1956. (Tài liệu của Việt-Nam Niên Giám Thống Kê đã xuất bản).

Đứng trước những con số, Hi tự hỏi vì sao cưới xin quá ít như vậy ? và như vậy, thì tình trạng các cháu, chung cho tất cả thế hệ phụ nữ hiện nay ?

Với sự dè dặt cần có đối với kết quả của bất cứ thống kê nào, và giá thử chưa thể tin chắc 100%, Hi cũng không khỏi băn khoăn, và phải nhận một thực trạng đáng được các phụ huynh lưu ý.

Đã có bạn hỏi : nhiều con gái chậm lấy chồng, vì số con trai quá ít ?

Ở Saigon-Cholon và riêng về tuổi 20-30, Hi đã phải thờ dài : 84.000 nam, 106.020 nữ.

Song, thiếu số đám cưới là triệu chứng sự khủng hoảng hôn phối, hay chỉ vì phong tục đòi hỏi, vì ý định của mọi người lùi bớt tuổi thành hôn cho thuận lợi hơn ? cũng theo Thống kê, thì đại đa số con trai lấy vợ, vào trạc tuổi 25-29 ở Saigon, chớ không sớm như thời xưa.

Có điều đáng chú ý, là ở thôn quê, nam nữ thành gia thất sớm hơn ở thành phố,

vào trạc tuổi 18-24 (con trai) và 18-20 (con gái). Như thế, tất có nhiều lý do thuộc hoàn cảnh và phong tục : sống giản dị, nên dễ dàng hơn ; lấy vợ để có người giúp đỡ trong công việc đồng áng ; lo truyền tông nối dõi theo cổ tục ; tâm hồn chất phác nên ít đòi hỏi khó khăn v.v...

Nếu quả như vậy, thì vì trái ngược với tình trạng kể trên, mà sự hôn phối của lớp người mới, ở các đô thị không được nhiều ? Và muốn tìm giải pháp, cần phỏng theo cách sống ở đồng ruộng, ngả theo nề nếp cũ chăng ?

Muốn trả lời câu hỏi đó, Hi thấy phải quan sát và chất vấn phái nam nhi xem có phải vì nhân sinh quan đã đổi khác nhiều nên họ không sốt sắng lắm đối với việc thành lập gia đình ? Và lại, cần hỏi họ nhiều hơn phái nữ, vì cho tới ngày nay, họ vẫn còn đóng vai trò chủ động trong việc hôn nhân.



Tích, 34 tuổi, tốt nghiệp đại học, dạy học ; — Lưu 32 tuổi, trình độ trung học, công việc bàn giấy ; — Hào 25 tuổi, sinh viên trường thuốc Saigon ; — Tàu, một ký giả, 36 tuổi ; — Mai, nhà con một, 28, kỹ sư ở ngoại quốc hồi hương được hai năm nay, và một số bạn hữu đồng ý kiến với họ về diêm này hoặc diêm khác, chung quanh vấn đề lấy vợ, đã cùng Hi tỏ rõ lập trường.

Theo sinh viên Hào, thì chưa học xong, ai nghĩ tới chuyện lấy vợ làm gì ? Lấy vợ, thì phải nuôi được vợ con, vậy cần có nghề nghiệp, điều đó từ lâu đã thành sự dĩ nhiên đối với những người lớn tuổi nhưng còn đi học. Giả thử vì lý do đặc biệt, phải cưới vợ trong thời kỳ học, sống

chung với cha mẹ, dù cha mẹ có phương tiện cưu mang, vợ chồng trẻ cũng mất tự do, và chịu những sự phiền lụy của cảnh đại gia đình cách đây vài chục năm. Cho nên, phải sống trước đã, mà phải gặp lúc kinh tế thịnh vượng, mới dễ có công ăn việc làm, chờ học xong rồi cũng chưa chắc lấy vợ ngay...

Nhưng sau những người có đủ sinh kế như Lưu, Tích v.v... có thể tự lập mà vẫn chưa lấy vợ ?

Lưu, tuy làm đủ ăn, còn phải đề dành trong một thời gian khá lâu mới cưới được ; vẫn biết lễ nghi bây giờ giản tiện đi nhiều, nhưng vẫn không khỏi tốn kém vì chia phần ăn hỏi, sắm sửa, tiệc tùng... Với số lương 4 ngàn một tháng, không thể mau chóng tích được một hai vạn bạc ; còn nếu đi vay, góp hội, thì cũng thiệt và lâu. Hơn nữa, lo được một căn nhà nhỏ độ hai phòng 4m X 3m vừa tạm đủ cho đôi uyên ương làm tổ, cũng phải « sang » mất một hai vạn là ít : vấn đề nhà ở, trong một thành phố quá đông đúc như Saigon, cũng có ảnh hưởng tới sự hôn nhân, mà chính vì lý do đó, hai ba bạn Lưu, tuy làm lễ văn danh rồi, còn chưa muốn cưới.

Những sự khó khăn đó, Tần không vướng phải. Nên bề ngoài, xem chừng Tần sốt sắng tìm bạn trăm năm, không để lỡ dịp nào có thể làm quen thêm một bạn gái mới, và đối với mỗi người, Tần cố tìm cách thân cận hơn. Song, sau bao năm tìm kiếm, trên đường đời Tần vẫn cô đơn : chưa gặp được khách đồng tâm (âme-soeur). Tuy không còn thuộc thế hệ 1930-35 vợ vờn cùng mây gió, và không chịu được cảnh sống dưới túp

lều tranh, Tần vẫn hoài mơ một trái tim vàng. Theo Tần, lấy nhau để sinh con đây đàn, « yêu nhau 3 tháng, nhịn nhau 6 tháng, và cãi nhau 30 năm » như lời Maurice Dekobra, thì hoài cả một tâm hồn chứa chan tình cảm và khao khát yêu đương...

Tích cũng như Tần, không phải lo về nghề nghiệp : tuy vậy, mỗi khi má nhắc tới vấn đề lấy vợ, Tích chỉ cười trừ và nói lảng sang chuyện khác. Kề cũng lạ : khỏe mạnh, bệnh bao, học giỏi, kiếm khá tiền, được nhiều bà có con gái khen ngợi và nhiều cô quen biết xem chừng cũng ưa. Nhưng có lẽ chính vì thế mà anh chàng đứng đĩnh chẳng ? Nếu đúng, cũng chỉ một phần, vì thực ra Tích và những bạn thường hay đi chơi với Tích, thấy sự rộng rãi dễ chịu hơn là bị vợ buộc chân. Hoạt bát, quảng giao, có phương tiện thù ứng, biết nhiều bạn gái, thấy rõ nhược điểm của các cô, nên càng khó tính, chưa thấy người nào ưng ý ; lại có thể cùng anh em tìm những sự hoan lạc dặt tiền nhưng say sưa, nên Tích vẫn không thấy quanh hiu thiếu thốn. Trái lại, cuộc đời đủ mọi sự dễ dàng để Tích không có nhu cầu gần bó trăm năm, và dù bề ngoài có quyến luyến cô bạn nào, thì sau một thời gian thăm non vài ba tháng, lại lảng xa và chỉ khiến cho bạn đẹp vẫn vương chút ít tơ sầu mà thôi.

Tích đã chịu ảnh hưởng của một thuyết ngoại lai, theo đó nên kéo dài rất lâu để « sống mạnh đời trai tơ » (vie de garçon), mặc dầu chưa từng sống ở ngoại quốc. Trông thấy Liệu, đồng học, đồng niên, cầm bầu sữa cho con bú, Tích đã phải than rằng : đời nó hết rồi ! (c'est un homme fini !).

Ngược lại Tích, và sau nhiều năm ở xứ ngoài, Mai trở về nước với ý định lập gia đình, trong khi các bạn bảo nhau : hân quen lẫn lộn rồi, chưa chắc lấy vợ đâu ! Nhưng chính vì « mùi thể trái qua, coi đã đủ » như Nguyễn-Công-Trứ, nên Mai ao ước một đời sống bình thản điều hòa, và nhờ cậy bà con mách mối hộ, theo gương một số bạn đã về trước mình. Nhưng hai năm đã qua, và tuy được giới thiệu với một số khá đông bạn gái cùng gia đình họ, Mai cũng chưa ưng thuận hân đám nào. Được Hi phỏng vấn, Mai đã cho biết ý kiến một cách rất thành thực :

Sự ngần ngại của Mai không phải vì những lý do mà người ta có thể ngờ : các thiếu nữ Việt-Nam hiện nay xinh đẹp chẳng kém gì chị em Âu Mỹ, chớ đừng tưởng như các em Mai rằng Mai quen mắt nhìn mỹ nhân ngoại quốc mà chê bạn gái xứ nhà ; cũng không nên nghĩ rằng Mai quen lạc thú phương Tây để tiếm nhiệm nhiều thói quen tốn tiền, và mơ ước một cô vợ giàu để tổ chức một đời sống vật chất cao : cũng như phần đông thanh niên Việt-Nam, Mai đã từng chịu thiếu thốn ở nước ngoài, chớ chẳng được ăn chơi phung phí. Nhưng Mai thú thực không thấy hợp với cô nào, vì chưa ai đủ những điều kiện mong muốn.

— Trước hết, tôi cần cho anh biết người vợ « lý tưởng ». Tôi không ở trên mây đâu ! Nhưng phải tả qua vợ « lý tưởng » để rồi trong thực tế, được giống chừng nào thì hay chừng ấy, nếu không thì cũng vẫn sẽ độc thân như bây giờ. Người « lý tưởng » đó phải có bốn điều kiện :

1) Vừa là người đồng lao cộng tác (femme-associée) để tổ chức đời sống chung, cùng kiếm cách nuôi nấng con cái, gây dựng cho chúng v.v...

2) Vừa là bạn đồng chí (femme-camarade) hiểu biết ý chí nguyện vọng mình, có thể bàn luận, khuyên can, hay khuyến khích để dễ thực hiện những ý nguyện đó ;

3) Vừa là bạn đồng tâm (femme-amante) là một người đàn bà dễ yêu, nhiều tình cảm, chia sẻ ngọt bùi v.v...

4) Vừa là một em gái (femme-soeur) biết rõ cả tính xấu của chồng, nhưng vẫn sẵn lòng bao dung tha thứ và chăm chút, săn sóc, tin cậy, như đối với một người anh lớn.

Hi thở dài : Có thể thôi !

— Thì tôi đã nói trước rằng đây chỉ là « lý tưởng ». Phải nhận định rõ lý tưởng rồi mới liệu hướng về phía đó để tìm cách tới gần, chớ ai dám mong đạt được ? Trong thực tế, khó lòng thấy phụ nữ nào đủ các điều kiện đó. Phần nhiều, được điều này thì hỏng điều kia, chưa biết nên thiên về một hạng nào, nên tôi mới mất thời giờ.

— Nếu sống ở thời cồ, có lẽ anh phải lấy đến 4 vợ, may ra người nọ bổ túc cho người kia !

— Không ! anh tưởng quan niệm của tôi khác nhiều của các cụ thời xưa hay sao ? Các cụ còn đòi hỏi ở một người những bốn đức : công, dung, ngôn, hạnh. Và lại, chính mắt tôi đã trông thấy nhiều bà ngoại quốc đủ hai hoặc ba điều kiện, hay cũng có tâm hồn uyển chuyển dễ tùy trường hợp mà đối xử như người bạn, người cộng tác, người tình nhân,

hay người em. Tại sao phụ nữ ta không thế ? Họ tiến nhiều và mau lẹ, tất rồi cũng chẳng khác gì Âu, Mỹ.

— Anh định đợi bao nhiêu năm nữa ? Khi lớp thiếu nữ mới, tiến tới đó, thì anh đã hai thứ tóc rồi, và « quân hứa giá, ngã thành ông ». Nhưng thôi, có nhiều người như anh không ?

— Khó tính như tôi, có lẽ cũng không nhiều lắm. Song chắc chắn là khi chọn vợ, nhiều người cũng mặc nhiên đi về hướng của tôi, chỉ khác là không phân tích rõ ràng, và họ dễ ngã hẳn về một đường đề cưới. Người thiên về điều kiện thứ nhất, thì tìm vợ giàu hoặc có nghề nghiệp ; về điều kiện thứ hai, thì tìm cô nào có trình độ học vấn khá cao hoặc thông minh ; về điều kiện thứ ba, thì háo nhan sắc mỹ miều ; hoặc ưa thùy mị hiền lành, nếu coi điều kiện thứ tư là quan trọng hơn cả.

Dù sao, sau khi nghe Mai thuyết trình và biện luận, Hi cũng thấy nên cho Dung, Loan, Nhung, Yến biết : chưa chắc đã không nên đề ý.



Như vậy, thì làm thế nào cho sự hôn phối được dễ dàng, đề đa số thanh niên thiếu nữ đến tuổi trưởng thành sớm gây hạnh phúc ?

Hi đã nghĩ tới những phương pháp mà nhiều nước Âu Mỹ đang áp dụng : thiết lập những hăng, những tiệm môi giới, như những « Viện chỉ dẫn về hôn nhân » (Centres hay Instituts d'Orientation Matrimoniale) ở Anh, ở Huê-kỳ, « Trường huấn luyện về hôn nhân » (Ecole de

préparation au mariage) như ở Pháp ? Hoặc mở trên báo chí, những mục quảng cáo cho các đương sự ?

Song kết quả đầu lượm được cũng không đáng kể : 5% vụ kết hôn nhờ các cơ quan kể trên, và 3% nhờ quảng cáo (theo điều tra của Paul Guth và Claude Schwab — Evolution du mariage. Festival du Roman, Janvier 1958). Và lại, Hi thấy không hợp với phong tục Việt-Nam, và con người không thể coi như một món hàng đem bán để mời chào khách mua, nhất là đối với phụ nữ. Riêng ở xứ nhà, nhiều tiệm đưa người tìm việc hỏi Pháp thuộc còn không được dư luận hoan nghênh, huống chi những tiệm băng nhân. Việc khuyên nhủ dạy dỗ, hoặc kén chọn nơi xứng đáng, nên để thuộc trách nhiệm gia đình, vì chỉ cha mẹ mới hiểu biết tính tình tư cách của con, và nhất là có tình thương và tín nhiệm để giúp đỡ cho khỏi lầm đường lạc lối. Hi không thể tưởng tượng được rằng việc trăm năm của con gái thân yêu, lại thuê những ông cố vấn chuyên môn lạ mặt xét định hộ, dù có kinh nghiệm, dù không trực lợi.

Giải pháp hiệu nghiệm hay không, phải do mình tìm lấy, chớ không thể theo gương nước ngoài. Nên Hi đã cố kiểm điểm lại những tài liệu và ý kiến đầu lượm được, đề đi tới một kết luận cụ thể.

Hi nhận thấy có hai thứ trở lực cho sự hôn phối : hoặc thuộc hoàn cảnh, hoặc thuộc tâm lý.

Những chướng ngại thuộc ngoại giới, tương đối dễ tránh hay vượt được. Sự thiếu thốn về phương diện vật chất có thể chịu đựng nếu tình cảm mạnh, hoặc để bù đắp khi tình hình sinh hoạt chung

quanh mình sáng sủa hơn; qua những thời kỳ đen tối khủng hoảng, số đám cưới tăng khá nhiều: như ở Saigon-Cholon riêng về người Việt, năm 1955 chỉ có 332 đám, nhưng năm 1957 đã lên tới 625. Trong số đó, cũng có 13 cô xuân xanh từ 40 tới 59) (còn trên tuổi đó, thì đã miễn cho tình trạng đặc biệt này khỏi xảy ra. V.N. Niên Giám Thống Kê 1956, trang 25-26). Như vậy, cũng không nên quá bị quan đối với những người ở trường hợp Loan hay Nhung.

Đáng ngại hơn, và khó thay đổi hơn hoàn cảnh, là lòng người. Tới đây, Hi ngắm lại cảnh tảo hôn thời xưa và so sánh với tình trạng cưới xin ngày nay.

Đối với thể hệ chú bác hoặc anh cả Hi, hôn nhân có mục đích cho người con trai: nối dõi tông đường, ngàn năm hương khói, giữ lấy nghiệp nhà, sinh nhiều nam cho uy thế của họ mạc đối với hương thôn được mạnh hơn. Cho nên, không những lớp người trước có bốn phận lấy vợ sớm, còn phải lấy người nào hoặc theo cách nào hợp với gia cảnh, gia phong, với đại gia đình. Cũng vì thế, con gái thời bấy giờ, ít khi 25, 26 tuổi mà chưa chồng.

Nhưng chế độ ấy, căn cứ vào một nền cổ học không được cải tiến, đã đưa tới sự áp bức con người, cả trai lẫn gái, về tinh thần cũng như về vật chất. Cho nên khi tân học phát triển, cá nhân tỉnh thức, cưỡng lại, tự giải phóng dần dần, và chính thiếu nữ thanh niên thuộc thể hệ Hi đã hưởng ứng cuộc cách mạng gia đình, đề hôn nhân hướng vào sự xây dựng hạnh phúc lứa đôi trên căn bản tự do và tình

cảm: một sự thay đổi quan trọng trong lịch sử tiến hóa của xã hội Việt-Nam.

Tuy nhiên, cuộc giải phóng đã đưa tới một kết quả: khi sự lấy vợ lấy chồng không còn là một gia pháp phải tuân theo và áp dụng dưới những thể thức nghiêm ngặt, thì một số khá đông thanh niên không tha thiết, — như trường hợp Tích — và đã được tự do, thì chỉ chịu kết hôn khi nào hợp cảnh, hợp ý, hợp tình. Những tình, những ý đó, nếu giản dị thì còn nói gì, nhưng thực ra cũng nhiều khi phức tạp: trường hợp của Mai.

Sự lấy chồng khó khăn, cũng như sự đòi hỏi của những người như Mai, biết đâu không có ảnh hưởng tốt là thúc đẩy một cách gián tiếp cho nữ giới tiến bộ về mọi mặt? trau dồi nhan sắc, đua ganh học hỏi, kiếm nghề tự lập chứ không cần trông cậy vào chồng... Do đó, phụ nữ mỗi ngày cạnh tranh nhiều hơn với nam giới ở mọi ngành hoạt động xã hội và thực hiện hay củng cố sự bình đẳng trong gia đình. Nhưng nếu Mai biết đặt điều kiện cho bạn gái, thì ngược lại, Mai có khiếm tốn tự hỏi về phía mình đã đủ những đức tính, phẩm cách, giá trị để chiều lòng được phái đẹp chưa? Hai bên tương cầu, tương thuận nếu có thể, chứ đâu phải là các cô chạy theo Mai? Lòng tự ái đã ngấm ngấm xui khiến Mai và nhiều bạn Mai có thái độ hơi cao của người được cầu khẩn!

Cho nên, nếu xét kỹ người đề kén chọn thì cũng nên can đảm mà tự xét mình để tránh những sự đòi hỏi quá đáng. Như Lưu đã nhận một cách sáng suốt: ai chẳng muốn lấy vợ đẹp và giàu? nhưng cháu không đẹp, không giàu, mà nếu có thể sánh vai cùng một cô nhan sắc lộng lẫy và nhiều

tiền bạc, chưa chắc gì cháu sung sướng, vì thiên hạ sẽ quở quang khi so sánh, vợ cháu có thể hờm mình, chính cháu sẽ không khỏi lo ngại là vợ cháu hay khinh và khó lòng thành thực yêu... vậy bắt nhược cháu tìm một cô làng nhàng chẳng đến nỗi Chung-Vô-Diệm thì thôi, còn thì có nhiều tiêu xài nhiều, có ít thì cần kiệm...

Lưu đã biết nghĩ như Sénèque : nên lấy người đồng hàng đồng cảnh, nếu không thì chỉ gặp được một kẻ làm chủ mình (Marie-toi parmi tes égaux, sans quoi tu trouveras un maître). Lưu không ngờ rằng Tư-Mã ôn công cũng chẳng tìm thấy gì hơn : nếu chuộng phú quý mà lấy vợ giàu, vợ sẽ cạy phú quý, ít khi chẳng khinh chồng, lại kiêu ngạo với cha mẹ chồng, nuôi thành tính kiêu xa ghen ghét (Cầu mộ... phú quý nhi thú chi, bi hiệp kỳ phú quý, tiền hữu bất khinh kỳ phu nhi ngạo kỳ cữu cô, dưỡng thành kiêu đồ chi tính...)

Tần cũng rất khó tính : yêu và được yêu tha thiết đã, rồi mới lấy nhau vì tình. Ai mà không muốn ? Song sự kết hôn vì tình ái (mariage d'amour), như sự trúng số độc đắc, quyết phải có làm sao được, trừ phi đi coi chiếu bóng ? Đối với phần đông, ái tình là kết quả hơn là nguyên nhân hôn phối. Ba má Tần chẳng hề biết nhau trước khi cưới, mà đã từng sống như đôi chim bồ câu ! Mơ tưởng ái tình như Tần, chẳng qua do lời mấy ông nhà thơ tán rộng, Ba Tần thường giễu như vậy. Và xét cho kỹ, tình cảm chưa phải là yếu tố duy nhất tạo thành hạnh phúc, và người Âu Mỹ mà Tần muốn theo gương, cũng vỡ mộng khá lâu rồi : họ đã thấy muốn cho tình duyên trường cửu, hôn nhân phải

được đặt trên căn bản tình thần vững chắc hơn, dựa vào cả lý trí và lòng vị tha, chứ không thể chỉ xây dựng trên tình cảm mà thôi. Hầu hết những nhà văn, nhà xã hội học nghiên cứu về vấn đề hạnh phúc gia đình hiện nay đại khái công nhận như vậy, trong sách cũng như trên rất nhiều tạp chí (1).

Còn Tích xử dụng tự do để hấp thụ và thực hành những tư tưởng lãng mạn ngoại lai về đời sống trai tơ, chưa chắc đã tân tiến như Tích tưởng : từ sau hồi Đại Chiến thứ II, ở nhiều nước, ngay ở Pháp, và nhất là Huê-kỳ, phong trào lấy vợ sớm đã lan tràn mạnh, đến nỗi nhiều trường Đại Học phải có nơi cư trú cho vợ chồng sinh viên ; ngầm ký, biết đâu không thấy tự chung sự kết hôn vẫn là phương pháp lành mạnh hơn cả để giải quyết nhiều vấn đề gay go phức tạp của tuổi thanh niên mà Tích chẳng lạ gì ? Nếu tình trạng sinh hoạt không cho phép theo gương đó, thì cũng chẳng nên kéo dài cuộc đời lông bông cho tới 34, 35 tuổi.

Nhưng nếu thấy lấy vợ là việc cần thiết, thì ngoài nguyện vọng ích kỷ gây hạnh phúc cho bản thân mình, Tích cũng nên nhớ mục đích « thành lập gia đình » với tất cả nhiệm vụ tương quan ; nếu vậy, thì không nên lấy chậm quá, vì

(1) Chẳng mấy tháng không thấy tập « Reader's Digest » không có bài nói về hạnh phúc gia đình. Trong cuốn sách « Reflection on America » đã được dịch ra Việt văn, Jacques Maritain đã vạch rõ quan niệm sai lầm của người Huê-kỳ, về hôn nhân.

« Nếu quan niệm hôn nhân là hoàn toàn thực « hiện được ái tình lãng mạn, thì quả là ảo tưởng « vậy... Chính là nhờ ở tình thần từ bỏ ý định « gây sung sướng cho riêng mình, nên đôi bên « mới có thể tiến tới ái tình (chân thật và « vững bền)... »

lớn tuổi mới sinh con, khi Tích già con hãy còn non, không chắc đủ phương tiện hay thời gian trông nom săn sóc cho chúng nên người. Ngoài ra, khi cân nhắc đề kén chọn, cũng nên theo gương Lưu mà nghĩ phần nào tới những người thân. Lưu đã nói : « Hồng hơi kém Ngọc về nước da. Tuy cháu rất ưa nước da của Ngọc, nhưng đã thuận lấy Hồng, vì Hồng đã bị khờ vì chị dâu, nên có cho cháu rõ ràng biết thương em chồng : mà cháu thì nhiều em nhỏ dại... ».

Tóm lại, khi những trở lực do hoàn cảnh, thì cũng tương đối dễ vượt, và cũng đã có triệu chứng đáng mừng. Những chướng ngại về tâm lý còn phức tạp : song sự tiến bộ của phụ nữ, sự nhận xét lại những tư tưởng nước ngoài để quan niệm hôn nhân cho hợp hơn với một dân tộc tôn trọng gia đình dòng giống, có thể đưa Tích, Mai, Dung, Yến... tới một tương lai nhiều hứa hẹn.

Ấy là chưa kể sự run rủi của Ông Tơ !



Đ. T.

✱ Làm sao cho mỗi sự việc một tầm quan trọng cân xứng, đó là một nghệ thuật khó khăn.

Người có trí thông minh có thể trông suốt một lúc tất cả mọi yếu tố của vấn đề, song người có óc phán đoán biết rõ và đúng tầm quan trọng tương đối của mỗi yếu tố, biết đo lường, cân nhắc và đặt mỗi yếu tố vào đúng chỗ của nó.

✱ Lyautey nói : « Người chỉ huy là người có tài *chuyên môn tổng quát*.

Vu oan, giá họa

Tần-Cối đời Tống vu oan giết hại Nhạc-Phi. Hàn-Thế-Trung hỏi Tần-Cối : « Nhạc-Phi thực có tội hay không ? » Tần-Cối đáp : « Mặc tu hữu ! » (Không cần có !) Người đời về sau gọi việc vu oan giết hại Nhạc-Phi là « *Tam lự ngục* » (Án ba chữ). Vụ « vu oan » ấy có phần nào giống với những vụ « giá họa » của Richelieu, một nhà chính trị gian hùng nước Pháp, làm tới tể tướng thời vua Louis XIII, do câu nói người ta thường gán cho ông : « Qu'on me donne trois lignes de l'écriture de quelqu'un, et je me charge de le faire pendre ». (Cứ cho tôi ba dòng chữ của một kẻ nào đó, tôi sẽ có cách làm cho hắn phải treo cổ lên).

(Xin coi Bách-Khoa từ số 48)

F. HOUANG

Phan-Khoang và
Hoàng-minh-Tuynh (dịch)

Đức ần-khuất của Lão-giáo

và đức khiêm nhu

CỦA KI - TÔ - GIÁO

II

Đã thấy rằng sự bài xích tính kiêu ngạo không phải là phương diện quan trọng hơn cả trong sự gặp gỡ giữa đức khiêm nhu Ki-tô-giáo và đức khiêm nhu Lão-giáo, chúng ta hãy thử tìm xem hai bên giống nhau ở thứ khiêm nhu nào. Trước hết, đức khiêm nhu Ki-tô-giáo là gì? Thánh Thomas bảo chúng ta: « là đức tính đặc biệt, sự khiêm nhu bày tỏ nhất là lòng tùng phục Chúa Trời của con người, và vì tùng phục Chúa Trời, nên tùng phục các người khác, vì đối với các người này, Chúa cũng hạ mình. (1) Lời giải thích này có lợi ích là nó tỏ rằng đức khiêm nhu gồm hai phương diện: một phương diện thụ động: ý thức của con người về tính cách hư không của mình trước sự uy nghiêm và bao la vô cực của Chúa Trời,

và một phương diện phát động: sự tự ý hạ mình của con người trước kẻ đồng loại.

Có tìm được trong tư tưởng Lão-tử một sự khiêm nhu thụ động, giống như sự khiêm nhu trong Ki-tô-giáo không?

Ki-tô-giáo không xem thường, nháng bỏ đức khiêm nhu thụ động ấy, điều đó rõ ràng. Chỉ xem lại ngụ ngôn người Pharisiêu và người thu thuế (2) thì biết. Nhưng nếu xem xét sự vật một cách gần gũi hơn, người ta thấy rằng đức khiêm nhu thụ động trong Tân-ước là một di sản của Israël. Đức tính ấy rất quen thuộc với các đấng tiên tri, với tác giả thánh-thi và với Job. Không ai

(1) Somme théologique, Secundae Quest CL XI, art. 2

(2) Luc, 18, 9,-14.

làm cho người ta cảm thấy sự hư không của con người trước Chúa Trời một cách mãnh liệt bằng tác giả thánh-thì :

Hạn độ đời sống tôi là mấy ?

Tôi biết tôi sống tạm thời lắm thay !

Chúa đã cho đời tôi dài vài gang tay,

Nó như là không trước mắt Chúa (1).

Đức khiêm nhu thụ động ấy cũng có trong Đạo-giáo của Lão-tử, nhưng nó không phải là đặc tính của giáo này. Ở Trang-tử, nó mới được bày tỏ rõ ràng hơn và có thể đem so sánh với Cựu-ước. Nhất là trong chương « Nước lớn mùa thu » (thu thủy) của Trang-tử, chúng ta mới nghe được lời tuyên bố này của một vị Thần, Thần Bắc-hải, (thần biển phương Bắc) :

« Để quốc của tôi rộng lớn lắm thay ! thế mà tôi không lấy đó làm tự đắc. Vì sao ? Vì nếu tôi so sánh sự rộng lớn ấy với sự rộng lớn của Trời Đất thì tôi thấy nó rất nhỏ. Tôi cảm tưởng tôi chỉ là một hòn sỏi nhỏ hoặc một cây nhỏ ở trong một núi lớn. Nhỏ như thế thì sao tôi lại tự trọng tự đại ? Bốn biển sánh với vũ trụ chẳng khác nào những lỗ nhỏ sánh với một khoảng rộng bao la. Sánh với vũ trụ, Trung-quốc không lớn hơn một hạt lúa ở trong kho. » (2)

Cố nhiên trong lời biêu bạch lênh khiêm nhu của Trang-tử, chúng ta không thấy nhiệt tình của đảng tiên tri, cũng không thấy lời than van của Job, hoặc cảnh khốn khổ của tác giả thánh-thì, nhưng ở một triết gia không ý thức thuyết nguyên tội một cách mãnh liệt như Trang, lời biêu bạch như thế cũng nói lên khá rõ ràng ý thức hư không của con người trước sự cao lớn vô biên của Đạo.

Nhưng mà đức khiêm nhu ấy không tạo thành được nơi gặp gỡ giữa tư tưởng Ki-tô-giáo và Đạo-giáo, vì nó chỉ phát hiện tiềm tàng trong tư tưởng của Chúa Ki-tô và Lão-tử. Nên chú ý rằng Chúa Ki-tô sống trong sự cảm thông mật thiết với Chúa Trời mà Ngài gọi là Cha, còn Lão-tử thì cảm thông với Đạo mà ông gọi là Mẹ, như thế cả hai đều làm dịu bớt đức khiêm nhu thụ động bởi lòng tin cậy của con cái đối với cha mẹ.

Đây là lời cầu nguyện của Chúa Ki-tô :
« Con cảm tạ Cha, là Chúa Trời Đất, về

(1) Psaumes 39, 5-7 (Dịch bản dịch Crampon)

(2) Trang tử, thiên Thu-thủy, nguyên văn là :
«... Thiên hạ chi thủy, mạc đại ư hải, vạn xuyên qui chi, bất tri hà thời chi nhi bất dinh ; ví lư tiết chi, bất tri hà thời dĩ nhi bất hư ; xuân thu bất biến, thủy hạn bất tri, thử kỳ quá giang hà chi lưu, bất khả vi lượng số, nhi ngô vị thường dĩ thử tự đa giả, tự dĩ tỉ hình ư thiên địa nhi thọ khí ư âm dương. Ngô tại thiên địa chi gian, do tiêu thạch tiêu mộc chi tại đại sơn dã, phương tồn hồ kiến thiên, hựu hề dĩ tự đa ? Kế tứ hải chi tại thiên địa chi gian giả, bất tại lũy không chi tại đại trạch hồ ? Trung-quốc chi tại hải nội, bất tự thế mễ chi tại đại thương hồ ? »
(Các chỗ chứa nước trong thiên hạ, không gì lớn bằng biển, vạn sông ngòi đều chảy về đó không khi nào thôi, nhưng biển không đầy, nước biển có chỗ rút đi mãi không khi nào ngớt, nhưng biển không lưng, mùa xuân mùa thu không làm cho nước biển thay đổi, lụt hạn không ảnh hưởng gì đến nước biển, biển đựng nước nhiều hơn sông lớn sông nhỏ không biết bao nhiêu mà kể, thế mà ta không lấy các điều ấy làm tự đắc, bởi vì ta nhờ Trời Đất mà có hình hài, chịu khí âm, khí dương, ta ở trong trời đất cũng như một viên đá nhỏ, một cây nhỏ ở trong núi lớn, thì phải biết mình là nhỏ, sao lại cho là lớn ? Sánh bốn biển với trời đất, chẳng khác nào lỗ nhỏ sánh với chằm lớn sao ? Sánh Trung-quốc với bốn biển, chẳng khác nào hạt lúa ở trong kho lớn sao.)
(Chú thích của dịch giả)

việc Cha đã giấu các điều ấy với những kẻ khôn ngoan, và Cha đã tỏ lộ nó với hạng người tầm thường. Cha đã trao cho con mọi sự ; và không ai biết Con, ngoài Cha, và không ai biết Cha, ngoài Con và kẻ Con muốn tỏ lộ. » (1) Cũng một lòng tin cậy của con cái đối với cha mẹ trong bài thơ sau đây của Lão-Tử :

.
Ta thấy như tối tăm.
Chúng nhân hăm hở,
Riêng ta hững hờ.
Chợt như gió biển, không biết về đâu.
Chúng nhân đều có, riêng ta vẫn trở
trở như người bị lậu.
Duy ta khác với người,
Mà quý trọng Mẹ nuôi.
(... Ngã độc nhược hôn,
Chúng nhân sát sát,
Ngã độc muộn, muộn,
Hốt nhược hải lâu hề,
Tự vô sở chỉ.
Chúng nhơn giai hữu,
Dĩ ngã độc ngoan tự bỉ.
Ngã độc dị ư nhơn,
Nhĩ quý thực mẫu.) (2)

Người ta biết rằng Lão-tử quan niệm Đạo như một bà Mẹ sinh ra, nuôi dưỡng và bảo vệ vạn vật trong vũ trụ. Và trong một chương khác của Đạo đức kinh, Lão-tử tuyên bố rằng ai theo Mẹ thì không sợ hiềm nghèo (3).

(1) Matth, 11, 25-27, Luc, 10, 21-22

(2) Đạo đức kinh, chương 20

(3) Đạo đức kinh, chương 52 : « Thiên hạ hữu thủy, dĩ vi thiên hạ mẫu, ký đắc kỳ mẫu, dĩ tri kỳ tử, ký tri kỳ tử, phục thù kỳ mẫu, một thân bất đãi », nghĩa là : mối đầu của thiên hạ là Mẹ thiên hạ ; ai biết được Mẹ thì biết con ; biết con và giữ gìn được Mẹ thì trọn đời không hiềm nghèo. (Chú thích của dịch giả)

Vậy đức khiêm nhu thụ động không phải không có một cách tuyệt đối trong Ki-tô-giáo và Lão-giáo, song nó không biểu thị đặc tính của hai tôn giáo ấy như nó biểu thị đặc tính của quan niệm Do-thái và Hồi-giáo về đức khiêm nhu.

Tuy nhiên, không phải ở trong đức khiêm nhu ấy chúng ta tìm thấy sự giống nhau của bản chất Đạo-giáo và Ki-tô-giáo.

Sự giống nhau về bản chất ấy, chúng ta tìm thấy trong đức khiêm nhu phát động.

Trong Ki-tô-giáo, quan niệm về đức khiêm nhu phát động đã được dự bị từ trong Cựu ước ; nhưng chính trong Tân ước nó mới biểu lộ tính chất đặc thù của nó. Bởi vì, trong Cựu ước, đức khiêm nhu phát động là một thần đức thuộc Chúa Trời, đồng nhất với lòng khoan đại hạ cố của Ngài (4). Nhưng khi hóa thân trong bản vị Chúa Ki-tô, Chúa Trời không chỉ hạ cố, Ngài còn hạ mình thấp xuống nữa. Đức khiêm nhu ấy của Chúa Trời, không ai hiểu rõ bằng bà Angèle de Foligno, sau khi được trông thấy Ngài một cơn ngất trí. Bày tỏ uy linh cho bà thấy rồi, Ngài mới bảo bà : « Bây giờ con hãy nhìn sự khiêm nhu của ta. » Bà nói thêm : « Và tôi trông thấy một vực sâu thăm thăm rất đáng ghê sợ ; đó là sự vận chuyển của Chúa Trời đề đến với người và vạn vật. » (5) Như vậy, việc ngôi Hai che khuất Thần tính trong một thể xác (Kénose) là nguồn gốc của đức khiêm nhu phát động của Chúa Ki-tô và do đó, của mọi tín đồ Ki-tô-giáo.

(4) Psaumes, 18, 36 Cf. 14, 2.

(5) La Vie d'Angèle de Foligno, của Frère Arnauld, bản dịch của Rolland. Chương III và bản dịch của Ernest Hello, chương XXII.

Trước Angèle de Foligno, thánh Phaolô đã tiết lộ lẽ sâu xa của sự giáng sinh thành nhục thể ấy :

« Tuy Ngài ở trong địa vị Chúa Trời mà Ngài không muốn giữ sự bình đẳng với Chúa Trời ; Ngài đã hạ mình nhận lấy thân phận kẻ nô lệ, để trở nên giống với mọi người, và khiến điều gì xuất hiện tự Ngài cũng để cho người ta nhìn nhận ra Ngài là người thật như mọi người ; Ngài đã tự hạ mình, tự phục tòng cho đến khi chết và chết trên cây Thập-tự. (1) »

Chính trong sự tự do vận chuyển xuống thấp, từ bậc này đến bậc khác, từ sự bình đẳng với Chúa Trời cho đến hình phạt trên cây Thập-tự là hình phạt chỉ dành cho những kẻ nô lệ, mà người ta trông thấy sự biểu lộ tối cao của đức khiêm nhu phát động.

Câu giải nghĩa danh tiếng của thánh Jean Chrysostome về đức khiêm nhu : « Khi kẻ nào lớn tự hạ mình » cố nhiên chỉ có thể áp dụng cho đức khiêm nhu phát động ấy mà thôi. Người ta không thể trách câu giải nghĩa ấy đã dấu giếm sự kiêu ngạo dưới một mặt nạ khiêm nhu như Trench (2) và mấy nhà chú thích khác đã trách. Bởi vì, theo họ, khi một người đã ý thức sự cao quý của mình thì trong tâm lý không thể nào tự nhận là nhỏ mọn mà không giả ngụy. Thế mà, Chúa Ki-tô là đấng không bao giờ mất ý thức sự cao quý và sứ mạng thiêng liêng của Ngài, đã nói Ngài hiền lành, có lòng khiêm tốn thật. Đó chẳng phải là đức

khiêm nhu phát động sao ? Và ai dám nghi ngờ sự thành thật của Chúa Ki-tô ?

Người ta có thể cãi rằng lời giải nghĩa trên kia của thánh Chrysostome chỉ có thể áp dụng cho một vị thần minh. Nhưng thánh Phaolô đã không sợ bảo tín đồ ông bắt chước ông là người « đã thờ Chúa hết lòng khiêm nhu. » (3) Khi ông viết cho giáo dân Philippiens bảo ai nấy hết lòng khiêm nhu để coi những người khác như là những người trên mình, ông đã đề cập đến vấn đề khiêm nhu phát động một cách hiền nhiên.

Điều đặc sắc là Chúa Giêsu, đề thuyết minh lời giáo huấn về đức khiêm nhu, đã lựa hình ảnh đứa trẻ con (4) và đứa tôi tớ, (5) đó là Ngài muốn cho môn đệ hiểu rằng muốn được giống Ngài thì phải từ thân phận người lớn hạ xuống thân phận đứa trẻ con, và từ trạng thái ông chủ hạ xuống trạng thái kẻ nô lệ. Và để có một ví dụ cho lời giáo huấn, trong bữa ăn giữa từ cuối cùng với môn đệ, Chúa Giêsu hạ mình rửa chân cho họ (6).

Mặc dầu có vẻ kỳ dị, việc Ngồi Hai che khuất Thần tính trong một thể xác theo Thần học Ki-tô giáo là nguồn gốc của đức khiêm nhu phát động, việc ấy cũng có cái tương đương của nó trong thuyết phiếm thần của Lão-tử, vì ở đây sự che khuất siêu hình của Đạo cũng đóng một vai trò y như vậy.

(3) Thuật lại trong Abbott, Epistle to Ephesians, International Critical Commentary, trang 105. Cf. Homel XXXIII, super Genesim, trang 9, 53, Col. 312.

(4) Matth ; 18, 1-6, Mc ; 9, 33-48 ; Luc ; 9, 46-50 ; 17, 1-2 ; 15, 4-7. Cf. Matth ; 11, 25 ; Luc, 10, 21.

(5) Matth ; 20, 20-28, ; Mc ; 10, 35-45 ; Luc, 22, 25-6. Cf. Matth ; 23, 1-12.

(6) Jean, chương XIII.

(1) Philippiens 2, 6-8.

(2) Trench, xem chữ « Humility » trong sách The New Testament Synonyms của ông.

Nguyên tắc căn bản trong luận lý của Lão tử là sự đồng nhất của những cái tương phản. Trong thế giới bên ngoài, trong thế giới của sự hạn định hữu hình, tất cả các thuộc tính đều tương đối, không gì là tuyệt đối cả. Vì tương đối, nên có cái tương phản. Tốt và xấu, thiện và ác, thật và giả, có và không tự buộc theo điều kiện của nhau. (1) Những cái ấy đối với tư tưởng loài người là những điều tương phản triệt để, nhưng nó là đồng nhất ở trong Đạo, mà Đạo là nguyên tắc của vũ trụ, duy nhất và vô thủy, vô chung, người chỉ đạt đến nhờ kinh nghiệm thần bí chứ không phải do tư tưởng suy lý.

Vì vậy, khó nói rằng Đạo có hay không. Vì Đạo là một thực thể tuyệt luân, bởi lẽ nó là nguồn gốc của mọi việc và mọi vật trên vũ trụ, nó chỉ có thể biểu hiện cho thế giới hạn định của chúng ta như một cái hư không, nghĩa là một thực thể không hạn định.

Do đó, trước mắt chúng ta, là những kẻ sống trong một thế giới hạn định, sự sung mãn của Đạo cũng chỉ là cái trống rỗng, hư không (2). Lão-tử nhắc lại luôn luôn hình ảnh cái trống không — cái trống không chỗ trục xe (moyeu) làm cho bánh xe quay, cái trống không của

cái chậu làm ra công dụng của chậu, cái trống không của cửa và cửa sổ làm ra công dụng cái nhà (3) — ông cho Đạo như là một cái chén trống rỗng đem dùng mãi mà không đầy, hoặc như một vực không đáy do đó mọi việc đều phát nguyên. Trong sự đồng nhất thực thể với hư không, đầy với lưng ấy, có sự che khuất siêu hình, sự hạ thấp trong vũ trụ không ?

Định luật của vũ trụ về sự hạ thấp này trở thành định luật phản hồi (trở về) trong vũ trụ luận của Lão-tử (4). Nếu

(1) Đạo-đức-kinh, chương 47 : Bất xuất hộ tri thiên hạ, bất khuy vũ kiến thiên đạo, kỳ xuất nhi viễn, kỳ tri nhi thiển. Thị dĩ thánh nhân bất hành nhi chí, bất kiến nhi danh, bất vi nhi thành. (Không ra khỏi cửa mà biết thiên hạ, không ngó ra ngoài cửa sổ mà biết đạo Trời, vì đi càng xa thì biết càng ít. Vì vậy bậc thánh nhân không đi mà đến, không trông thấy mà biết tên, không làm mà nên việc.)

(Chú thích của dịch giả)

(2) Đạo-đức-kinh, chương 11 : Tam thập bức cộng nhứt cốc, dương kỳ vô, hữu xa chi dụng ; diên thực dĩ vi khí, dương kỳ vô hữu khí chi dụng ; tạc hộ dĩ dĩ vi thất, dương kỳ vô hữu thất chi dụng. (Ba mươi cái tay hoa cộng với một cái trục, chính nhờ chỗ trống không ấy mới có sự tác dụng của cái xe ; nặn đất để làm đồ đạc, chính nhờ chỗ trống không ấy mới có sự tác dụng của đồ ; khoét cửa lớn và cửa sổ để làm nhà, chính nhờ chỗ trống không của các cửa ấy mới có sự tác dụng của nhà cửa.)

(Chú thích của dịch giả)

(3) Đạo-đức-kinh, chương 25 : Hữu vật hỗn thành, tiền thiên địa sinh, tịch hê, liêu hê, độc lập nhi bất cái, chu hành nhi bất đãi, khả dĩ vi thiên hạ mẫu. Ngộ bất tri kỳ danh, tự chi viết « Đạo », cường danh chi viết « Đại ». Đại viết thệ, thệ viết viễn, viễn viết phản. (Có một vật do hỗn độn lập nên, sinh ra trước trời đất, thăm lặng, mờ mịt, đứng một mình mà không bao giờ thay đổi, đi khắp cả mà không hề sai lạc, có thể coi như mẹ của thiên hạ. Ta không biết tên là gì, nên đặt tên là Đạo, gượng gọi là Lớn. Lớn tức là đi, đi tức là xa, xa tức là phải trở về.)

(Chú thích của dịch giả)

(1) Đạo đức kinh, chương 2 : Thiên hạ giai tri mĩ chi vi mĩ, tư ác dĩ, thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ, cố hữu vô tương sanh, nạn dĩ chi tương thành, tương đoan chi tương hình, cao hạ chi tương khuynh, âm thanh chi tương hòa, tiền hậu chi tương tùy (Thiên hạ biết tốt là tốt nên mới có ý niệm về xấu, biết thiện là thiện nên mới có ý niệm về điều không thiện, cho nên có và không nhờ nhau mà sanh ra, dễ và khó nhờ nhau mà thành, dài ngắn vì nhau mà có hình, cao thấp khuynh loát nhau, âm thanh hòa nhau, trước sau theo nhau).

(Chú thích của dịch giả)

Đạo chân chính, đối với thế giới hạn định của chúng ta, tỏ ra như là hư không hoặc không hạn định thì mọi việc ở thế giới chúng ta tất nhiên phải tuân theo định luật của vũ trụ là trở về với hư không, tức với Đạo (1). Vì vậy mọi việc thuộc về « dương », là sức mạnh phát động, tích cực, xác định, nó làm cho chúng ta xa với Đạo để đưa chúng ta đến sự hạn định, mọi việc ấy phải trở về với « âm » là trạng thái thụ động, tiêu cực, rất gần với Đạo (2). Như vậy, có một sự đảo ngược các giá trị. Yếu thành mạnh, thấp lên cao,

(1) Đạo-đức-kinh, chương 16: Trĩ hư cực, thu tĩnh đốc, vạn vật tĩnh tác, ngộ dĩ quan kỳ phục, phủ vật vân vân, các qui kỳ căn. Qui căn viết tĩnh, thị vị phục mạng, phục mạng viết thường, tri thường viết minh. (Phải đưa mình đến cái trống không hoàn toàn, mới giữ được cái tĩnh chân chính. Muôn vật phát sinh, ta xem chúng về đâu. Muôn vật đầy đầy, rồi cũng đều quay về nguồn gốc. Quay về nguồn gốc tức là yên tĩnh, thế tức là quay về bản mạng. Quay về bản mạng là lẽ thường của muôn vật; ai biết lẽ thường ấy là người sáng suốt). (Chú thích của dịch giả)

(2) Đạo-đức-kinh, chương 28: Trĩ kỳ hùng, thủ kỳ thư, vi thiên hạ khê, vi thiên hạ khê, thường đức bất ly, phục qui ư anh nhi; tri kỳ bạch thủ kỳ hắc, vi thiên hạ thức, vi thiên hạ thức, thường đức bất thất, phục qui ư vô cực; tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục, vi thiên hạ cốc, vi thiên hạ cốc, thường đức nãi tức, phục qui ư phác. (Biết cái được (mạnh), giữ cái cái (yếu), làm cái khe suối (chỗ thấp nhỏ) cho thiên hạ, làm cái khe suối cho thiên hạ thì cái đức thường không lìa mình, mình quay về được cái tính chất đưa trẻ con; biết cái trắng, giữ cái đen, làm gương mẫu cho thiên hạ, làm gương mẫu cho thiên hạ thì cái đức thường không sai lệch, mà lại quay về chỗ « không biết đâu là cùng cực »; biết cái vinh giữ cái nhục, làm cái hang cho thiên hạ, làm cái hang cho thiên hạ, thì cái đức thường mới đủ mà lại quay về chỗ chất phác).

(Chú thích của dịch giả)

nhỏ hơn cả trở nên lớn hơn cả. Đó là sự khiêm nhường của Đạo. Vì ở dưới tất cả vạn vật mà Đạo sinh ra và nuôi sống vạn vật (3). Lão-tử thường so sánh Đạo với nước (4) là hình ảnh chính xác hơn cả của đức khiêm nhu phát động: nước như trị vì trên tất cả các sông ngòi, thế mà lại ở chỗ thấp là chỗ người ta ghét bỏ. Nước là lớn, nhưng vì quên sự lớn lao của mình mà sự lớn lao ấy hoàn thành. (5)

Sự che khuất của Đạo gốc ở bản chất của nó mà ra, và không cần một hoạt động nào của ý chí. Khi ở trong thế giới hạn định, con người bị các sức mạnh tương phản của lẽ âm, lẽ dương lôi kéo, phải dự vào định luật vũ trụ của Đạo, thì phải mau lo từ « dương » trở về với « âm », tự ý gắng sức hạ mình xuống cái gì yếu đuối, thấp kém, chưa hoàn thành, để được phối hợp với Đạo trước kỳ hạn.

(3) Đạo-đức-kinh, chương 34: Đại Đạo tỵ hề, kỳ khả tả hữu, vạn vật thị chi dĩ sinh nhi bất từ, Công thành bất danh, hữu ái dưỡng vạn vật nhi bất vi chủ... (Đạo chảy tràn khắp bên tả bên hữu, vạn vật nhờ đó mà sinh ra, Đạo không từ chối việc ấy. Khi công trình đã làm xong, Đạo không cho đó là công của mình; lại muốn nuôi dưỡng vạn vật mà không tự cho mình là chủ...) (Chú thích của dịch giả)

(4) Đạo-đức-kinh, chương 8: Thượng thiện, nhược thủy. Thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng nhơn chi sở ố... (Lòng lành của Đạo như là nước. Nước khéo làm lợi ích cho muôn vật, thế mà nước không tranh giành (để có một hình thức hay một địa vị nhất định), ở chỗ mà ai cũng ghét (chỗ thấp). (Chú thích của dịch giả)

(5) Đạo-đức-kinh, chương 34.... Thánh nhơn chung bất vi đại, cố năng thành kỳ đại (bậc thánh nhân không làm kẻ lớn nên thành được việc lớn). (Chú thích của dịch giả)

Như thế, ở người ấy, sự khiêm nhu phát động trở thành một đức tính luân lý. Người tín đồ đạo giáo tự hạ mình trước người khác, dẫu các người khác ấy là hạng người ở bậc dưới họ. Người tín đồ ấy không khoe tài năng của mình (1), ở trong bóng tối (2) tìm vị thứ thấp kém hơn hết (3), vui mừng khi gặp sự bất hạnh. (4)

Sự khiêm nhu phát động ấy cũng chính là một nguyên tắc trị quốc nữa. Lão-tử

(1) Đạo-đức-kinh, chương 22 :... Thánh nhơn.. bất tự hiện cố minh, bất tự thị cố chương, bổ tự phạt cố hữu công, bất tự căng cố trường... (dăng thánh nhơn không khoe mình nên chói lọi, không cho mình là phải nên được rực rỡ, không khoe khoang nên có công trạng, không kiêu căng nên mới lớn lên...) Đạo-đức-kinh, chương 2:... Công thành bất cư, phù duy bất cư, thị dĩ bất khứ, (Công việc đã thành tựu, (dăng thánh nhơn) không cho đó là công lao của mình, vì không cho là công lao của mình, cho nên công lao ấy còn mãi.)

(Chú thích của dịch giả)

(2) Đạo-đức-kinh, chương 17: Thái-thượng hạ tri hữu chi... Công thành sự toại, bách tánh vị ngã tự nhiên. (Đời thái cồ (mọi việc đều hợp với Đạo), nhân dân hầu như không biết là mình có vua... Công việc xong xuôi tốt đẹp (nhờ thiện chánh của vua) thế mà trăm họ tưởng đó là họ tự nhiên làm nên).

(Chú thích của dịch giả)

(3) Đạo-đức-kinh, chương 7:... Thị dĩ thánh nhơn hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn... (Vị vậy dâng thánh nhơn đặt mình ở sau hết mà được ở trước người ta, đề thân mình ra ngoài nên bảo tồn được thân mình).

(Chú thích của dịch giả)

(4) Đạo-đức-kinh, chương 28 (xem trên).

nói : « Chiu được những dơ bẩn của nước nhà mới làm chủ được xã tắc, chiu được những điều bất tường, mới làm Vua được thiên hạ » (... thọ quốc chi cẩu năng vi xã tắc chủ, thọ quốc chi bất tường năng vi thiên hạ vương ; Đạo đức kinh, chương 78). Muốn dân được sung sướng, Chánh-phủ còn phải làm thỉnh, không nên nhắc đến những thiện chính của mình và phải tự đặt mình ở hàng thấp kém hơn hết. (5)

Lão-tử áp dụng đức khiêm nhu phát động ra đến chính trị quốc tế. Ông khuyên những nước lớn hạ mình đối với những nước nhỏ. Ông nói : « Hai bên đều được điều mình mong muốn (nếu đều chiu hạ mình), nên nước lớn phải hạ mình trước. (... phù lưỡng giả các đắc kỳ sở dục, cố đại nghi cư hạ ; Đạo đức kinh chương 61).

Xem thế thì sự khiêm nhu phát động của Đạo-giáo rất giống sự khiêm nhu phát động của Ki-tô-giáo. Nếu người Ki-tô-giáo thực hành đức ấy vì bắt chước lẽ che khuất Thần tính của Chúa Trời thì người Đạo-giáo thực hành nó vì tham dự vào chính định luật của sự che khuất của vũ trụ.

PHAN-KHOANG và
HOÀNG-MINH-TUYNH dịch

(5) Đạo-đức-kinh, chương 7 (xem trên). Đạo-đức-kinh, chương 17 (xem trên). Đạo-đức-kinh, chương 22 (xem trên).

✧ Có người chỉ trông thấy nguyên có khó khăn, lại có người không muốn trông thấy khó khăn. Tốt hơn là khi thấy việc có thể làm được thì nghĩ đến khó khăn ngay, và rán tìm sức mạnh ở trong cái « có thể » để thắng cái « khó khăn ».

THƯ KÝ HÀN LÂM VIỆN ẤN ĐỘ
K. E. KRIPALANI TIẾP XÚC VỚI
THI SĨ ĐÔNG HỒ ĐỀ HỎI VỀ
KỶ NIỆM THI HÀO R. TAGORE

• *Kỷ sự của Đông-Hồ*

TÔI đã ngần ngại, không muốn kể lại chuyện này; vì khi nói ra, phải nói về mình nhiều quá. Có gì khó nghe bằng mình lại kể chuyện mình. Nguyễn Du đã thác lời em Vương Quan mắng chị Thúy Kiều:

Quan rằng chị nói hay sao

Một lời là một vạ vào khó nghe!

Nhưng anh em văn hóa lại không bằng lòng; anh em nghĩ khác.

Nghĩ rằng, cuộc gặp gỡ giữa một ông thư ký Hàn lâm viện của nước Ấn-độ với một thi sĩ của nước Việt-nam không phải chỉ là việc riêng của hai cá nhân mà thôi; mà nó còn là việc chung văn hóa của hai dân tộc. Bởi vậy những tài liệu sống, đầy đủ, rõ ràng và đúng là rất cần thiết.

Nếu cần rõ và đúng thì còn ai kể lại cho bằng mình tự ký thuật việc mình.

Cũng có cách: mình viết, rồi ký tên người khác. Nhưng như vậy thì lại không thành thật.

Chúng ta, ai đã đành làm như vậy hay sao.

Thôi thì, không ngần ngại nữa. Mình cứ thẳng thắn chép rõ việc mình.

Hồi cuối tháng III dương lịch này, một hôm, tôi nhận được điện thoại của ông Thái-Văn-Kiểm ở Nha Văn hóa. Thái tiên sinh tin cho tôi hay rằng có một vị đại diện cho Hàn lâm viện nước Ấn-độ, nay mai sẽ sang đây, mục đích sưu tầm tài liệu, kỷ niệm về thi hào Rabindranath Tagore, ở nước Việt-nam.

Cuộc sưu tầm này rất rộng lớn. Họ châu du khắp thế giới, thu thập tài liệu cho thực đầy đủ, chuẩn bị đề, đến năm 1961, sẽ làm lễ kỷ niệm đệ bách chu niên, ngày sinh nhật của thi hào R. Tagore. Họ ghé qua Sài-gòn ta, khoảng đầu tháng IV này.

Thái tiên sinh hỏi tôi có tài liệu gì về Tagore thì cho xin, hoặc có biết gì

về việc Tagore, năm xưa, đã có từng ghé Sài-gòn thì chỉ dẫn cho.

Tôi cũng không hiểu lý do vì sao mà Thái tiên sinh hỏi tôi, trong khi còn bao nhiêu người khác đáng được hỏi hơn.

Đang lúc đột ngột, tôi chỉ phúc đáp được một ít điều :



Năm thi hào Tagore ghé qua Sài-gòn, tôi còn ở Hà-tiên, không được trực tiếp gặp mặt.

Về tài liệu thì, riêng tôi đã mất mát hết rồi. Nhưng tôi có thể chỉ dẫn cho tìm được.

Năm 1924, thi hào R. Tagore đi du thuyết về chủ nghĩa Hòa-bình. Cuộc du thuyết này đã có ảnh hưởng to lớn, gây nên một dư luận xôn xao trong thế giới.

Nhân loại, năm đó, chưa hoàn hồn về tai họa đại chiến 1914-1918.

R. Tagore vừa cổ động cho thế giới hòa bình, vừa lên án khoa học Tây-phương, rất nghiêm khắc.

Vừa thoát khỏi cơn ác mộng hoang mang, gặp Tagore, Tây - phương như người sắp chết đuối, vớ được chiếc phũ phao. Cũng có một ít nhà tư tưởng Tây phương không đồng ý, nhưng phần nhiều, hầu hết đều ý thức rằng : Đông phương mới là nơi cực lạc, mà chủ nghĩa Hòa bình của Tagore là chiếc bè từ đưa chúng sinh qua biển khổ, cho khỏi cơn Âu lục trầm luân.

Sau cuộc Âu du, thi hào R. Tagore về Á-đông. Có dự định ghé qua Việt-nam. Cho nên, năm 1924 đó, báo chí, nhất là tạp chí Nam-phong, nói về Tagore rất nhiều.

Các nhà trí thức Việt-nam đang ngong ngóng đợi.

Bỗng một tin làm cho ai nấy ngạc nhiên. Ngạc nhiên biết bao, khi nghe rằng dân Trung-hoa đã phản đối Tagore kịch liệt.

Ngày cuối tháng IV năm 1924, Tagore bước chân xuống Bắc-kinh, giới chánh khách, giới học sinh làm biểu tình phản đối. Họ tung truyền đơn dả đảo Tagore. Họ đòi đuổi Tagore ra khỏi nước Tàu, họ hăm dọa phá rối các cuộc diễn thuyết của Tagore.

Tôi không nhớ rõ, vì không có tài liệu, hình như Tagore cũng có nói được một hay hai lần, đều bị chánh khách học sinh Tàu phá đám.

Vì thất bại ở Tàu, trong chuyến du thuyết đó, Tagore không ghé qua Việt-nam, mà về thẳng Ấn-độ.

Các nhà trí thức Việt-nam, năm đó, lấy làm ngạc nhiên. Họ không hiểu vì sao một bậc thi thánh của Á-đông, được Âu-tây hoan nghênh, từ năm 1913, đã lãnh giải Nobel, đi đâu cũng được tiếp nhận ân cần, thế mà chính người Á-đông lại không lấy làm quý.

Còn lạ lùng hơn nữa, là Ấn-độ và Trung-hoa đã sẵn có hai văn minh to lớn, đã sẵn phong khí thuận tiện cho hai đảng cảm thông nhau. Thế mà, lại bị từ chối, từ chối đến quyết liệt.

Các nhà trí thức, năm đó, hãy còn lý tưởng lắm, họ chưa nhận được thực tế nước Tàu.

Nước Tàu đang mắc vào một tình trạng khủng hoảng trầm trọng.

Họ phản đối Tagore, phải có cái lý của họ.

Chánh khách và học sinh Tàu năm đó lý luận rằng :

Nước Tàu vì ham chuộng hòa bình, đắm say thi vị, mê một giấc ngủ mê man, ngót bốn nghìn năm, để cho đến với Âu tây xâm lấn đất nước, áp bức dân tộc, khiến cho nước Tàu điêu đứng khốn đốn mọi đường. Mới vừa thức tỉnh, bình trăm kha vừa gương dậy (nên nhớ năm Tagore ghé nước Tàu, sau cách mạng Tân hợi — 1911 — mới 13 năm), chưa tìm được phương lược nào đối phó với liệt cường; thế mà, bỗng có người đến, đem thuyết hòa bình ru ngủ.

Đang say, gảy khúc mê hồn ấy chi.

Khúc « êm ái xuân tình », của Tagore mang đến, thanh niên chánh khách Tàu cho là một cung đàn lỗi nhịp. Trách gì họ chẳng đòi đập bỏ đàn đi.

Nói cho đúng, cũng có phái trí thức ôn hòa, trong có bác sĩ Hồ Thích, chủ trương phải chững, cùng với các vị giáo sư đại học lão thành, tổ chức đón tiếp trọng thể lắm.

Ngoài việc đưa R. Tagore vào du ngoạn từ cấm thành, thăm vua Chiêu-Thống, còn tổ chức mấy buổi hát đặc biệt cho Tagore xem. Họ đem diễn cả vở kịch *Chitra* của Tagore, mà vai đào chánh ra trò là tiểu thư, con gái một vị nguyên thượng thư.

Phái ôn hòa này chủ trương rằng : mặc dầu chủ nghĩa hòa bình của R. Tagore đối với nước Tàu hay hay là dở thế nào, nhưng đối với một bậc đại thi gia đệ nhất Á-đông đương thời, cả thế giới đều trọng vọng, thì nước Tàu cũng nên tiếp đãi cho có thể thống.



Sở dĩ tôi kể dông dài việc năm 1924, Tagore thất bại ở Tàu, rồi không ghé đây, vì thấy có nhiều người lầm. Tưởng rằng

năm Tagore sang thăm Việt-nam là năm 1924, vì thấy trong năm 1924 đó, tạp chí Nam-phong đã nói về Tagore rất nhiều, và các báo chí, năm đó, cũng báo trước tin Tagore ghé vào Việt-nam.



Bốn năm sau, năm 1929, Tagore mới ghé lại Sài-gòn.

Có lẽ năm đó, Tagore cũng không định du thuyết ở Việt-nam, vì biết nói sao cho ôn, ở một xứ nhỏ nhỏ đang bị thuộc địa Pháp nặng nề.

Năm đó, Tagore đi Nhật-bản về, đáp tàu Angers, vì Tàu cần phải ghé Sài-gòn nhân dịp, Tagore lên bờ thăm chơi thủ phủ miền Nam nước Việt.

Ấy thế mà các nhà trí thức Sài-gòn, năm đó, đã tổ chức được cuộc nghinh tiếp thi hào Ấn-độ, kẻ cũng long trọng lắm.

Thật sự, năm đó trí thức Việt - nam ở



Ông Hàn Kripalani vừa nghe Thi-sĩ Đông-Hồ đọc nghinh từ, vừa « nểm xem có đúng là trà pha với nước có lẫn nước sông Hằng hà » hay không.

Sàigòn nghinh đón Tagore, nhằm mục đích chính trị nhiều hơn văn hóa.

Trí thức Việt-nam. khoảng mấy năm đó, đang mê say về các nhà lãnh tụ cách mạng ra mặt chống đối với võ lực đế quốc, như Moustapha Kémal của Thổ-nhĩ-kỳ, Zaglul Pacha của Ai-cập, Gandhi của Ấn-độ. Họ không cần phân biệt cho lắm. Họ thấy Tagore cũng như Gandhi, thuộc về hạng người chí sĩ hy sinh, ái quốc, dám lên tiếng, dám hành động chống xâm lăng, chống đế quốc thực dân, đề đòi hỏi độc lập cho nước nhà. Họ không được công khai đón tiếp những Phan-Sào-Nam, những Nguyễn-Thượng-Hiền, thì họ đón tiếp Tagore cho hả hơi vậy.

Cuộc đón tiếp Tagore nhằm ngày 21-VI-1929, do đảng Lập hiến và báo Tribune indochinoise chủ trương tổ chức, có giới Ấn kiều tham dự.

Tôi nhớ không có diễn văn dài. Hình như có một bài ngắn của vị lãnh tụ Ấn kiều, một bài ngắn của Diệp-Văn-Kỳ, hay Dương-Văn-Giáo. Và Tagore có đáp từ ngắn ngắn.

Bài của Tagore, khi đó, ai cũng lấy làm khó hiểu.

Ngoài việc nghinh tiếp, tôi nhớ có một việc thú vị, là thi hào Tagore khi thấy quốc phục Việt-nam lấy làm thích lắm. Thi hào ngỏ ý muốn có một chiếc áo dài. Ban tổ chức đưa thi hào đến một hiệu may, hình như một hiệu may Bắc. Hiệu may tức thì huy động nhân viên, cắt may tặng thi hào chiếc áo dài bằng gấm màu; việc làm nhanh chóng chỉ trong vài ba tiếng đồng hồ, kịp cho mặc đi du ngoạn và chụp ảnh chung với các vị tổ chức.



Ấy, đại khái, trong khi không sẵn tài liệu bên tay, tôi đã kể thuộc lòng những việc, cách những 30 năm, bằng giấy nói, với ông Thái-Văn-Kiểm ở Nha Văn hóa và ông Nguyễn-Đăng-Thục ở hội Nghiên cứu liên lạc văn hóa Á-châu, như trên đó.

Tạm là những cái móc chỉ dẫn, đề ai có muốn đầy đủ, chắc chắn, rõ ràng hơn, thì xin tìm tài liệu ở các thư viện, những báo chí Việt ngữ, Pháp ngữ, Hoa ngữ khoảng trước sau ngày 21.VI. 1929. Nên tìm thêm tài liệu ở hội Khuyến học Nam-kỳ, hội Trí đức thề dục (Samipic), hội Société des Études indochinoises, hội Alliance française.

Cũng nên tìm thêm tài liệu ở lãnh sự quán Anh, ở các hội Ấn kiều, và cả tài liệu ở thị sảnh thành phố Sàigòn, ở sở Cảnh-sát Công-an nữa.

Về báo chí của ta thì tôi nhớ báo Tribune indochinoise, báo Đuốc nhà Nam, là cơ quan của đảng Lập-hiến. Còn có báo Phụ nữ tân văn, báo Rạng đông, báo Thần chung v.v...

Tôi chỉ dẫn chứng chừng đó mà thôi, chớ tôi không có tài liệu đích xác.



Đầu tháng 4 tôi bận việc nhà, nên việc đón tiếp vị Hàn lâm Ấn-độ cũng bỏ quên, không nghe nhắc đến nữa. Tôi tưởng cũng đã xong rồi.

Mãi cho đến hôm 8-4-1959, tôi bỗng lại nhận được điện thoại của ông Thái-Văn-Kiểm cho hay rằng: ông Hàn

lâm Ấn-độ sẽ đến đây sáng ngày 9 tháng 4 1959. Ở lại đây ngày 10, và đến sáng 11 thì đi sang địa phận nước Tàu.

Ngoài các cuộc tiếp xúc chính thức với các hội văn hóa, thư viện, bảo tàng viện, đại học viện, bộ Quốc-gia giáo dục v.v... ông Hàn Ấn-độ ngờ ý muốn đến thăm riêng một nhà thơ Việt-nam để nói chuyện cho có tình thân mật hơn.

Ông Thái - Văn - Kiềm đề nghị nhờ tôi lãnh vai trò thân mật đó. Thái tiên sinh nghĩ rằng : tôi là thi sĩ nửa cũ nửa mới, nhất là đã từng có sống khoảng 1924 - 1929, là năm Tagore có tiếp xúc liên quan với giới văn hóa nước mình.

Tôi đã từ chối, lấy lý rằng người bình hoạn, nhà ở thì là một nhà buôn luộm thuộm, nơi đứng chốn ngồi không đủ trang nhã để tiếp một vị quý khách. Huống chi, ở đây, hãy còn biết bao nhà học giả văn gia xứng đáng hơn nhiều.

Nhưng Thái tiên sinh khẳng khăng giữ mãi đề nghị trên, và bảo rằng : Nếu Đông-Hồ không nhận thì Nha Văn hóa cũng sẽ kéo bừa ông Hàn lâm Ấn-độ đó vào, đòi uống trà ở Đại ăn am, để xem thi sĩ có đuổi ra được không.

Trước cử chỉ thẳng thắn và lời nói chân thành của ông Thái-Văn-Kiểm, tôi không làm sao chối từ được, đành phải nhận lời vậy.



Nhận lời rồi thì đâm lo lắng. Chương trình ấn định vào 4 giờ chiều ngày 10-4. Chỉ còn có một ngày một đêm nữa thì khách tới, vậy dự bị tiếp đón thế nào đây cho phải.

Vì đầu hèn cũng tiếng là một thi sĩ Việt-nam. Làm sao để cho người bạn văn hóa ngoại quốc có cảm tưởng tốt đối với thi giới văn giới nước nhà. Nhất là cần tỏ cho người bạn láng giềng, cùng cảnh ngộ với mình, thấy rằng : Việt-nam cũng như Ấn-độ, tuy đã ngót thế kỷ bị văn hóa Pháp xâm lấn, tiếng Pháp đã đem thế lực thống trị đè nén, mà Việt-nam vẫn giữ được nguyên vẹn văn hóa cổ hữu, và tiếng Việt vẫn mạnh mẽ tiến lên, vừa chống trả, vừa giành lấy được địa vị chủ nhân ông.

Thôi thì chuẩn bị. Chuẩn bị thế nào đây. Yiêm Yiêm thư trang, phải dọn dẹp thu xếp cho biến thành vừa là một thư trai, vừa là một khách sảnh.

Phòng ốc trang hoàng, bằng những tranh đàn thanh, tranh thủy mặc, lọ hoa, lò hương. Khói trầm đượm hương hoa quỳện những bức tứ bình, hoành phi. Toàn thể rất Á-đông, rất cổ điển.

Ngoài các bức liễn trướng chữ Tàu, có treo thêm hai câu đối Nôm, viết bằng chữ Quốc ngữ :

Một câu treo ở cửa ngoài khách sảnh viết trên giấy đàn chu :

*Nước trí non nhân, đất Á chiếm riêng
xuân vạn thuở.*

*Trăng hiền gió thánh, trời Đông mở
rộng ý ngàn phương.*

Một câu thứ hai treo chỗ thư trai, viết trên giấy hồng đào :

*Vấn giữa lòng đời, xã hội mục tuôn
dòng hoạt động.*

Tiếng trong hồn nước, non sông lời nở
áng tình hoa.

Khoảng 16 giờ thì ông Nguyễn-Khắc-Kham, giám đốc Nha Văn-hóa, đưa ông K. E. Kripalani đến. Có giáo sư Nguyễn-Đình-Hòa, đại diện cho bộ Quốc-gia Giáo-dục, giáo sư Nguyễn-Đăng-Thục đại diện cho hội văn hóa Á-châu, cụ Nguyễn-Công-Diệu đại diện cho giới Nho gia lão đại.

Ông Kripalani nói chuyện bằng tiếng Anh. Trong khi đàm thoại, thì ông Nguyễn-Đăng - Thục và ông Nguyễn-Khắc-Kham nói được ít nhiều, tôi và cụ Nguyễn - Công-Diệu thì phải nhờ ông Nguyễn-Đình-Hòa thông dịch.

Bắt đầu, ông Kripalani nói rằng ông rất cảm động mà thấy được tiếp ở một khung cảnh trang nhã khả ái.

Nhân ông khen bộ quốc phục tôi mặc rất nên thơ, tôi hỏi ông qua nay, đến thư viện, đã tìm thấy bức ảnh của thi hào Tagore mặc quốc phục Việt-nam chưa. Ông bảo là chưa tìm thấy được. Ông lấy làm tiếc lắm.

Ông Kripalani hỏi tôi về những việc năm 1929, khi thi hào Tagore sang đây. Tôi lược lược kể qua mọi việc, đại khái như những điều tôi đã dẫn ở phần trên.

Ông Kripalani hỏi về ảnh hưởng của Tagore đối với Việt-nam, với Văn-hóa Việt-nam như thế nào.

Tôi đáp rằng : chưa có một tác phẩm lớn nào của Tagore được dịch ra tiếng Việt. Chỉ có dịch được vài ba truyện ngắn, bốn năm bài thơ, ít bài diễn thuyết. Nhưng phần nhiều cũng là dịch theo Pháp văn. Cũng có một phần dịch theo Anh văn. Còn tiếng Bengali, là tiếng Quốc ngữ của Tagore đã dùng để làm thơ thì tuyệt nhiên ở Việt-nam chưa nghe có ai học.



Ông Kripalani chăm chú nghe đọc bản dịch bài
nghinh từ bằng Anh văn.

Nhân đó, tôi tỏ ý tiếc cho hai dân tộc Ấn-Việt, ở gần nhau, văn chương văn học rất cần trao đổi lẫn nhau, mà chưa có một người Ấn nào học được Việt ngữ cũng như chưa có một người Việt nào học được Ấn ngữ. Hai bên biết nhau qua loa, chỉ nhờ ở trung

gian các sách Tây-phương.

Người Việt-nam, ngày nay, biết được văn chương tư tưởng Ấn-độ, qua ngôn ngữ Tây-phương, cũng như ngày xưa, muốn thông Phật học, phần lớn đều phải học Phật kinh, qua bản dịch bằng Hán tự. Vì thế, ông Kripalani đề nghị hai quốc gia Ấn-Việt nên tìm phương tiện mở trường cho hai dân tộc, học ngôn ngữ lẫn nhau. Điều đó, chẳng những có bổ ích rất lớn về đường tư tưởng văn

học mà thôi, còn làm cho hai dân tộc càng được gần gũi, hiểu biết nhau hơn.



Ông Kripanlani hỏi tôi vì sao mà thích Tagore và thích về điểm nào.

Tôi đáp rằng :

Khoảng năm 1925-1926, tôi còn ở Hà-tiên, có mở một học xá chuyên dạy toàn Việt ngữ.

Tôi đọc thấy, về phương diện giáo dục, chủ trương của Tagore đúng với ý muốn của tôi hai điều :

1.— Một là giáo dục cho con người biết yêu cảnh thiên nhiên, cho lòng con người gần với lòng tạo hóa, tìm ở đó một quan niệm hòa bình cho cuộc sinh tồn vĩnh viễn.

Hà-tiên là một nơi sản nhiều phong cảnh đẹp : có hồ, có núi, có rừng có biển, sản một khí vị dễ cảm nhiễm. Ngày đó,

tuổi còn trẻ, tôi dám có ước vọng làm cho Trí đức học xá ở Hà-tiên của tôi trở thành nhà tinh xá đại học Santiniketan của Tagore.

2.— Điều thứ hai là : Cũng về khoảng 1924-1925 đó, Việt ngữ bị đồng bào chưa giác ngộ khinh rẻ, vì say mê theo tiếng Pháp là tiếng thống trị. Tôi đang hô hào cổ động, cần phải lấy tiếng Việt làm tiếng căn bản giáo dục, tôi cần dẫn những bằng chứng để làm vững chắc thêm chủ trương của tôi ; tôi thấy Tagore từng nói rằng « *Có học bằng tiếng mẹ đẻ thì chúng ta mới có trí khôn ra được* ». Và Tagore đã dùng Quốc ngữ mà sáng tác nên bao nhiêu tác phẩm bất hủ, làm cho cả thế giới đều thán phục.

Tagore, khi đó, đối với tôi, là một bằng chứng hùng biện để nói chuyện với những người còn nghi ngờ khả năng của Việt ngữ.

(Còn một kỳ tiếp)

ĐÔNG-HỒ

★ Người thực tế là người biết vun trồng cái khiếu thoáng nhìn là thấy ngay được những khả năng mới trong một cuộc đổi thay, biết lợi dụng ngay những khả năng ấy và thi hành một quyết định mới thích ứng với hoàn cảnh hiện tại.

★ Thiên hạ không có hoàn cảnh nào là dễ xử, nhân gian không có thì giờ nào là bỏ đi. (Tăng-Quốc-Phiên)

★ Có nhiều kế hoạch rất hay ; song trong mỗi hoàn cảnh chỉ có một kế hoạch là thật hay, thật đúng. Kế hoạch ấy có thể là kế hoạch tầm thường nhất, ít làm cho người ta được danh tiếng nhất, nhưng lại là kế hoạch duy nhất, có thể thực hiện được trong thực tế. Người lãnh đạo có trách nhiệm và quyết đoán phải có khả năng lựa trúng được kế hoạch ấy mới thật là người biết lãnh đạo.

SINH VẬT HỌC

VÀ

CON NGƯỜI

● CỐ - LIÊU

SỰ TRUYỀN THỤ

Khái niệm

LOÀI người xưa nay vẫn tin rằng cơ thể đem đặc tính và sinh lực của một con vật này truyền sang con vật khác, hoặc bằng cách sờ mó, đụng chạm, hoặc bằng cách ăn thịt, uống khí huyết, hấp thụ hơi thở của con vật ấy.

Xưa kia bên Âu châu người ta đã dùng máu chim sẻ, máu ếch, loại súc vật được coi là cường dương, để kích thích tình dục. Người ta ăn tủy xương sống sư tử, uống máu bò mộng để lấy sức mạnh. Người yếu gan thì ăn gan chó sói, gan cáo. Người ta cho người hung ác uống máu lừa, con vật trì đòn, để bớt hung hãn, người ta lấy dịch trấp của loài rắn, một loài có mắt rất sáng, để chữa cho người mắt kém. Ở một vài tỉnh bên Ấn-độ người ta ăn mắt loài vọ để đến đêm mắt trong tỏ thêm.

Các dân tộc chậm tiến cũng biết những cách chữa bệnh hoặc bồi bổ sức lực như thế. Tại đảo Bornéo thổ dân không dám sờ mó vào con nai sợ nhiễm tính ngu độn của nai. Người Abipone không ăn cá, gà, cừu vì sợ trở thành chậm chạp, nhút nhát; họ ăn thịt hồ, lợn lòi, bò mộng để có sức lực và can đảm. Nhiều giống người khi thắng trận thường ăn gan và óc của

dịch để đoạt lấy trí khôn và đảm lược của địch.

Ở Nam Mỹ dân Kobena lấy mũi nhọn đâm vào mắt chim diều hâu rồi lấy chất nhờn trong mắt nhỏ vào mắt người, họ tin rằng sẽ làm cho mắt tinh như mắt diều hâu.

Ở Tân-tây-lan người ta cho rằng ăn thịt loài chim Korimako có tiếng hót hay thì sẽ có tài ăn nói. Dân Charokee ăn thịt thú rừng để chạy nhanh, họ chê thịt gấu vì sợ sẽ trở nên vụng về như gấu, chê thịt gà vịt vì sợ hèn nhát như gà vịt.

Ở Vancouver người Mọi nấu tổ ong vò vẽ cho đàn bà không sinh đẻ uống vì loài ong sinh nở rất nhiều.

Tại một vài nơi ở Phi Châu khi có người tài giỏi chết, người ta chặt lấy đầu đem treo lên cho nhỏ nhớt xuống vôi: vôi hút hồn người chết. Vôi đó sẽ đem dùng để đắp lên trán người sống cho truyền sang những tính nết ưu tú.

Người ta còn tin tưởng rằng tính tình và sinh lực có thể truyền thụ từ người sang cây cối, và từ cây cối sang người.

Tại Nhật-bản người ta cho thanh niên cường tráng thắp cây đề cây mọc khỏe. Sự

tin tưởng này cũng gần như ở Việt-Nam, người ta tin có người trồng cây mát tay, cây mọc tốt. Dân Batak cho người hung dữ gieo giống hồ tiêu dễ tiêu, cay hơn.



Sự tin tưởng của người xưa căn cứ vào trực giác. Đến nay khoa học dùng những phương tiện khảo nghiệm cụ thể để chứng thực một phần nào nhiều trường hợp tin tưởng của người xưa là hữu lý.

Người ta nhận thấy phương pháp trị liệu bằng hạch bắt nguồn từ những thói quen trên kia đã nói đến. Nhưng phương pháp này chỉ là một trường hợp đặc biệt của hiện tượng truyền thụ sinh vật học.

Sự truyền thụ lại là hậu quả của những điều kiện hóa học. Nhiều hiện tượng sinh sống là hậu quả rất gần của sự cấu tạo những chất đặc thù trong cơ thể. Điều ấy được coi như cố định.

Truyền thụ khả năng chống lại bệnh tật

Đem tiêm một liều nhỏ độc tố — như độc tố của vi trùng phong đòn gánh — vào cơ thể, cơ thể đó sinh ra một chất có tính cách khử độc, sau đấy có thể chống lại những liều độc tố mạnh hơn. Cơ thể đã được thay đổi máu huyết như thế sẽ chống lại có hiệu quả được bệnh đó. Nếu lấy máu hay huyết thanh của cơ thể ấy đem chích cho một cơ thể khác thì cơ thể khác cũng được nhiễm sự miễn trừ đối với thứ độc tố ấy. Như vậy đặc tính khử độc của một cơ thể có thể truyền cho một cơ thể khác. Y học dùng phương pháp truyền thụ để phòng bệnh (đậu mùa) hoặc chữa bệnh (phong đòn gánh),

Theo cách trị liệu đó, người ta có thể chích ngay vi trùng, tế bào, hoặc protéine (chất lòng trắng trứng) vào cơ thể để tạo ra chất khử độc rồi đem truyền thụ cho cơ thể khác.

Cũng theo nguyên tắc này người ta có thể tạo ra cho cơ thể một trạng thái « phản ứng nhạy ». Ta biết rằng một cơ quan đã bị một chất lạ công kích một lần thì từ sau có thể phản ứng nhạy hơn nếu bị chất đó công kích nữa. Trạng thái phản ứng nhạy ấy liên lạc với sự thay đổi thành phần máu huyết. Có thể lấy máu người đã có phản ứng nhạy đem truyền thụ cho người khác.

Truyền thụ khả năng phát triển của tế bào.

50 năm trước đây nhà sinh lý học Paul Carnot đã chứng minh rằng có thể mượn những chất của một cơ thể đang lớn lên để làm cho một cơ thể khác lớn lên dễ dàng hơn.

Mấy chất kích thích đó gọi là Poïétine khác nhau về đặc tính tùy theo người ta lấy ở bộ phận nào ra. Lấy ở lá gan mới « mạnh nha » sẽ có chất Poïétine kích thích tế bào gan, lấy ở thận « mạnh nha » sẽ kích thích thận.

Không những tế bào mạnh nha có sức phát triển mạnh mới có chất Poïétine mà thôi, tế bào vừa qua cơn suy nhược, đang phục hồi cũng có chất đó. Một cơ thể bị lấy mất nhiều máu cần phải sinh huyết để bù lại chỗ mất. Nếu lấy một chút máu ấy chích vào một cơ thể khác thì cơ thể khác cũng bị kích thích để sinh thêm huyết, bởi vì trong máu có chất Hémopoïétine.

Carnot còn đi xa hơn, ông cho rằng đặc tính của sinh lực có thể truyền thụ được,

ông cả quyết rằng huyết thanh của một người đặt vào trạng thái gầy ốm có thể làm cho người khác gầy ốm, của một người đặt vào trạng thái mập có thể làm cho người khác mập v.v...

Ông Carrel, một nhà sinh vật học thí nghiệm về nuôi dưỡng tế bào, nhận thấy sự thí nghiệm chỉ có kết quả khi nào cho thêm vào tế bào đang nuôi dưỡng một ít dịch trấp của một cơ thể mới mạnh nha. Như thế tỏ ra dịch trấp ấy chứa đựng những chất cần thiết cho tế bào này nở, người ta gọi chất ấy là Trephone, nhưng cũng không khác chất Poietine của Carnot.

Truyền thụ sự trẻ trung.

Đã truyền thụ được sinh lực bằng máu và dịch trấp tất nhiên người ta phải nghĩ đến sự cải lão hoàn đồng.

Người ta dùng dịch trấp của gà dò (Rosenthal), của bào thai trâu bò hong khô trong hơi lạnh (Binet), dùng máu người còn trẻ, nước tiểu trẻ sơ sinh (Rostand, Parcheminey).

Phương pháp mới nhất là phương pháp của bác sĩ Niehans người Thụy-sĩ. Người ta dùng những tế bào còn sống vừa lấy ở bào thai súc vật.

Nhận định giá trị thực tiễn của những phương pháp trị liệu ấy bây giờ khó sớm. Ta chỉ nên biết rằng những phương pháp ấy đều dựa theo nguyên tắc truyền thụ sinh lực trẻ trung của một sinh vật sang một sinh vật khác bằng tế bào và dịch trấp.

Truyền thụ nam tính hay nữ tính.

Phương pháp truyền thụ giống dựa vào những cuộc thí nghiệm và những thực

hiện tại bệnh viện. Sinh nam hay nữ tùy thuộc những chất hormone : folliculine và testostérone. Hai chất ấy có thể lấy ở đàn ông đem truyền thụ cho đàn bà hay của đàn bà đem truyền thụ cho đàn ông.

Bây giờ không ai còn lạ nếu lấy một vài chất của một con vật thuộc giống đực tiêm cho con cái thì con cái sẽ biến đổi tâm tính và diện mạo hóa ra gần như con đực.

Nếu chịu ảnh hưởng, những chất ấy từ sớm thì những hạch sinh dục sẽ biến tính. Con vật sẽ hoàn toàn đổi giống. Etienne Wolff đã thí nghiệm có kết quả với loài chim, Galien và Witschi với loài ếch, Humphrey với một giống thằn lằn.

Sự đổi giống có khi hoàn toàn đến nỗi con vật đổi giống có thể sinh sản chẳng khác gì con vật nguyên thủy thuộc giống ấy.

Ghép một con đực nhân tạo, (cái đổi ra đực) với một con cái chúng nó sẽ sinh con như thường.

Truyền thụ sự trưởng thành về đường tình

Người ta cũng có thể làm cho động vật sớm biết tình bằng cách tiêm vào những con rất trẻ non những chất lấy ở cơ thể con đã trưởng thành. Trong phòng thí nghiệm người ta đã làm rất dễ dàng cho chuột non sớm động tình, gà non sớm mọc mào và biết gáy (Dantchakoff).

Đối với những giống vật chỉ động tình có mùa, người ta có thể làm cho một con cái động tình bất cứ lúc nào với dịch trấp của một con cái khác đang ở trạng thái ấy.

Trái lại dùng nước tiểu một đứa con gái bé tiêm cho loài vật thì con vật đó trở lại ngay thơ chưa biết tình dục (Zephiroff và Zavadskaia).

Tuyền thụ đặc tính của giống nòi

Sự truyền thụ đặc tính của giống nòi không được biết rõ lắm như truyền thụ nam tính nữ tính.

Trong một vài trường hợp còn hiếm hoi, người ta nhận thấy đặc tính của mỗi giống nòi tùy thuộc những chất đặc thù ở trong dịch trứng. Chất đặc thù đó có thể làm phát hiện đặc tính của một giống nòi cho một giống nòi khác.

Thí nghiệm giống ruồi ăn giấm người ta đã đổi màu mắt đỏ son của một loài ruồi ra màu đỏ gạch của một loài khác. Màu của mắt là một đặc tính truyền thống, chỉ có sự biến đổi trong hệ thống Chromosome mới làm đổi màu mắt.

Nhờ sự nghiên cứu của Ephrussi và Beadle người ta đã biết một dịch trứng điều khiển sự phát triển cơ thể của con ruồi, màu sắc con mắt tùy thuộc yếu tố ấy. Người ta tìm thấy dịch trứng đó ở trong người con giòi ruồi.

Bây giờ lấy dịch trứng của con giòi non loài ruồi mắt đỏ gạch đem chích cho con giòi non ruồi mắt đỏ son thì sau này ruồi mắt đỏ son sẽ hóa ra mắt đỏ gạch. Hiện tượng này cũng giống như sự thay đổi màu mắt xanh của người da trắng ra màu mắt đen của người Đông-Phương, nếu có thể thực hiện được bằng cách lấy dịch trứng trong bào thai người có truyền thống mắt đen chích cho bào thai người có truyền thống mắt xanh.

Về loài chi giáo sư Wolff đầu lược được kết quả trong cuộc thí nghiệm sau này: lấy dịch trứng ở mầm giống một loại khác. Tác động đến xương chim non làm cho có lớn lên xương sẽ khác với chim đồng loại, với dịch trứng của mầm giống chim Creeper chân ngắn người ta làm cho một loài khác chân dài khi lớn lên sẽ thành chân ngắn, và ngược lại, làm cho chân chim Creeper dài ra.

Đem đối chiếu với loài người thì cũng như dùng dịch trứng của bào thai người cao làm cho một cái thai giống người lùn sinh ra thành người cao.

Những cuộc thí nghiệm của giáo sư Benoit đang theo đuổi có mục tích làm biến đổi đặc tính của một giống nòi bằng dịch trứng lấy ở tế bào của một giống nòi khác.

Chất DNA (acide Desoxyribonucleique) dự vào sự cấu tạo những phần tử các gènes và được coi là căn bản hóa học về truyền thống.

Dùng vịt để thí nghiệm. Lấy chất DNA của giống vịt Khaba tiêm cho vịt Bắc kinh (vịt con), sau vài tuần lễ thấy vịt con đổi màu mỏ, hóa ra màu hồng chứ không vàng như những con khác.

Truyền thụ tiềm thể truyền thống (potentialité héréditaire)

Ngoài ra giáo sư Benoit còn cho rằng chất DNA không những chỉ tác động đến đặc tính của cơ thể vịt con, mà còn truyền thụ những khả năng truyền thống cho các tế bào mầm giống (cellules germinales) của con vịt. Trong cuộc thí nghiệm nói trên, con vịt mỏ hồng ấy sau sinh sản ra nhiều con mỏ hồng ít hay nhiều. Như vậy nghĩa

là có cả hai hiện tượng biến cải bản thân con vịt và biến cải giống nòi vịt.

Tuy nhiên những kết quả ấy còn gây ra nhiều cuộc tranh luận. Đối với những sinh vật hạ đẳng — như vi trùng — sự truyền thụ giống nòi được biết chắc chắn hơn.

Griffith, Avery và nhiều bác học khác đã chứng minh rằng có thể truyền thụ những đặc tính của vi trùng loại B sang vi trùng loại A bằng phương pháp trên. Khi đã biến cải giống nòi rồi thì đặc tính mới nhận được trở nên đặc tính truyền thống.

Nếu sự truyền thụ đó có thể đem áp dụng cho loài vật thượng đẳng như người, thì phạm vi những hiện tượng truyền thụ được sẽ mở rộng, bởi vì trên lý thuyết người ta có thể truyền từ một cơ thể này sang cơ thể khác những đặc tính truyền thống như sống lâu, không mắc một vài thứ bệnh, có lẽ cả sự thông minh, thần khí, tài năng v.v...

Có lẽ sau này người ta sẽ ướp đề dành để nuôi dưỡng trong phòng thí nghiệm những tế bào của người cường tráng, sống lâu, tài năng lỗi lạc v.v... để rút lấy tinh hoa. Tưởng tượng như thế cũng không có gì là quá đáng.

Truyền thụ những đức tính thuộc tâm linh

Sự truyền thụ những cá tính thuộc tâm linh đã thực hiện được trong vài trường hợp.

Hai con vật dực và cái khác nhau về tính tình. Người ta thay đổi hẳn tính tình của chúng bằng chất hormone : con gà mái đổi thành gà trống sẽ mọc mào và

gáy được, đồng thời nó trở nên táo tợn, hay gây sự.

Về người, đã có thể giảm bớt một vài mặc cảm tự ty và tăng cường sự mạnh mẽ tinh thần bằng những hormone của giống đực (Moricard và Bize).

Ông Lienhart dùng máu con gà đang ấp chích cho con khác thì con gà khác cũng ấp. Lấy máu của một con vật mỗi một hay buồn ngủ chích cho con khác thì có thể truyền sự mỗi một và buồn ngủ (Piéron).

Trong dịch trấp của người thông minh siêu đẳng có những yếu tố ảnh hưởng đến tâm linh chẳng ? Hiện nay người ta còn chưa rõ những điều kiện làm cho trí tuệ ưu tú để trả lời câu hỏi đó. Nhưng nếu biết được máu người dở (idiot) có những thành phần khác thường, chúng ta phải chấp nhận giả thuyết rằng trí tuệ ưu tú cũng do hệ thống hormone quyết định.

Người ta vẫn tự hỏi rằng sự khác biệt giữa loài người và loài khỉ một phần nào có liên lạc với sự khác biệt về nguyên tắc dịch hóa (métabolisme) và tính chất hóa học của tế bào hay không ? Có lẽ trích máu người cho khỉ độc người ta sẽ nhân hóa nó một phần nào.

Một vài trạng thái kích động thần kinh có thể truyền được bằng dịch trấp, ít ra trong khoảng khắc. Về loài nhện, máu và mồ hôi những con mất trí có chứa những chất có thể làm cho con khác mất trí, dẹt lẳng nhặng không thành mạng nhện. Nước tiểu những người buồn

rầu có nhiều chất độc hơn nước tiểu người thường. (Brugia, Mairêt và Bosc).

Sau khi được biết kết quả những cuộc nghiên cứu của ông Georges Dumas về sự vui buồn xét về phương diện tâm linh và hóa học, người ta có thể nghĩ đến sự truyền thụ những trạng thái vui buồn hay mê say.

Hình như người mẹ có thể truyền cho bào thai những chất kích động có ảnh hưởng thay đổi tính nết đứa trẻ trước khi sinh (F. Dolto).

Khoa sinh vật học đang tiến mạnh công cuộc nghiên cứu sự truyền thụ tính tình, sinh lực và trạng thái tâm hồn mới qua bước đầu mà thôi, người ta đợi những khám phá trọng đại hơn.

CÔ-LIÊU

Tài liệu tham khảo : Revue de Paris. Nouvelles littéraires.

Kỳ sau : Con người đứng trước những thực hiện kỳ diệu của sinh vật học.

- ★ Phải biết nhân « cái không thể tránh được », biến thành « cái có thể dùng được » (Talleyrand)
- ★ Kỵ nhau không gì bằng nước với lửa thể mà khéo dùng, đem lửa nấu nước, thì được bao nhiêu công việc. (Phó-tử giả ngôn)
- ★ Người chỉ huy phải có khiêu trực giác, nhưng khiêu trực giác ấy phải được óc thực tế nâng đỡ thì mới tránh khỏi thất bại. Không phải cứ gan dạ, xông bừa vào công việc là thành công ngay, như chính Napoléon đã từng thú nhận có gan dạ thì gánh được mọi việc, nhưng không thành được mọi việc.

« Chử cậ kết giao »

Đời Hậu Hán có Công-Sa-Mục đến học ở nhà Thái-học. Sa-Mục không có gạo ăn, phải giã gạo thuê cho Ngô-Hữu. Ngô-Hữu hỏi chuyện Sa-Mục, biết Sa-Mục là người giỏi mà hiếu học, liền kết làm anh em trong lúc giã gạo. Do đấy có câu : « Chử cậ kết giao », kết giao trong cái chầy, cái cối, có nghĩa là bạn bè giao kết với nhau không kể sang hèn.

Cảm tác lúc lưu đày

CỦA

« Ông-Ích-Khiêm »

« Bách-Khoa » số Xuân ngày 1-2-1959 có đăng bài « Mảnh vá trên vai áo nàng Thơ » trong đó thi sĩ Đông Hồ kể lại bài thơ cảm tác lúc bị lưu đày của Ông-Ích-Khiêm, một võ tướng về cuối triều Tự-Đức. Bài đó thiếu hai câu luận.

Theo truyền tụng ở Huế, thì nguyên văn bài thơ đó như sau :

Mình ốc mang rêu, rửa sạch ai ?
Rung cây nhất khi thể thương hoài !
Mèo quào xuề vách còn chi sức ?
Sứa vượt qua dăng mới gọi tài.
Nhớ kẻ dang roi dong vó ngựa.
Đố ai lấy thúng úp mình voi ?
Xưa nay ếch giếng chê trời nhỏ,
Chim sồ lông ra, mở mắt coi...

Bài thơ trên có cái đặc điểm là toàn bài đều dùng câu tục ngữ như : « Mình ốc mang rêu » « Rung cây nhất khi » « Sứa vượt qua dăng » « Lấy thúng úp mình voi » v. v... Lại câu nào cũng có tên một con thú : ốc, khi, mèo, sứa, ngựa, voi... thật cũng tài tình và có khiếu « khinh thế ngạo vật », nhất là hai câu cuối lại có ý thách thức hai vị phụ chánh đương thời, quyền khuynh thiên hạ là Nguyễn-Văn-Tường và Tôn-Thất-Thuyết.

Nói đến Ông-Ích-Khiêm, một vị tướng văn, võ toàn tài hồi cuối triều Tự-Đức,

người đời còn truyền tụng nhiều giai thoại rất có ý vị, như câu chuyện sau đây :

Một hôm ông Ông-Ích-Khiêm làm thịt cây mời các bạn đồng liêu đến đánh chén. Trước khi cầm đĩa, ông đi khắp bàn tiệc, nhìn các món ăn, rồi hỏi gia nhân : « Món trên này là món gì ? Dĩa dưới kia là vật gì ? » Khi nghe người nhà đáp : « Đều là thịt cây », ông liền nhíu mày bảo lớn : « Ua trên cũng chó, dưới cũng chó cả sao ? »

Tiệc tan, ông gọi quan hầu dâng trà, đợi mãi chẳng thấy ra, ông đứng dậy quát lớn : « Chúng bay là đồ vô dụng, chỉ biết ăn, chứ không lo việc nước non » !

Các bạn đồng liêu nghe đều tím gan, nuốt giận mà về, không biết nói sao.

Ở Huế, dân gian còn truyền tụng câu :

« Nước Nam có bốn Anh Hùng,
Tường gian, Viêm lão, Khiêm hùng,
Thuyết ngu. »

Người thời bấy giờ cho ông Khiêm là « hùng » có lẽ vì cách cư xử khinh thế ngạo vật của ông, nhưng tâm tánh cương trực, không chịu khuất phục kẻ quyền thần, và lòng dũng cảm trong cuộc kháng chiến chống Pháp năm Ất-dậu (1885) đã được mọi người khâm phục.

BINH-GIANG (Phú-lộc)

LÁ THƯ HẢI NGOẠI

★ TRẦN-VĂN-KHE ★

• « LA VOIX HUMAINE » (TIẾNG NGƯỜI)
CA KỊCH MỘT MÀN MỘT NGƯỜI

• TCHERINA, MỘT VŨ KHÚC

ĐÃ LÀM XÔN XAO GIỚI NHẠC KỊCH BA-LÊ



THÁNG vừa qua, giới nhạc kịch Ba-lê, xôn xao vì lần đầu ca kịch « Tiếng người » (La voix humaine) kịch của Jean Cocteau (Jăng Cóc-tô), nhạc của Francis Poulenc (Phờ - răng - xi - xơ Pu - lanh - cơ) được diễn tại rạp Opéra Comique (Hài nhạc kịch) ở Ba-lê, và chương trình vũ khúc của Ludmilla Tchérina (Lút-mi-la Tchê-ri-na) được trình bày tại rạp Sarah Bernard (Xa-ra Béc-na).

Ca kịch « Tiếng người » trước kia chỉ là một vở kịch. Trên sân khấu mênh mông, một nhân vật : một người thiếu phụ bị nhân tình ruồng bỏ, và ống điện thoại. Người đàn ông bạc tình không có trên sân khấu, nhưng khán giả biết là chàng ta ở đâu kia đây nói. Áo choàng khoác lên trên áo ngủ, thiếu phụ nói dối rằng mình vừa đi ăn cơm khách về và chưa lột nón. Chàng ta cũng nói dối là đang ở nhà, nhưng có lẽ đang ở trong hiệu ăn nào đó và bên cạnh biết đâu chẳng có người ý trung nhân mà hôm sau chàng sẽ cưới. Đề buộc chàng nói sự thật, nàng bắt đầu thú rằng mình vừa uống xong chín viên thuốc ngủ. Nàng muốn tự tử. Nhưng chàng lạnh lùng gác ống nói. Nàng

buông điện thoại và trong gian phòng bừa bãi nàng kêu to : « Em yêu anh, em yêu anh, em yêu anh. »

Vở kịch được diễn lần đầu tại rạp Théâtre Français (Té-a-tơ-rơ Phờ-răng-xe) năm 1930 do cô đào Berthe Bovy (Bec-tơ Bô-vi) đóng, khán giả có người bất bình, có người hoan nghinh. Nhưng vở kịch được dịch và diễn trên nhiều sân khấu thế giới. Rossellini quay phim ấy với cô đào La Magnani. Vừa rồi nhạc sĩ Francis Poulenc (Phơ-răng-xi-xơ Pu-lanh-cơ) phổ nhạc vở kịch một màn ấy. Không phải là một việc dễ làm. Nhạc đã không át mất lời mà còn gợi được tất cả những tình cảm của người thiếu phụ, những giai đoạn ngắn ngủi của hạnh phúc đã tàn, như đem lại từ dĩ vãng cái êm đẹp mà nay không còn tìm thấy nữa mà người thiếu phụ nhắc lại cho kẻ bạc tình nghe, nhưng rồi có những khúc nhạc trời lên dữ dội, khúc mắc, như câu trả lời ác độc của người đứng bên kia đầu dây nói. Những giai điệu phù hợp với tâm trạng của người thiếu phụ. Không phải là những bài hát theo lẽ lối cổ điển của đại ca kịch mà

những tiếng than thở, những rung động của tâm hồn nàng đang đau khổ. Nhạc và lời đi đôi với nhau để làm cho thính giả xúc động đến cực độ. Hôm diễn lần đầu tại rạp Scala ở Milan cho báo chí xem, lúc màn hạ không có một tiếng vỗ tay. Mấy nhà phê bình nhạc đều khóc cả. Từ đầu đến cuối vở kịch một màn một nhân vật Denise Duval (Đờ-ni-zơ Đuy-van) một mình trên sân khấu diễn tả qua câu hát và điệu bộ tất cả tâm trạng của mình và cho khán giả thấy được lòng thần nhiên và đoán được câu trả lời của người bạc tình, từ trước đến giờ chưa có một vở ca kịch nào như thế. Georges Prêtre (Jơ-cơ Pờ-rê-tơ-rơ) điều khiển giàn nhạc theo tiếng hát từng ly từng tí. Hai người ấy đem lại cho khán giả những phút cảm động bồi hồi.



Đặc điểm của vũ khúc Tchérina là ngoài yếu tố nhạc và điệu múa cần phải có trong một vũ khúc, lại thêm kịch và họa. Trong một chương trình vũ khúc, vũ nữ hay vũ nam dùng điệu múa theo nhịp nhàng của một bản nhạc để diễn tả một tâm trạng hay một ngoại cảnh. Người kịch sĩ thì phải dùng lời nói. Trong chương trình vũ khúc Tchérina, vai chánh múa và nói lời. Trong nhạc có thêm cả tiếng động thanh bên ngoài như tiếng xe lửa chạy vụt qua, tiếng hơi nước khè ở đầu xe lửa, tiếng máy mau lần khi lấy trớn.

Tiếng động ấy pha với nhạc và phong cảnh trên sân khấu để gợi không khí một nhà ga ngoại ô. Điệu múa, câu lời, giọng nhạc, tiếng động, màu sắc hợp với cảnh thực tế, người « bầu gánh » Ludmilla Tchérina (Lút-mi-la - Tché-ri-na) muốn diễn một buổi « kịch hoàn toàn » (théâtre total). Tchérina là con gái một

ông đại tá trong quân đội Nga hoàng, từ thuở bé đã học múa. Sống và lớn lên trong nước Pháp, Tchérina là một minh tinh màn bạc, vũ nữ minh tinh của rạp Opéra Balê. Nay Tchérina xuất tiền ra để tổ chức một gánh hát, làm « bầu », đóng vai chính, sáng tác nhiều điệu múa mới, vẽ y phục, Tchérina có gan đi ra ngoài lề lối thường của các vũ khúc. Và các báo rất ngợi khen điểm tân kỳ của buổi hát có vũ và kịch :

Nicole Hirsch trong báo « France Soir »

Emile Vuillermoz trong báo « Paris Presse l'Intransigeant »

Claude Baignère trong báo « Le Figaro »

Dinah Maggie — — « Combat »

Jacques Bourgeois — — « Arts ».

François Guillot de Rhodes trong báo « Le Figaro littéraire »

Henri de Carsalade du Pont trong báo « Études ».

Ai cũng nhìn nhận rằng cô đào Tchérina đã đem lại cái gì mới cho kịch trường, khen tài biểu diễn và sắp đặt của cô, khen phong cảnh đẹp, sự dàn cảnh chu đáo và âm nhạc thâm thúy.

Thấy nghệ thuật nước người đi tới một mức rất cao, chúng tôi nhớ lại nước nhà, và lo rằng vốn cổ chưa khai thác, đặc tính dân tộc chưa được đề cao, sự học hỏi hay hấp thụ ảnh hưởng bên ngoài chưa có đường lối, chúng tôi ngại rằng những cặn bã của nghệ thuật Âu Mỹ có thể làm đục nghệ thuật nước Việt, đưa Âm nhạc và Kịch trường nước ta đến một mức thấp kém. Chúng ta cần học hỏi thêm, nhưng không nên quên vốn xưa quý báu và cần biết đâu là chân nghệ thuật.

Hải-Minh TRẦN-VĂN-KHÊ

Về luận án tiến sĩ văn chương Pháp :

« NỀN NHẠC CỒ TRUYỀN VIỆT »

của Trần - Văn - Khê

Nhiều bạn — hoặc trong học giới, văn giới, hoặc là bạn học cũ — có hỏi chúng tôi, hoặc trực tiếp, hoặc bằng thư từ, về bản luận án của bạn Trần - Văn - Khê, nhan « *La musique Vietnamienne traditionnelle* ».

Tự trung, các bạn muốn biết hai điều :

1.) Nội dung luận án.

2.) Muốn có quyền ấy, phải làm sao ?

Chúng tôi xin trả lời chung đề các bạn rõ :

1.— Luận án của bạn Trần-Văn-Khê, được in ronéo tại Paris năm 1958, đóng làm hai tập, 482 trang, nhỏ 28/21. Chúng tôi xin dịch lại mục lục luận án chánh và hai phụ đề để các bạn hiểu rõ nội dung.

2.— Luận án này hiện bạn Khê không còn, nhưng bạn còn « giấy sếp » (stencil) để cho in ronéo lại. Nếu được 50 bạn muốn có luận án này, thì bạn sẽ cho quay lại ; tiền giấy, tiền công, tiền gởi bảo đảm về (đường thủy), luận án độ 500\$.

Vậy, những bạn nào muốn có luận án này, xin gởi thư cho chúng tôi biết ; được con số tối thiểu nói trên, chúng tôi sẽ tin cho bạn Khê hay để bạn trực tiếp với các bạn và tiến hành việc cho in lại tập luận án đầu tiên của một nhạc sĩ Việt nói về nền cổ nhạc Việt.

NGUYỄN-HỮU-NGƯ

160, Phan-Đình-Phùng

Sài Gòn

MỤC LỤC

Luận-án « Nền nhạc cổ-truyền Việt »

Đoạn mở đầu.— Xem qua các bài về nhạc Việt trong sách vở báo chí Đông, Tây.

PHẦN THỨ NHỨT.— Lược sử nhạc cổ truyền Việt.

Chương thứ nhất.— Giai đoạn mù mờ.

Chương thứ nhì.— Từ thế kỷ thứ X đến đầu thế kỷ XV : nhạc Việt cũng chịu hai ảnh hưởng của nhạc Trung-hoa và nhạc Ấn-độ.

Chương thứ ba.— Từ thế kỷ thứ XV đến cuối thế kỷ thứ XVIII : ưu thế của ảnh hưởng nhạc Trung-hoa trong nhạc Việt.

Chương thứ tư.— Từ thế kỷ thứ XVIII đến tiền cận thế giới đại chiến thứ hai : nhạc Việt tìm đường lối riêng và bắt đầu chịu ảnh hưởng nhạc Âu.

PHẦN THỨ NHÌ.— Nhạc khí.

Chương thứ nhất.— Nhạc khí cổ.

Chương thứ nhì.— Nhạc khí thời hay loại kèn sáo (sáo, địch, tiêu, kèn.)

Chương thứ ba.— Nhạc khí dây.

Loại « cithare » : trống quân, độc huyền, đàn tranh, đàn dương cầm.

Loại « luth » : đàn kìm (nguyệt), đàn đoản, đàn xến, đàn tam, đàn đáy, đàn tì bà.

Loại « viêlê » : đồn cò (nhị), đồn gáo.

Chương thứ tư.— Loại trống.

— trống một mặt (đơn diện cồng)

— trống hai mặt thứ nhỏ : tiểu cồng

— trống hai mặt thứ to : đại cồng.

— trống dài : trống cơm.

Chương thứ năm.— Loại phách mõ và chung-la.

Chương thứ sáu.— Nhạc khí Âu dùng để tấu cồng nhạc.

PHẦN THỨ BA.— Vấn đề lý thuyết.

Chương thứ nhất.— Âm thanh : cao độ tuyệt đối.

— Âm thanh : cao độ tương đối.

Chương thứ hai.— Âm giai trong nhạc Việt.

Chương thứ ba.— Các điệu.— Các giọng trong nhạc Việt.

Chương thứ tư.— Các phương pháp ký âm.

Chương thứ năm.— Vài đặc điểm :

— Tiết tấu (rythme).

— Khúc điệu (mélodie).

— Hòa âm và đối âm (harmonie et contrepoint).

— Cảm giác vui buồn trong nhạc Việt cổ truyền.

— Bảng đối chiếu sử Việt với sử nhạc Việt qua các thời đại.

— Nghĩa thông thường của những chữ dùng để đặt tên các « khúc », các « chương » trong lễ nhạc Triều-đình, sắp theo thứ tự A, B, C...

— Bảng tóm tắt về sự tiến hóa của nền nhạc Việt cổ truyền.

— Lời chú của bảng nói trên.

PHẦN THÊM VÀO.— Vài cải chính sau khi đọc bài khảo cứu về nhạc Hoa-Việt và dân ca, của Nguyễn-Đình-Lai.

— Những chữ tắt và dấu hiệu.

— Bảng kê các sách tham khảo.

— Bảng kê các đĩa hát Việt tại Pháp.

— Bảng chữ Hán hay Hán-Việt sắp theo thứ tự A, B, C...

— Bản đồ nước Việt.

— Mục lục.

— Mục lục : Phân tích chi tiết.

HAI PHỤ ĐỀ (I)

I

Không-Tử và âm nhạc

PHẦN THỨ NHỨT.— Không-Tử, nhạc sĩ.

PHẦN THỨ HAI.— Không-Tử, lý thuyết gia về âm nhạc.

Kết luận.— Quan niệm của Không-Tử về âm nhạc và thuyết Trung-dung.

II

Địa vị âm nhạc trong giai cấp bình dân của xã hội Việt

Mở đầu.— Nhắc đến những câu « Xương ca vô loại, Nữ đa cầm tặc dân » và chuyện ông Đào-Duy-Từ không được đi thi vì người cha ngày xưa làm quân đội về nhạc trong cung.

PHẦN THỨ NHỨT.— Nhạc Triều-đình và nhạc bình dân qua các thời đại.

PHẦN THỨ NHỊ.— Địa vị quan trọng của âm nhạc :

— trong công việc

— trong các hội hè

— trong việc cưới xin

— trong việc chữa bệnh

— trong việc tế lễ.

Kết luận.— Địa vị quan trọng.

Âm nhạc không phải theo nguyên tắc nghệ thuật vì nghệ thuật mà nghệ thuật vì nhân sinh : âm nhạc có tác dụng của nó.

(1) Xin chú ý : Hai phụ đề này không có đăng trong luận án chánh.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LÃNG

**Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1 Milliard de Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LÃNG

**Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 105.000.000 PHẬT LÃNG

Assurance France Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

ĐIỂM SÁCH

● CÔ PHƯƠNG-THẢO



NHỮNG kẻ bần
khoăn chờ đợi một
ngọn roi cho con ngựa
Văn Nghệ... gầy còm,
bắt đầu long lanh cặp
mắt. Không hện mà
nên (hay là có hện
mới nên), trong mấy
tháng trời người ta
lần lượt bàn tán

chung quanh cô gái Việt lai Tàu có
chiếc răng khèn, cô Siu của Mạc-Đổ.

Bắt đầu là những tờ nhật báo vốn
sốt sắng và mau lẹ : Tự-do với Hy-
Hoàng, Chuông-Mai với Hồ-Nam, Ngôn-
Luận với Từ-Chung, rồi đến những
tờ tạp chí : Nhân-Loại với Tam-Ích,
Giáo-dục Phổ-thông với Uyên-Thao, Văn-
Hóa Á-Châu với Nguyễn-Nam-Châu.

Những bài phê bình hoặc trước hoặc
sau, hoặc cùng một lượt, hoặc phân tích
về kỹ thuật, hoặc phê phán về nội dung
đã làm cho « Siu Cô-Nương » tưởng như
sớm nhạt má đào bỗng chốc lại rộn ràng...
ong bướm.

Tác phẩm : Siu Cô-Nương

Tác giả : MẠC-ĐỔ

Nhà xuất bản : Quan điểm



Vậy « Siu Cô-Nương » là tác phẩm như
thế nào ? « Siu Cô-Nương » là một cuốn tiểu
thuyết dày 325 trang kể lại sinh hoạt của
một nhóm trí thức gần và trong ngày rộn
ràng kẻ ở người đi, lúc hiệp định Genève
chia đôi đất nước. Câu chuyện lan man
khó lòng mà tóm tắt cho thực gọn ghẽ.
Người ta thấy trên sân khấu ba bộ mặt
chính : Mộ, một chánh trị gia vừa là
một ký giả, Luỹ, một giáo sư « nặng
tình với kịch » và Thái, một luật sư.
Ngoài ra còn Hiền, một người tha thiết
với sân khấu, Đang, một họa sĩ, Tãi,
làm phim, Thln, bác sĩ, Đại, một đồng chí
cũ của Mộ đã nhờ Mộ vận động ra làm
tỉnh trưởng, « rất hách »... Về phụ nữ,
ngoài một vài bà vợ và đôi cô thiếu nữ
thấp thoáng trong bữa ăn, tiệc cưới phải
kể « Siu Cô-Nương », một chiêu đãi viên
ở Vũ-quán Fouquet's, mẹ Việt cha Tàu,
đổ Tú tài, vì tình duyên ép uồng bỏ
nhà ra đi, lấy Tây, một đại úy Pháp
trong quân đội Viễn chinh, đồ đệ trung
thành của Sartre.

Loan, một cô gái đẹp, cô học thức khá,
con nhà gia giáo, vốn là một cán bộ

Cộng-sản đặc lực đã hi sinh tất thân trong trắng cho sĩ quan Pháp để phụng sự Đảng.

Tất cả những con người trí thức ấy làm gì suốt ba trăm trang giấy ? Người ta kéo nhau nhậu nhẹt, đi ăn tiệc cưới, cãi nhau, cầu nhau chửi rửa một mình, hoặc chửi rửa giữa một số bạn hữu, thăm nhau, hôn nhau rồi lại tiếp tục nhậu nhẹt và ít nhiều đều có yêu mến Cô Siu.

Nếu kể những việc hơi tốn công một tí, thì trong tình thế gay go giữa lúc lãnh thổ sắp bị chia đôi, Mộ có vào Sài-gòn, qua Pháp rồi lại trở về Hà-nội. Anh ta đi làm những gì cũng chẳng ai rõ. Chỉ biết anh ta có mua quà Tây về tặng bạn hữu và mua nước hoa Robe d'un soir để tặng cô Siu mà anh đã hôn được hai lần, nghĩa là đã yêu nhau, nhưng cứ ồm ồm, cứ gọi là « việc dăm dớ » nên chẳng đưa dẫn đến đâu. Lũy thì gắng sức tập hợp một số anh em để tổ chức một đêm văn nghệ mục đích là chửi khéo Cộng-sản và cho Cộng-sản biết rằng họ là những người có mặt cho đến phút cuối, trước khi giã từ Hà-nội. Thái thì luôn luôn tìm cách vào tù để thăm Loan, để gỡ tội cho Loan, một đảng viên đã tuân chỉ thị của đảng Cộng-sản bố trí giật mình ở câu lạc bộ sĩ quan không quân và bị đưa ra tòa án binh Pháp. Thái mong rằng : « Có thể tìm thấy trong hồ sơ vài điểm quan hệ để có thể xin điều tra bồi tức và kéo dài vụ án thêm một thời gian, đủ để chàng kiếm cách vào sâu tâm sự một cô gái mà hồi xưa đã có dịp chàng chú ý tới » và bởi vì « gần bốn mươi tuổi đầu, kiếm tìm lặt, kinh nghiệm về phụ nữ của chàng hết sức mỏng manh ». Hiền là người đã từng hoạt động cách mạng và đã « kéo theo vào những hoạt

động của mình hai người em trai. Cả hai cùng gục trên một khe suối vùng Yên-bái do hai viên đạn của Cộng-sản ». Sau khi kể lại cho bạn nghe điều đó, Hiền kết luận : « Không riêng một mình tao đại, tao còn đầy hai thằng em linh lợi hơn tao, đặc lực hơn tao vào một cái chết ngu ngốc ». Lúc đã mắc bệnh lao và có lẽ thất tình, Hiền trốn về chết tại một xó quê hẻo lánh để khỏi phiền đến bạn hữu, cho những người này rảnh tay chống Cộng. Trước khi chết, Hiền còn gắng gượng khuyên bạn vào Nam « làm gì cho ra trò » và lắp bắp nói trong hơi thở cuối cùng : « Tôi... tôi ở lại chống đỡ... Cộng... sản thay cho tất cả... »

Đó là phần của mấy người đàn ông. Còn về đàn bà thì Loan, trong việc trao trả tù binh, trở về vùng Việt-minh lại tìm cách trở ra Hà-nội để gặp Thái, nhưng Thái đã có vợ, có con — nên Loan « không đời nào lại nghĩ đến việc làm vắn đục cuộc đời của Thái » chỉ xin « anh hôn em chỉ một lần thôi, cho em giữ mãi mãi cảm tưởng đã là của anh rồi » và ở lại Hà-nội. Còn Siu Cô-Nương, sau một đêm kịch trò hết tài năng diễn xuất khiến cho « những nhân viên chạy việc tại rạp, vốn chán chê với những cảnh giả tạo trên sân khấu, lần này cũng phải ngây người mà nghe, » sau khi đã cố gắng gằn « hựt hơi » như thế chỉ vì Mộ, lại không thấy Mộ lưu ý đến mình, không chịu bàn tính dứt khoát việc duyên nợ, nên Siu tìm Wồ, « nhẩy bỏ vào ôm lấy Wồ, » một « đại đoàn trưởng phụ trách hệ thống tình báo của Hồng-quân Trung-hoa tại Việt-Nam » cải dạng hoạt động ở Hà-nội.

Câu chuyện Siu Cô-Nương đại khái là thế.

Màn cuối là ba nhân vật Mộ, Lũy, Phái trên con đường di cư vào Nam. Cả ba lại nhậu nhẹt « *coi như tạm xong một chặng đường từ hôm qua* » và « *xét ra có quyền say liên miên.* » Câu nói vào phút chót của họ là một sự kiểm điểm. Cả ba đồng thấy rằng ra đi, họ phải mất mát. « *Mất hai con đĩ và một cái xác chết.* »



Tôi không có hân hạnh được đọc qua những bài phê bình trên các nhật báo, nhưng được hiểu biết gián tiếp quan điểm phê bình của các ông Hi-Hoàng, Từ-Chung và Hồ-Nam qua bài của ông Uyên-Thao. Về những bài nói về Siu Cô-Nương trong các tạp chí Nhân-L loại, Giáo Dục Phổ Thông và Văn hóa Á-châu cùng xuất hiện vào dịp tháng tư này, tôi đã được dịp đọc đến.

Ông Nguyễn-Nam-Châu chỉ nói về Siu Cô-Nương rất ít, nhưng đã bày tỏ những nhận xét cụ thể và dứt khoát. Ông Tam-Ích chỉ phân tích về phần *Kỹ-thuật sáng tác tiểu thuyết* và cố tránh nội dung. Tách rời hình thức ra khỏi nội dung là sự cưỡng ép, ai cũng nhận thấy. Và người nhận thấy trước tiên, phải là ông Tam-Ích. Ông bảo « *Khen hay chê Siu Cô-Nương là tùy ở chủ quan mỗi người* » y như người ta thường nói « *chín người mười ý* » và như thế, phê bình văn nghệ chỉ là công việc của cá tính, của năng khiếu mà thôi. Ông còn nói thêm : « *Ai muốn phê bình Siu Cô-Nương làm sao thì phê bình...* Tôi tuy không cùng tư tưởng với các bạn nhóm Quan-điểm nhưng cũng không đề cập đến. » Sự thanh minh đến thế, xét ra, cũng quá

đầy đủ. Ông Tam-Ích không định phê bình tác phẩm của Mặc-Đỗ bao giờ. Một hôm, bắt gặp Cô Siu lượn lơ trước mặt, ông thấy đó là cái cớ tốt để xác nhận lại một thái độ sống « *hiện hữu* » của mình. Chỉ có bấy nhiêu.

Ông Uyên-Thao đưa ra khá nhiều ý kiến và những ý kiến này đã làm người đọc ngạc nhiên không ít.

Ông vạch khuyết điểm của ông Hy-Hoàng, cho rằng ông này « *phê bình văn nghệ dưới con mắt có lập trường và với quan niệm xây dựng lý thuyết suông* ». Ông lại chỉ trích ông Hồ-Nam, cho « *Hồ-Nam không phải là một nhà phê bình* » và nghe ông Từ Chung bảo rằng Mặc-Đỗ là người can đảm, ông cho rằng « *Từ-Chung chưa nhìn rõ thế nào là con người văn nghệ.* »

Như vậy, ông Uyên-Thao mới thực là một nhà phê bình văn nghệ và mới nhìn rõ được con người văn nghệ.

Đây là ý kiến của ông : « *Con người văn nghệ chỉ là một nhân chứng trước phiên tòa lịch sử mà quan tòa, nguyên cáo là những thế hệ nối tiếp nhau* ». Nhà văn, theo ông « *không phải là kẻ tố cáo thời đại* ». Ông lại : « *không muốn nhà văn là người phải có một lập trường* »; nhưng lại lập tức viết thêm : « *ngoài lập trường nhân bản* ». Đọc câu cuối này người ta bắt đầu nhận thấy ông Uyên-Thao còn là một nhà khôi hài.

Vấn đề nhà văn là nhân chứng mà ông Uyên-Thao đã nêu ra đề bênh vực cho Mặc-Đỗ, có những điểm giống với nhà văn là cái máy ảnh mà ông Tam-Ích đã đề cập đến trong bài phê bình nhưng không bày tỏ một thái độ rõ rệt. Ngày nay

còn đặt lên thắm trở lại những vấn đề này e rằng sẽ làm cho nhiều người bức bối. Từ lâu, nó đã được giải quyết trên phương diện lý thuyết cũng như trên phương diện thực tế của con người văn nghệ trước bao nhiêu biến động lịch sử vừa qua.

Một chiếc máy ảnh, dù là tự động, cũng phải cần đến một sự sắp đặt thông minh. Có bao giờ người ta chụp ảnh mà không lựa chọn đối tượng, mà không tính độ xa gần? Cho đến những loại máy đơn giản cho trẻ con như loại Box, Photax... nếu không biết dùng thì vẫn không thu được một cái hình nào. Stendhal đã từng bảo rằng « một cuốn tiểu thuyết là một cái gương di chơi trên đường cái ». Nhưng khi cái gương đã biết di chơi, đâu còn là một cái gương nữa?

Ông Uyên-Thao cũng đã nói đến điềm này khi bảo rằng bức ảnh của Mặc-Đỗ « còn mang khá nhiều sắc thái chủ quan của con người nghệ sĩ ». Thực ra, làm sao mà không « còn mang » cho được? Hơn nữa, con người đâu phải là cái máy ảnh đơn giản, nhất là con người ấy là một văn nghệ sĩ vốn phức tạp hơn đa số người thường? Cho rằng văn nghệ sĩ như chiếc máy ảnh, nếu không phải là thiếu hẳn « cách vật trí tri » thì cũng là một sự phủ nhận, một cách tự dối mà thôi.

Nhưng nếu nhà văn là một nhân chứng thì phải làm nhân chứng như thế nào? Một nhân chứng phải nói cho được sự thực, phải có trách nhiệm về lời nói của mình. Lịch sử có cần những loại nhân chứng gặp đâu nói đó, bạ gì khai nấy hay không? Lịch sử đâu có thiết tha đến

những nhân chứng xuyên tạc sự thực, tô điềm vẽ vờ sự thực theo như ý thích của mình? Hay là phiên tòa của lịch sử cần phải đem xử luôn những hạng nhân chứng như vậy?

Ông Uyên-Thao cho rằng người văn nghệ « Sống là quan sát cuộc sống, những điều nhận được họ đem trình bày cho mọi người cùng thấy. Và như thế là đủ rồi. Nhưng sống như thế nào, quan sát ra sao, trình bày cho mọi người cùng thấy để làm gì mới là những vấn đề chính yếu đòi hỏi đến cái thiên chức của văn nghệ sĩ. Nếu bảo cứ nói ra là đủ rồi, không nhắm mục đích nào khác thì thực chẳng khác nào mình kêu lên rồi tự bịt tai lại mà tuyên bố rằng mình không hề nói năng gì hết, trong cuộc sống có một nháy mắt, một nụ cười nào mà không nhắm một tác dụng nào chẳng?

Cho nên mặc dù lúc ban đầu ông Uyên-Thao cho rằng Mặc-Đỗ chỉ « Phân tích tâm trạng của những con người lãnh đạo xã hội — những người tiểu tư sản trí thức trong giai đoạn lịch sử vừa qua. Tất cả chỉ có thế » nhưng rồi cuộc ở đoạn sau ông cũng thừa nhận rằng « Mặc-Đỗ đã dám soi gương và giúp bạn đồng hành soi gương ». Rồi vì « mặt mình có sẹo, cái sẹo rất lớn, không vì thế mà che mặt đi. Phải dám nhìn vào gương để biết nó thế nào, để nếu có thể, sẽ đi tới một nơi sửa sắc đẹp ». Bây giờ thì Mặc-Đỗ đã đi tìm sẹo. Mặc-Đỗ có thấy sẹo của mình và có ý định đi vào mỹ viện hay không ta sẽ tìm hiểu sau đây. Nhưng nói rằng Mặc-Đỗ « dám soi gương », ông Uyên-Thao đã cho rằng Mặc-Đỗ là người... can đảm. Người ta bỗng hốt hoảng nhớ rằng khi Từ-Chung

nói về Mặc-Đỗ như vậy thì ông đã cho rằng Từ-Chung không hiểu gì hết về con người văn nghệ !

Những điểm mâu thuẫn về căn bản khá nhiều trong lập luận của ông Uyên Thao khiến nhiều khi người đọc không rõ ông định nói gì. Nhưng mâu thuẫn có thể là vì... đáng tri. Và có thể cho qua.

Hãy xét đến một trường hợp mà ông Uyên-Thao có vẻ tỉnh táo hơn cả. Đó là khi ông ca ngợi Mặc-Đỗ là con người thành thật và vì ông « *quí những con người thành thật* », ông « *rất vui lòng được gặp Siu Cô-Nương.* » Thực là cảm động. Nhưng Mặc-Đỗ quả có thành thật hay không ? Và thành thật như thế nào ? Tôi yêu người vợ của bạn tôi và tôi tuyên bố lớn lên điều ấy có phải là tôi thành thật hay không ? Và tôi sẽ được những người như ông Uyên-Thao yêu quý ? Hay tôi nên dẹp cái tư tưởng xấu xa ấy đi và nín thinh miệng lại hay chỉ nên nói rất khẽ cho một người bạn — cố nhiên là người bạn chưa có vợ — cùng nghe ? Tôi tưởng rằng cái ví dụ này vẫn còn quá nhẹ đối với tác phẩm của Mặc-Đỗ.

Người ta không thể quan niệm mơ hồ về sự chân thành như thế. Đành rằng chân thực là tiêu chuẩn cao nhất của văn nghệ và giá trị của tác phẩm căn bản là do sự chân thực quyết định, nhưng như thế đâu có nghĩa là bạ gì nói nấy, gặp gì khai nấy, lẫn lộn danh từ hỗn loạn với khái niệm Tự Do cao quý ?

Nhà văn là con người nhưng phải là con người có ý thức. Trong khi con người còn như kiếp sư-thân lết nặng cái mình thú tính ở trên mặt cát và cố vươn cái đầu nhân tính lên cao, nhà văn nên giúp cho

con người đứng thẳng hẳn dậy với cái cốt đáng con người. Giữa lúc ta đòi hỏi em ta nói năng phải lựa lời và tránh gây giận đối với xóm giềng vì một lời nói động chạm thì lẽ nào ta dành cho nhà văn, những người tự nhận là có ý thức hơn hết, cái quyền được nói bậy bạ một cách ngang nhiên và muốn mọi người phải ca ngợi điều ấy ?

Đã từ lâu rồi, miếng đất văn nghệ vẫn còn là miếng đất cao quý. Miếng đất ấy không phải là chỗ lẩn trốn, là chỗ dụng võ của những con người vô trách nhiệm.

Chính ông Uyên-Thao không muốn nhà văn có một lập trường, nhưng lại bắt nhà văn cần có một lập trường nhân bản kia mà. Vậy lập trường nhân bản là gì ? Nếu ông chịu khó phân tích, chắc ông cũng thấy rõ rằng trên ý thức con người quốc gia hiện nay, lập trường nhân bản là lập trường chống Cộng. Rút cục chỉ là một sự chơi chữ dễ từ chối những điều mà mình không có can đảm thừa nhận.



Nhà văn khi trình bày sự việc lên giấy là đã nhận thức sự việc ấy theo đầu não của mình. Và dù muốn dù không cũng đã có một mục đích, cũng nhằm một tác dụng, mặc dù họ cả tiếng nói rằng họ không có thái độ gì hết. Không kể những kẻ giả dối, phần đông những người chân thành phát biểu như thế là do chưa tự hiểu một cách đầy đủ, mặc dù họ làm văn nghệ. Và những sáng tác phẩm của họ là những thực thể mà ta có thể phân tích, tìm hiểu một cách khách quan như ta nhìn một kẻ đang khóc hoặc đang cười và biết rằng họ cười hay

khóc — chứ không thề « vo tròn bóp méo một cách vô lý » như ông Uyên-Thao đã lo ngại và hoặc tùy theo cái « thứ kính vũ trụ nhân sinh quan riêng » như ông Tam-ích đã dặn dò.

Cũng bởi nhận định như vậy mà người ta bắt chập cả sự thực. Bấy lâu nay hiện tượng phê bình chủ quan rất phổ biến và đọc những bài phê bình vào loại ấy người ta chỉ thấy các nhà phê bình mượn tác phẩm làm cái cớ để tự phát huy mình, để nói lên tâm sự của mình hay những kiến thức mà mình ky cốp thu thập qua các tủ sách. Do tính cách bắt chập thực trạng ấy mà một thi sĩ đã phủ nhận tính chất chống đối trong bài Tôn phu nhân quy Thục của Phan-Văn-Trị, một giáo sư, khi nói về cái ghen của Hoạn-Thư, đã cho rằng chính gia đình Hoạn-Thư bắt mụ Quản gia dặn Kiều là « Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi », và không còn biết bao nhiêu hiện tượng như vậy nữa mà người khác đã nói đến và chúng tôi mong được dịp trình bày trong một bài gần đây.

Tôi thành thật thừa rằng tôi không dám cho là có bản lĩnh hay sáng suốt hơn các vị này khi tôi phát biểu như thế. Trong lúc người ta hăng hái tự bênh vực hay bênh vực cho người khác, người ta dễ sinh chủ quan, và kẻ đứng ngoài có thể nhìn thấy điều ấy.

Trong *Siu Cô-Nương*, lối nhận định chủ quan đã đưa đến nhiều tương phản rất đậm đà. Thiết tưởng nếu không chịu thống nhất trên một chỗ đứng thì người ta có thể khen hay chê tác phẩm tùy ý, nhưng trước tiên phải nhìn nhận tác phẩm ấy nói gì, nói như thế nào, nói để làm

gì, vốn là bao nhiêu sự kiện thực tế ai cũng có thể nhìn thấy như nhau nếu không lăm lăm với thứ tự do suy nghĩ lan man mà tác phẩm chỉ là cái cớ.

Vậy trong « *Siu Cô-Nương* », Mặc-Đỗ đã can đảm phơi bày ra ánh sáng một đồng rác, đã ca tụng tội lỗi, đã trình bày những điều mình thấy (?), đã soi gương tìm sọ mà sửa sắc đẹp hay đã làm... gì mặc kệ ta không cần phải nói đến ?

Sự thực, Mặc-Đỗ đâu có tán tụng những lối sống lạc lõng trong tác phẩm và đâu có mặt sát những sinh hoạt trái mùa ấy ? Thái độ lừng khừng của tác giả khiến một số lầm tưởng là tác giả... khách quan (?) nhận xét sự vật. Thực ra, tác giả chưa biết phải nói như thế nào giữa cái phân vân của một con người vừa biết việc làm của mình là xấu xa vừa không có can đảm để dứt bỏ nó, vì nó quá tha thiết, quá ăn sâu vào căn tạng của mình. Suốt tác phẩm, ta bắt gặp lý tính của các nhân vật tác giả quá mờ nhạt và yếu đuối không thể tự đánh giá được hành động của mình cho rõ ràng. Bởi vì họ sống trong một cảnh sống biệt lập, tách rời khỏi sinh hoạt chung của xã hội, trong một không khí đồng lõa của những người tự mệnh là sáng suốt, lãnh đạo xã hội, nhưng thực ra không rõ mình phải lãnh đạo như thế nào và tự khoác vào mình một cái vô trí thức « hào hoa phong nhã » xa cách nhân dân, quên hẳn cái cơm ăn áo mặc mà nhân dân đã cung cấp cho mình, loại trí thức mà ông Phạm-Hoàng đã từng nêu ra trong mục « Thắc mắc » trong tạp chí *Bách-khoa* số 54 bằng những nét bút đơn giản nhưng vô cùng sâu sắc, xác đáng.

Ai đã đọc *Siu Cô-Nương* đều thấy rõ điều này trong ba nhân vật chính yếu. Cả ba đều là những nhân vật tự cho là Chống Cọng, là những phần tử ở trong cơ quan đầu não — Trung-Ương đảng bộ —, lãnh đạo chính trị, lãnh đạo văn nghệ, nhưng không thấy họ quan niệm cái gì cho rõ ràng. Về văn nghệ, thì họ là những tay « từng trải » cả, ấy thế mà khi tổ chức một đêm kịch cuối cùng, họ cãi qua cãi lại mãi suýt gây sự với nhau, rồi phải nhờ « lối lảng chuyện khéo léo » của Đàng đề chấm dứt buổi họp tuy « chưa đi đến đâu nhưng kéo dài mãi thêm cũng vô ích ». Tất cả những thắc mắc ấy tóm lại chỉ vì một mặt thì họ muốn « những vở mình sẽ đem trình diễn cũng phải chứa đựng một cái gì tỏ ra rằng bọn anh em mình có suy tư », nhưng một mặt họ sợ không có khán giả đến xem và không... có tiền. Tóm lại, họ cần tiền của khán giả, nhưng cứ muốn làm văn nghệ để thỏa thích ý riêng của mình.

Về chính trị, thì nhiều lần ngồi giữa đám anh em mà Mộ phải lãnh đạo, « Mộ bất giác thấy lạnh trên gáy và tự hỏi : Ta sẽ đưa họ đi đâu », vì thực ra Mộ « cũng chẳng căn cứ được vào một yếu tố cụ thể nào ». Không biết làm gì và không biết dựa vào ai mà vẫn cứ lãnh đạo thì thực là giết người ! Họ không có quần chúng, bởi vì họ không thấy quần chúng, và quần chúng sợ họ, sợ những người « đáng đi dong đưa giữa nắng, bước rảo coi bộ giữa đời có một mình ta », những người « cầu nhau chửi rửa một mình », những người « tợp một ngụm rượu, lia mắt bưng bưng, sẵn sàng muốn gây chuyện ». Những người coi việc nhậu nhẹt ngang với Ái tình và ngang với Tò quốc.

Về phương diện Ái tình thì trong khi giới thiệu luật sư Thái, chúng ta đã rõ như thế nào rồi. Anh chàng này yêu một Cán bộ Cọng-sản thuộc loại đặc lực nhất và đến khi đi sâu vào vấn đề mới từ chối mối tình ấy, không phải vì anh ta vốn là chiến sĩ chống Cọng, mà chỉ vì mới sức nhớ đã có vợ và « sắp có đứa con thứ hai ».

Chỉ bấy nhiêu cũng đủ nói rõ cái bản chất lý tính trong những nhân vật của Mặc-Đỗ. Họ không bao giờ tình tảo, trừ khi nhậu nhẹt. Và nếu bảo rằng Mặc-Đỗ đã tự vẽ mình và đồng đội qua tác phẩm *Siu Cô-Nương* thì ta càng rõ thái độ của ông trong khi trình bày sự việc là thế nào.

Nếu cần phải minh chứng thêm, chúng ta có thể xét đến một ít điểm căn bản của tác phẩm.

Trước hết, hãy nói về *Cô Siu*. Ý kiến của ông Tam - Ích và ông Uyên-Thao về nhân vật này thực là trái ngược. Ông Tam-Ích cho rằng Mặc-Đỗ đem cô Siu vào truyện « làm cái cớ để cho những nhân vật khác lưu động trên sân khấu một cách mềm dẻo, một vai phụ... » trong khi ông Uyên-Thao cho rằng Siu là vai chính và « cái tựa *Siu Cô-Nương* đã nói lên gần hết ý của tác giả »...

Thực ra, không có cái gì rõ ràng cả. Nói chính hay phụ thực là suy luận chủ quan. Nhưng *Siu Cô-Nương* là người thế nào ? Siu đã tỏ ra là người chống Cọng, đã nhiệt thành với những con người quốc gia cho đến phút cuối, ấy thế mà chỉ vì thái độ dăm dờ của Mộ về phương diện Ái-tình mà nhảy sà vào lòng một cán bộ Trung-Cọng cao cấp và ở lại Hà-nội.

Siu Cô-Nương, mà Lũy, Mộ, Thái đều gọi là con dĩ, được đề lên làm đầu đề của tác phẩm và được ông Uyên-Thao cho rằng Mặc-Đỗ « *về Siu chỉ là tự về mình và đồng đội của mình* » vậy. Thế ra con dĩ ấy cũng tiêu biểu được cho khá nhiều người. Và con người chỉ không thỏa mãn bản năng đã « *nhảy bỏ* » vào ôm lấy cộng sản một cách say mê điên cuồng, con người ấy là linh hồn của tác phẩm Mặc-Đỗ? Đến nhân vật Loan, một con dĩ thứ hai, theo tên gọi trong tác phẩm, mới thực là hồ đồ. Loan đã từ bỏ hàng ngũ Cộng sản để yêu Thái, vậy mà Thái gọi rằng con dĩ, chính cái con dĩ này Thái vừa hôn và « *tin rằng chưa hôn ai tha thiết và đắng cay hơn* » thế.

Uyên-Thao cho rằng về hai chữ con dĩ « *Mặc-Đỗ đã hạ được một câu văn giá trị cũng như đã tìm được hai tiếng đích đáng.* » Tôi nghĩ rằng câu phê bình này hãy dành cho Cộng sản. Bởi vì, chỉ có Cộng sản mới mắng Loan là « *con dĩ* » mà thôi, vì Loan đã rời bỏ hàng ngũ họ để yêu Thái. Tóm lại cái giá trị và đích đáng của Mặc-Đỗ là thế. Nghĩa là người ta không rõ người ta đang muốn nói gì. Thế ra văn nghệ là một thứ nói làm nhảm của kẻ nhậu nhẹt và tùy sự thông minh của con người đọc mà phát triển theo ý mình cho đến vô cùng, và gọi thế là tự do phong phú hay sao?

Và người ta chép miệng khen câu « Hai con dĩ và một cái xác chết » mà người ta không thấy xót xa sao? Ở đây không có thành kiến về lập trường. Tôi chưa từng hân hạnh được biết ông Mặc-Đỗ và tôi cũng chưa hề làm chính trị để có một định kiến về tư-tưởng con người. Trong khi cố

gắng tìm hiểu một chừng nào sự thực, tôi chỉ ở trong những kẻ dò đường. Nhưng đọc đến câu cuối cùng này, tôi thấy trong người rộn lên một phản uất, nổi phản uất khi thấy giá trị con người bị khinh miệt. Nếu phải đứng trên lập trường nhân bản của ông Uyên-Thao thì tôi nói rằng câu « *Mất hai con dĩ và một xác chết* » là câu nói tàn nhẫn, vô nhân đạo đến cái mức mà một người có lương trí bậc thường không ai nghe đến mà không bất bình. Bởi vì họ đã nhân tâm gọi hai con dĩ những người mà họ đã quăn quýt, đã ôm hôn tha thiết, đã tạo nên sự thành công cho họ (Siu Cô-Nương trong đêm kịch) và họ đẩy cho Cộng-sản. Họ đã nhân tâm gọi là xác chết kẻ bạn hữu chí tình của họ, người đã từng chiến đấu với họ, người đã ho lao rồi trốn về một nơi vắng vẻ để chết cho khỏi phiền rộn đến họ.

Nhà văn trước hết là con người. Vậy thì cái chất người tối thiểu ở đâu? Và làm gì có cái con người trừu tượng? Nhà văn phải ở một xã hội nào và phải nói lên tiếng nói của xã hội ấy. Vậy đó là tiếng nói của xã hội ta sao? Chắc là ông Mặc-Đỗ đã lầm rồi. Và ông Uyên-Thao cũng đã lầm nốt khi cho rằng « *tác phẩm Mặc-Đỗ pha tính chất tượng trưng và điển hình* ». Khi nghe ông Uyên-Thao bảo rằng « *Mặc-Đỗ đang muốn thoát cái lối nhân chứng của người văn nghệ để tiến tới cái lối triết gia* » thì người đọc thấy rằng ông Uyên-Thao quả thực có một lối nói khôi hài rất khó hiểu.

Có người sẽ bấu môi bảo rằng tôi đã đem con mắt luân lý, chính trị để nhìn văn nghệ. Trước hết tôi xin phép nghĩ

rằng nhà văn không có phù phép gì mà thoát được luân lý và chính trị của thời đại mình. Sau đó, tôi cho rằng nhà văn đâu phải là lớp người khiếp sợ luân lý và chính trị đến thế ? Cuối cùng tôi tưởng rằng luân lý, chính trị, văn nghệ nếu phát triển đến độ sâu xa vẫn gặp nhau như thường. Hình thức khác nhau nhưng nguyên lý là một. Và Không-Tử vẫn có thể gọi là nghệ sĩ theo nghĩa cao quý nhất của danh từ, và Nguyễn-Du vẫn có thể là nhà luân lý theo nhận định đúng đắn nhất về tác phẩm.

Cho nên qua nội dung « Siu Cô-Nương » Mặc-Đỗ chưa hề có một cái nhìn nào rõ ràng về mình và về sự việc chung quanh.

Điều này ông Tam-Ích có nhận xét rất xác đáng trong đoạn cuối bài phê bình của ông đăng ở tạp chí Nhân-Loại nhưng ông đã cố gắng nói đến khuyết điểm một cách rất nhẹ nhàng mặc dù đây là một khuyết điểm căn bản. Mặc-Đỗ chỉ nhìn thấy nhân vật và động tác mà quên hẳn bối cảnh. Sự thực, không có bối cảnh thì không có sự hoạt động của con người và tính chất hoạt động của con người do bối cảnh quyết định một phần rất lớn. Không thể có những con người tự hoạt động giữa khoảng trống không, và cũng không thể quan niệm ép uổng một sự diễn tả trái ngược với thực tế là động tác và ngôn ngữ sẽ gọi ra bối cảnh được.

Điều này xác nhận thêm một lần nữa rằng Mặc-Đỗ không nhìn thấy ai hết, trừ những con người đồng đội của mình. Do đó, tác giả không tìm được mối liên hệ giữa nhân vật của mình đối với chung quanh. Và vì vậy nhân vật của tác giả loạng

choạng, mập mờ, hoạt động thiếu hẳn ý thức, không tiêu biểu được gì hết, cả cho tầng lớp của họ.

Điều lầm lỗi lớn của Mặc-Đỗ là đưa ba cái hình ảnh lạc lõng, lẻ nhè để thay mặt cho cuộc di cư. Bởi vì cuộc di cư không chỉ có thế. Đó là một sự nghiệp vĩ đại mà mọi người quốc gia đều phải nhìn thấy, mà cả thế giới tự do đều đã thừa nhận. Nếu trong cuộc di cư có những phần tử như Mộ, Thái, Lúy hay dễ hơn nữa thì cũng chỉ là những hình ảnh phụ thuộc không cần nói đến. Sự thực là cuộc di cư đã góp phần xây dựng nên chế độ Cộng hòa ngày nay, điều đó chứng tỏ rằng cuộc di cư không chỉ là những kẻ lẻ nhè, không có ý thức rõ rệt về việc mình làm. Trong khu rừng rậm, đáng lẽ phải nhìn thấy những cây sồi to lớn thì Mặc-Đỗ chỉ thấy những bụi gai lúp xúp. Và như thế, nhà văn làm nhân chứng chỗ nào ? Trước lịch sử, nhà văn là kẻ tự cho có ý thức hơn người, sẽ khai báo gì đây ?

Tất cả sự việc ấy được kể bằng một lối văn dăm dẩn, nhiều khi cộc lốc như một thứ giọng kịch của những nhân vật có vẻ bất đắc dĩ phải nói, nhưng lại muốn nói dài. Trong lời văn « Siu Cô-Nương » luôn luôn người đọc bắt gặp sự gượng gạo của một con người làm dáng, một con người lập dị, nhưng lại hiểu rằng sự lập dị không phải là một tính tốt, nếu không nói là nó làm thấp tư cách của mình đi. Giọng điệu này cho độc giả cảm thấy rất rõ vẻ kiêu cách của một con người có mặc cảm về sự nghèo nàn nội dung của mình, và nhiều người nôn nóng phải từ chối tác phẩm qua mười trang đầu.

Tóm lại, trong cuối bài phê bình, ông Uyên-Thao cho rằng « *Cô Siu và Cô Loan có thể khiến cho người đọc tương tư* ». Thú thật, chúng tôi không yêu nổi hai cô này. Nhưng ông sẽ bảo yêu thương là tùy bụng mỗi người. Vậy xin hỏi một điềm rất nhỏ : « Ông tương tư cô Loan là vì cô ấy chạy đi tìm Thái để kiếm một cái hôn cuối cùng rồi ở lại với Cọng-sản, hay là vì cô Loan vốn là cô gái đẹp, con nhà gia giáo, đã được tác giả giới thiệu từ đầu như một trang anh hùng hy sinh cho Đảng ? »

Phê phán giá trị « *Siu Cô-Nương* », ông Tam-Ích có viết : « ... » « *Đọc Siu Cô-Nương, người ta có ấn tượng như đã*

đọc một cuốn tiểu thuyết Anh, Mỹ gần thành công ». Thoạt nghe, người ta tưởng đó là một lời khen chân thành. Nhưng tôi thấy rằng đó là một sự phủ nhận hết sức thấm thía.

Trong những người tôi được quen biết đã đọc « *Siu Cô-Nương* », một số đã bỏ cuộc từ mấy trang đầu, một số cố gắng đọc đến trang cuối tỏ vẻ bất mãn nhiều hơn để bù lại công sức hao phí của mình. Và hầu hết đều bảo rằng Mặc-Đỗ đã thất bại. Thất bại trong vấn đề sáng tác vì thất bại trong quan niệm sống.

CÔ PHƯƠNG-THẢO

- ★ Vì chăm lo hoạt động để thực hiện một công cuộc, người ta nhiều khi quên lửng một việc tối cần là việc duyệt lại nguồn gốc, tinh thần, huyền lý và tương lai của công cuộc. Lúc lẫn mình vào việc thì rất hăng hái, hăm hở, nhưng rồi việc đến tới tấp, biến mình thành một cái máy làm việc tự động. Do đấy, một vị quốc trưởng hoặc một nhà công nghiệp khôn ngoan thường triệu tập ở bên một tốp người tư tưởng, chuyên lo việc duyệt lại công cuộc, để công cuộc tiến triển thích ứng với hoàn cảnh và phù hợp tinh thần của công cuộc. (Bussy — Robin).

« Đại thụ tướng công »

Theo Hán sử, đời Quang-Võ, có vị tướng công tên gọi Phùng-Dĩ. Mỗi khi thắng trận trở về, các tướng tá đều xúm nhau lại tranh công, duy có Phùng-Dĩ thản nhiên ngồi tránh dưới một gốc cây lớn, không thêm kể lại công trạng của mình bao giờ. Người đời quý trọng đức vô tư của Phùng-Dĩ, gọi Phùng-Dĩ là « Đại thụ tướng công », tướng công ngồi dưới gốc cây lớn.

• TRIỀU-ĐẦU

ÔNG THẾ-PHONG vừa cho ra một loạt phê bình văn học. Riêng về những nhà văn sau 1945. Đó là điều ai nấy đều mong đợi, bởi vì sau thời gian đó, chưa có người tiếp tay Vũ-Ngọc-Phan chốc đà dang dăng 15 năm trời — đúng một thời luân lạc của cô Kiều. Ông Thế-Phong đã có thiện chí làm công việc tiếp tay Vũ-Ngọc-Phan, mặc dầu giữa thời đại đáng lẽ tiến bộ về mọi phương diện này, ông đã không được may mắn có những phương diện ấn loát và trình bày như Vũ-Ngọc-Phan. Lỗi đó nhất định không phải hoàn toàn ở ông rồi. A ha ! Thời cuộc.

Công việc làm của ông Thế-Phong tuy đáng khen và khuyến khích, song xin thú thực đã không làm cho tôi thỏa mãn. Bởi vì riêng tôi, tôi vẫn chủ trương rằng nhà phê bình văn học phải như một nhà giải phẫu và ngọn bút phê bình phải như con dao chuyên môn khiến được độc giả hiểu rõ một tác giả dưới mọi khía cạnh. Thí dụ : Giữa thời mà quốc dân đồng bào ông đã coi Voltaire như một vị á-thánh văn nghệ, Emile Faguet đã hạ bút phê bình thẳng thắn và xác thực chê Voltaire có óc con buôn và kém hẳn J J. Rousseau về cốt cách hồn nhiên và chân thành. Tâm lý con người vốn ảnh hưởng

Tác phẩm «Kẽm Trống»

của Trúc-Sĩ

tới sự nghiệp, những tác phẩm quá duy lý thường khó vượt được thời gian.

Cũng vì không đi sâu được vào tâm lý các nhà văn, ông Thế-Phong đã có những sự ngộ nhận đáng tiếc. Thí dụ : ông đã cho Trúc-Sĩ « đạo » văn, từ cốt truyện đến lời văn của Nhất-Linh và Khái-Hưng. Nhưng câu truyện « Sao y chính bản », hay « Trích lục » trong văn nghệ, nếu có, đã không thể mang tính cách tội tiêu hình, nếu chúng ta nhận thấy « Người biền lận » của Molière chỉ là xào xáo lại tác phẩm « Lọ Vàng » của Plaute. Điều cần thiết là việc xào xáo đó có nghệ thuật hay vụng về.

Song ở đây, nhất định là không có « đạo » theo những lý do trình bày dưới đây. Cũng nên nói trước rằng, riêng Trúc-Sĩ đã không có ý định cải chính hay điều chỉnh bởi vì ông tin ở diêm thiêng liêng của cái gì gọi là « sự thật », và cái gì đã là « sự thật » thì dù có bị ngộ nhận, sẽ chỉ là câu chuyện nhất thời và rồi người thức giả sẽ hiểu rõ đâu là sự thực. Nhưng tôi thấy có bốn phạm phải nói về ông Thế-Phong rõ sự nhầm lẫn của ông, bởi lẽ nhà văn cũng như nhà phê bình đều chung một lý tưởng phụng sự Chân-Thiện-Mỹ.

a) Kẽm-Trống, như Trúc-Sĩ đã nêu rõ, chỉ là một tiểu thuyết ký sự, xây dựng trên những sự kiện lịch sử địa phương, nghĩa là được truyền tụng trong nhân dân quán địa phương đó.

b) Vậy thì rất có thể, sự kiện đó đã là xuất sứ 10 năm về trước cho cốt truyện của Nhất Linh, Khái-Hưng dưới một đầu đề « Báo thù chồng ». Cùng một xuất xứ thì tất nhiên những chi tiết, những tác động rất có thể trùng nhau. Ở hai truyện « Kẽm-Trống » và « Báo thù chồng », tuy vậy cũng chỉ có một chỗ giống là dùng mưu bắt thủ phạm viết sớ để lấy bút tích thú tội, đưa ra nhà cầm quyền, để bắt thủ phạm. Có vậy thôi, còn nguyên nhân câu truyện, tình tiết biến chuyển và động tác đều khác hết. Sao lại có thể cho là cùng một bố cục được ?

c) Ai đã từng quen Trúc-Sĩ, đều rõ Trúc-Sĩ đã từng là cán bộ tư pháp, đã đích thân điều tra và xét xử vụ giết người ở Đoan-vĩ năm 1946 này. Và công lý đã trừng trị bọn sát nhân.

Ông Thế-Phong cho rằng Trúc-Sĩ đã muốn đánh lạc dư luận về vụ đạo văn này nên đã thêm một đoạn ở sau truyện nêu tội ác của lũ người mới tại Đoan-vĩ. Nhưng, chúng ta cần biết:

d) Kẽm-Trống là một ký sự, nhưng cũng là một tiểu thuyết, vì vậy yếu tố nghệ thuật vẫn là thường tình. Việc đặt song song hai tình trạng Đoan-vĩ, trước và sau 1945 chỉ là nghệ thuật cấu tạo truyện.

TRIỀU - ĐẦU

★ Người chỉ huy không bao giờ nên đoạn tuyệt hẳn với quá khứ. Khi cầm giương mỗi công việc, người chỉ huy không nên xô đổ tất cả, nhất là không nên cho người ta có cái cảm giác mình muốn đổi thay chỉ vì ưa thích đổi thay.

« Di sơn »

Ngày xưa có vị lão trượng tên gọi Ngu-Công già gần 90 tuổi. Nhân có hai trái núi Thái-hành và Vương-ốc trở ngại đường đi, ông định san bằng. Nhiều người nghe nói, cười ông đã già mà còn tính việc ngàn năm. Ông nói : « Ta chết thì có con ta, con ta chết thì có cháu ta, cháu ta chết thì có chắt ta, cái núi vẫn thế mà người cứ tiếp tục phá mãi thì sao không dời nổi ». Tích « di sơn », dời núi, chỉ có chi thì không có việc gì là không làm nổi.

Gửi đời một quan niệm « Đẹp »

Đẹp làm sao những bàn tay !
Cử động theo guồng nhân loại
Nhận máu nguồn tim bác ái
Tin, vui hoạt động tháng ngày.



Có những bàn tay thôn nữ
Mùa về, nhỏ mọn dưới trăng
Êm dịu câu hò tình tự
Trăng ngời sóng mạ lân tân



Có những bàn tay cháy nắng
Tình thương gửi luống cày thơm
Mồ hôi giọt dài giọt vắn
Đất lành hò hẹn áo cơm



Có những bàn tay thon nhỏ
Tập đồ, tập viết hôm mai
Nét bút dăng về đây đó
Điểm tô núi biếc, sông dài

Có những bàn tay lao động
Bận cù sắt, thép, tro, than
Sinh lực tổ màu cuộc sống
Mai chiều búa thét vang vang



Có những bàn tay rắn rỏi
Đáp lời Đất Nước vàng son
Ôm súng giữ mùa hoa mới
Cho giang san Việt trường tồn



Có những bàn tay nắn bết
Mạch đời chảy giữa nguồn thơ
Đốt cháy con người thừa trước :
« U sầu, điên loạn, say, mơ... »



Yếu là yếu những bàn tay
Chỉ biết làm theo lẽ phải
Chỉ biết vì tình nhân loại
Sẵn sàng xây dựng ngày mai.

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Bách-khoa đã nhận được :

Công cuộc truyền giáo của Alexan-
dre de Rhodes tại Việt-Nam (*Ngô-
Cường*). Hồn Yên-báy (*Thái-Huyền*).
Đôi mắt (*Mỹ-Hoàng*). Những vấn đề
của họ (*Nguyễn-Vĩnh-Thông*). Hình
ảnh (*Lan-Đình*). Nức nở ; gọi nhau
(*Hải-Phương*). Sống (*Cao-Hoài-
Hương*). Gửi các anh ; Quê cũ
(*Trần-Vân-Đại*). Trai Thế hệ ; Nhớ
Huế (*Hương-Nhân*). Tắt nắng,
Xuân qua (*Nguyễn L.K.*).

Ô. Thái-Huyền (*Vĩnh-long*). Đã nhận
được thư ông. Trân trọng cảm ơn
ông đã góp ý kiến với chúng tôi
về cách đóng, bắt đầu từ số này,
nhà in đã mua được máy đóng mới,
chắc chắn báo sẽ không bị long
ra nữa. Nhà văn Bình-Nguyễn-Lộc

vẫn cộng tác thường xuyên với
chúng tôi, tất nhiên nếu có truyện
ngắn truyện dài nào ông Bình-
Nguyễn-Lộc ưng ý, ông sẽ gửi cho
chúng tôi.

Ô. Lê-Nguyên-Hồng (*Long-thành*). Đã
nhận được thư và hai bài thơ của
ông. Sẽ đăng những bài thơ hay
thuộc bất cứ loại gì. Mong đợi
những sáng tác khác của ông.

Ô. Nguyễn-Tương-Như : Xin ông cho
biết rõ tên thực và địa chỉ hiện
tại để chúng tôi tiện gửi báo biểu,
nhuận bút và nhất là chúng tôi có
nhận được nhiều thắc mắc về bài
« Thống nhất Thoại » nên muốn
trao đổi ý kiến với ông.



Trân trọng cảm ơn các bạn.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Bách-khoa vừa nhận được :

- **Toán đồ dẫn giải** (Lớp nhất tiếp
liên — Luyện thi tiểu học và vào
đệ thất, do Ông Lê-Đình-Huyền,
hiệu trưởng trường tiểu học di
chuyển Võ-Tánh Gia-định do nhà
sách Yên-Sơn phát hành và gửi
tặng sách dày 230 trang giá 38\$.
- **« Văn quốc ngữ phổ thông »** của Trần-
Văn-Minh do nhà sách Yên Sơn
phát hành và gửi tặng. Giá bán 14\$.
- **« Nghị luận luân lý »** (*Đệ ngũ và Đệ
lục*) do Ông Tạ-Văn-Ru giáo sư
trường Nguyễn-Trãi soạn. Sách dày
170 trang gồm nhiều đề và bài mẫu
cho các học sinh Trung học đệ
Nhất cấp. Giá bán 45\$.
- **« Văn hóa nguyệt san »** loại mới, số
38 (tháng 1-2 năm 1959 — ra ngày
10, 20, 30 mỗi tháng.
- **« Chiến sĩ cộng hòa »** số 1 phát hành
ngày 10-4-59 khổ lớn do Trung tá
Nguyễn-Văn-Châu làm chủ nhiệm và
Thiếu tá Phạm-Xuân-Ninh chủ bút.

— **« Luyện thi đệ thất »** của Hoàng-Minh-
Đức gồm các phần về Luận, Toán
đồ, câu hỏi thường thức do nhà in
Nam Sơn 36 Nguyễn An-Ninh xuất
bản và gửi tặng. Sách dày 135
trang giá 20\$.

— **« Giáo khoa trung học »** tập san tập I
gồm những bài luyện thi Trung học
đệ nhất cấp do một nhóm giáo sư
biên soạn, do nhà Thanh Quang
xuất bản và gửi tặng. Sách dày
64 trang, giá 10\$.

— **« Trăm hoa đua nở trên đất Bắc »** của
Mặt trận bảo vệ Tự do Văn hóa.
Sách dày 318 trang giá 50\$.

— **« Ba người ngự lâm pháo thủ »** tập 3
truyện của Alexandre Dumas, do
Liên-Phong dịch, do nhà xuất bản
Tân Văn gửi tặng. Sách in khổ nhỏ,
bia màu, giá bán 4\$.



— **Bách-Khoa** xin trân trọng cảm ơn
các tác giả, nhà xuất bản và ân
cần giới thiệu cùng đọc giả.

TIẾNG ĐỊA PHƯƠNG

BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í

Sau bài « Thú chơi sách » đăng trong số « Tân niên », anh bạn Vương-Hồng-Sên có « xin góp vào bản « danh từ địa phương » của chúng tôi hai tiếng « sắp nóc » ».

Chúng tôi chưa kịp cho vào mục « Danh từ địa phương miền Nam » và tỏ bày ý kiến riêng, thì một bạn đồng nghiệp quen biết từ lâu với một trong hai chúng tôi có gửi đến một bài, trước là « góp mấy ý » về hai tiếng « sắp nóc », sau là « góp một ý » về hai tiếng « câu dâm ».

Vậy đề bạn đọc dễ bề theo dõi câu chuyện, chúng tôi xin chép lại đây « những ý nghĩ nông nổi » của ông đương kim giám thủ Bảo tàng viện nước Việt.

« Nên nói : « sắp nóc », hay « xấp nóc », hoặc « xóc nóc » ? »

« Dựa theo tự điển Huỳnh-Tĩnh-Cửa, thì nói « sắp nóc » là đúng.

« Sắp nóc » : sắp ngói, lá, làm ra cái nóc nhà. (Tự điển Huỳnh-Tĩnh-Cửa).

« Nhưng theo chỗ tôi biết, tại xứ tôi ở, Sóc-trăng, nhà lá mới cất mới lợp lần đầu, ít ai nói « sắp nóc ». Hai chữ « sắp nóc »,

hoặc « xấp nóc », hoặc « xóc nóc » riêng đề dùng khi nào nhà lợp cũ rồi, — có chịu đựng một vài mùa mưa, — nay vì muốn tiết kiệm, muốn o bế lại xài đỡ nóc ấy thêm một mùa nữa đề kiểm thêm tiền, chạy thêm vốn, năm sau sẽ lợp mới lại hết một lần, nên nay, « sắp nóc », hoặc « xấp nóc » hay « xóc nóc » nó lại, tức là thay đi một ít lá cũ đã mục nát, chỗ nào dột nhiều, chỗ nào hở thừa quá, mưa sa nắng tấp, thì chèn, thì kèm lá mới thêm vào, nhưng làm gì thì làm cũng phải « sắp nóc » cái lớp lá trên gần đòn dông cho thiệt khít khao, đồn những lá cũ cho thiệt kỹ, đoạn chèn thêm một lớp lá mới bề xấp đôi cho thiệt dày, có thể mới khỏi lo mái dột. Việc làm như vậy đó, nay gọi « sắp nóc », hay « xấp nóc », hay « xóc nóc » ?

.
— nói « sắp nóc », có nghĩa là sắp ngói, lá, làm ra cái nóc nhà (Huỳnh-Tĩnh-Cửa).

— nói « xấp nóc », có nghĩa là xếp lại, nhập lại, xếp nóc lại...

— nói « xóc nóc », có nghĩa như xóc tiền kẽm, tiền điều thời xưa, xỏ dây cột

lại thành xâu, hoặc như mấy chục năm về trước, xóc bạc đồng gói thành từ náng, từ cây cho dễ đếm, như xóc bài, v.v...

Đến như câu: « đánh nó mười bảy roi, sắp nóc thêm một roi cho chẵn một chục rưỡi, mười lăm roi, thì nghe vừa gọn vừa linh động vô cùng. Sắp nóc một roi, nghe bắt nhớ đến ông quan thời xưa, ban bố roi vọt cho dân đen, làm đoan làm phước giùm chúng, giúp thêm một hèo cho thẳng dân được « ăm cái bàn tọa », không khác nào chị bán hàng rong thêm một cái bánh hay một trái cây cho trẻ con nó mừng, — cử chỉ của cha mẹ dân thuở ấy, thật là tử tế quá chừng ! »

Đến đây, chúng tôi xin đề anh giáo sư Nguyễn-Hóa tiếp chuyện với anh giám thủ Hồng-Sền họ Vương.

« Trong phần chú thích, bài « Thứ chơi sách » đăng trong tạp chí « Bách-khoa », số 51, của nhà khảo cứu Vương Hồng-Sền có chỗ tôi lấy làm ngờ mà không đồng ý. Ấy là chỗ Vương quân giải cái nghĩa của chữ « Sắp nóc » và chuyện chung quanh chữ ấy trong phần chú thích bài trên. Nay tôi xin mạo muội góp mấy ý sau này về chỗ ấy.

« Theo tôi, cái thích nghĩa của Huỳnh-Tĩnh-Cửa là đúng lắm: « Sắp nóc » = sắp ngói, lá làm ra cái nóc nhà.

« Có điều Huỳnh-Tĩnh-Cửa dùng chữ làm ra hơi khó hiểu. Nếu ta thay chữ làm ra bằng mấy chữ: « mà lợp cái nóc nhà » thì rõ nghĩa lắm rồi.

« Sắp nóc là công việc cuối cùng của việc lợp mái nhà. Nhà ta, xưa, thường làm bốn mái, hai mái xếp và hai mái chính. Nơi hai mái chính

ấy giao nhau, chính là nơi đặt cây đòn dông, gọi là nóc. Lợp nhà, không cứ lợp lá hay lợp ngói, bao giờ cũng phải lợp từ lợp thấp nhất gọi là chân mà lợp dần lên nóc đỉnh. Như thế tức là khi nào thợ lợp đã lợp xong tất cả các mái, chỉ còn lại cái nóc thì bấy giờ mới đem tranh, hay ngói mà sắp vào nhau để lợp cá nóc. Nóc khó lợp hơn mái vì là chỗ hai mái giao nhau, nên khó cột lạt (nếu lợp tranh), khó tô hồ và sắp ngói (nếu lợp ngói) và vì khó, nên nếu không khéo tay và thạo công việc là dễ dột. Bởi lẽ đó chỉ những người từng thạo việc lợp nhà hay thợ nề khá mới làm việc sắp nóc. Khi đã sắp nóc xong rồi, ấy là đã lợp xong nhà.

« Công việc nói trên chỉ có thể gọi là « sắp nóc » chứ không thể gọi là « xấp nóc », hay « xóc nóc », được, vì lẽ ba tiếng, mỗi tiếng đều có nghĩa khác nhau.

« Tôi nghĩ tiếng « sắp » có nghĩa là đem đặt đồ vật, bày đồ vật theo ý mình muốn, sao cho thứ tự, gọn gàng, trông cho dễ coi, đẹp mắt;

« Còn tiếng « xấp » có nghĩa là nhập lại, chập lại, xếp lại, thu gọn lại.

« Đến như « xóc » thì có nghĩa là xáo trộn ra. Rồi mới xấp lại thành mớ, thành nóc — nói đây có nghĩa là một mớ, một nhóm được xếp gọn gàng, chứ không phải nóc nhà. (Khi đóng tập vở ta thường phải « xóc » giấy cho bằng nhau).

« Vì nghĩ thế nên tôi tưởng phải hiểu tiếng « xấp nóc » là góp nhiều vật vốn rời rạc làm thành mớ, thành nóc;

và « xóc nóc » là xáo trộn ra rồi mới xấp lại thành mới, thành nóc hay xấp lại những thứ vốn đã rất xốn trộn như tiền diếu, tiền kẽm để thành đồng không được xỏ dây).

« Việc sửa lại hay « thay đi một ít lá cũ đã mục nát... » mà Vương quân hiểu là « sắp nóc » thì việc ấy, người ta gọi là « Cự ». Còn nếu vá chỗ dột ở mái thì người ta gọi là « dọi ».

« Nói tóm lại về tiếng « sắp nóc » thì sắp nóc tức là đem tranh, ngói mà lợp cái chỗ nóc nhà, cái đỉnh (cao nhất) của mái nhà.

« Có hiểu « sắp nóc » như trên mới thấy được hết cái hay mỉa mai, chua cay, ngạo nghễ của câu nói của viên tri huyện kia : « nó làm thơ mười bảy chữ, đem nó ra mà đánh mười bảy roi... « sắp nóc » thêm một roi là mười tám roi cho biết chừng bỏ thói kiêu ngạo. »

« Đánh lần roi cuối cùng mà nói là « sắp nóc », ấy là một cách nói vừa tế nhị, vừa chua cay, vừa ngạo nghễ, vừa hài hước. Cách nói của người Việt ta đây, (các bạn ạ !).

« Phàm hề phạt đánh đòn ai, người ta không quất roi vào chỗ nào khác, chỉ cứ cái mông dít mà quất, chính là cái chỗ thịt nhô nhô lên ấy, num num nghiêng như cái mái ấy ! Và bao nhiêu lần roi cứ hấn vết trên khắp cái mông, nào vết dọc, nào vết ngang, thôi thì cũng khắp trên mông, thật không sót một chỗ nào ! Như thế thì roi có khác chỉ là tranh, là ngói mà được kéo lợp trên cả cái mái nhà là mông dít không ? Đánh lần roi cuối cùng tức cũng như làm việc cuối cùng của việc lợp nhà, nên mới

nói « sắp nóc » một roi ! Lời nói ngạo nghễ... biết bao ! Cái giọng hài hước lại nhuộm chua cay, lại nhuộm ngạo nghễ trong sự trả thù hả hê của viên quan huyện nọ khi phạt cái anh học trò điên kia, hiểu cho sâu ra, thấy còn hay mà nực cười lắm. Nhưng xin thôi, không dám viết dài dòng ra vì ra ngoài tiếng « sắp nóc ».

« Vương quân nói :

« ... Sắp nóc một roi, nghe bắt nhớ đến ông quan thời xưa, ban bố roi vọt cho dân đen, làm oan làm phước giùm chúng, giúp thêm một hèo cho thằng dân được « ăm cái bàn tọa »... »

« Vương quân suy diễn dài dòng đấy, nhưng tôi e không rõ, vì ở sự suy diễn ấy, người đọc phải hiểu « sắp nóc » còn có nghĩa rộng là ban cho, thí cho.

« Nhưng thật ra không thể hiểu « sắp nóc » có nghĩa ấy được.

« Nay xin có mấy lời lăm lăm cùng Vương-Hồng-Sên tiên sinh. »

Được đọc những dòng bàn góp trên đây, chúng tôi thấy có bốn phần gởi đến tác giả « Chơi chim » và « Chơi sách », trước khi cho chúng ra mắt bạn đọc « Bách - Khoa ». Anh bạn đã hai thứ tóc họ Vương có hỏi chúng tôi anh bạn Nguyễn-Hóa người ở đâu và mong được gặp anh bạn này.

Chúng tôi có cho anh hay Ng. H. vốn người miền Trung, tỉnh Quảng-ngãi, nhưng đặc biệt là anh quê ở cửa Mĩ-á, thuộc huyện Đức-phổ, dân vùng này hay theo đường biển vào Nam buôn bán hay đánh cá, nên đã nhập tịch khá nhiều thổ ngữ xứ Đồng-nai.

Chẳng biết hơn 2 tháng nay, hai anh bạn ấy, một già một trẻ, đã có dịp gặp nhau đề cùng « sắp nóc » câu chuyện « sắp nóc » này chưa ?

Trong khi chờ đợi, xin mời các bạn nghe anh Nguyễn-Hóa bàn thêm về « câu dằm ».

« Tiện viết mục tôi cũng xin góp một ý cho rõ về chữ « câu dằm » trong mục « danh từ địa phương » của hai ông Bình-Nguyên-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í.

« Trước hết xin bàn cùng hai ông rằng chữ « câu dằm » mà đề trong mục « danh từ địa phương » thì ép uồng cái cục vuông vào cái lỗ tròn của hai ông quá dó. Tại sao ? Thật ra tiếng « câu dằm » được nói ở khắp Nam, Trung, Bắc, chứ có riêng một miền nào nói dằm mà ta gọi là « địa phương ». (1)

« Tôi xin góp thêm vào lời giải nghĩa của ông Quan-Thị-Châu.

« Tiếng « Câu dằm » có lẽ nó không phải một tính từ dằm mà là một trạng từ dằm. Ví dụ : « Hàng bán câu dằm ».

« Còn « câu dằm » nghĩa là gì thì tôi hiểu như sau :

« Đi câu cá có hai lối :

« — Nếu người đánh câu dành nhiều thì giờ cho việc đi đánh câu, thì tất nhiên tay người đánh câu luôn luôn nắm cần câu, chờ cho cá cắn thì giật. Cách câu này không gọi là câu dằm (tuy rằng lưới câu vẫn dằm trong nước), mà chỉ gọi suông là « câu ».

« Có những người đánh câu mà vừa đánh câu vừa làm công việc khác, hoặc đánh câu ban đêm mà vẫn được ngủ thì người ấy lại « câu dằm ».

« Câu dằm là câu làm sao ?

« Người câu dằm, đáng lẽ tay nắm cần câu mà chờ cá cắn thì bắt lấy mà bủa câu khác như người đi câu, lại không làm thế mà chọn một chỗ trên bờ sông, hồ mà cắm cần câu, (vào đầu hôm chẳng hạn) và bỏ đi đề hoặc làm việc khác, hoặc ngủ, rồi (mờ mờ sáng) lại đi nhổ cần câu lên. Như vậy, nếu có con cá nào mắc vào lưới câu ngay sau khi bủa câu, cũng chờ đến lúc nhổ cần, người đi câu mới bắt lấy cá ấy.

« Vậy, ta nên giải nghĩa chữ « câu dằm » là ngâm lâu chứ không có nghĩa « lai rai nhưng có vẻ trang trọng và buồn buồn » được.

« Những ngày câu dằm » của N. T. trong « Chiếc lư đồng mắt cua » là những ngày ở lâu tại một chỗ, ở đến bao giờ ra đi cũng được, không có gì hối thúc phải ra đi.

« Còn như « hàng bán câu dằm » là hàng bán không đắt khách, không có nhiều người mua ngay, mà hàng cứ đề « ngâm » đó, lâu lâu lại có một người mua.

« Xin góp mấy ý ấy cùng ông Quan-Thị-Châu và cùng hai ông Bình-Nguyên-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í. »

22-II-59

Hào-Nguyên NGUYỄN-HÓA

(1) Nhưng ông bạn quên rằng mỗi miền lại hiểu một cách hơi khác nhau (Bình-Nguyên-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í).

Danh từ địa phương miền Nam

Bình-Nguyễn-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í sưu tầm và định nghĩa

(Soạn giả giữ bản quyền, nhưng các nhà làm từ điển được trích tự do, khỏi phải hỏi)

XII

Một bạn đọc ở Trung-Việt tỏ ý muốn thấy chúng tôi định nghĩa danh từ bình dân *ba-xi-đế* mà các báo hằng ngày ở Sài Gòn thường dùng. Xin thử phân tách danh từ ấy.

Ba-xi-đế (*Danh từ ghép*) Rượu trắng do hăng cất rượu Đông dương (*Distilleries de l'Indochine*), chỉ ngành Bình-tây, chế tạo, được gọi là *rượu công-xi* Công-xi là công-ti, đọc theo giọng Quảng-đông. Rượu công-xi là đối thủ với rượu lậu, cũng kêu là rượu đế. Nhưng lắm khi hai thứ rượu này lại dùng chung trong một bữa nhậu, thành ra có *xi*, lại có cả *đế*. *Xi-đế* là rượu trắng cả hai loại. Còn *ba* là tiếp đầu ngữ, chúng tôi đã định nghĩa rồi ở bài thứ XI.

Công-xi heo (*Danh từ ghép*) Lò heo công cộng do Chánh-phủ cất lên và cho đầu thầu để lấy hoa chi.

Xi (*Động từ*) Ngày xưa, động từ nguyên tiếng là *Xi-kên* = nickeler.

Về sau này người ta bỏ mất tiếng *kên* và tiếng *xi* để chỉ việc *Galvanoplastie*, tức là tất cả những việc bọc một khối kim khí bằng một lớp kim khí khác.

Xi (*Động từ*). Chỉ việc cho trẻ thơ tiều hoặc đại tiện, khuyến khích chúng bằng tiếng « xi i... » kéo dài ra ở miệng.

Xi bé tiều đi em !

Chó xi (*Danh từ*). Một thứ chó ngoại lai, nhỏ con và có vấ.

Xi (*Danh từ*). Tiếng Hậu-giang, đầu tiên chỉ thú ve bầu đựng xá xí. Ngày nay danh từ này được nói rộng nghĩa và chỉ bất kỳ thứ chai nhỏ nào cỡ 1 lít.

4

Nhỏ ơi ! đi mua một xi rượu coi !

Ăn lấy trái (*thành ngữ*). Nói trẻ con ăn tham quá sức.

Bao (*động từ*). Đãi bạn, hay bà con những thú vui nho nhỏ (mời và chịu tốn phí).

Tôi bao chị đi xi-nê hôm nay.

Bao (*động từ*). Thuê cho một mình mình, hay cho gia quyến hoặc bán hữu mình thôi, cả một chuyến xe hay một chuyến đò.

Tết này, tôi bao lô-ca-xông về quê để tránh đi xe đò bực bội và hiềm nghèo.

Bao (*trạng từ*). Luôn luôn đi với tiếng bán, có nghĩa là bảo đảm. Trạng từ này rất thông dụng ở Bình-dương.

Ai đến vườn sầu-riêng tôi, tôi bán bao cho.

Xào (*động từ*). Chỉ nghe nói ở Bình-dương thôi, và có nghĩa hết như tiếng *bao* thứ nhì, tức là thuê trọn chuyến xe, chuyến đò.

Có giang (động từ). Biển thề bình dân của *quá giang*. Nhưng không cứ gì sang sông mới nói có giang. Có giang là đi nhờ xe của người khác thuê.

Ông cho tôi có giang đi Nhà-bè với.

Cọp (động từ). Chúng tôi không biết nguồn gốc ; có nghĩa là hưởng không cái gì của người khác : một buổi hát, một chuyến xe.

Cọp xe của bác hoạt, khó coi quá ! Tiếng « cọp » lại chỉ rộng những người đi coi hát... cọp (biến thành danh từ, tiếng cọp có nghĩa xấu.)

Ông chủ rạp hát X. ở Y. méo mặt vì nạn « cọp ».

Cổ (danh từ). Tất cả những chỗ ngồi trên một chiếc xe đưa hành khách.

Đi Củ-chi, bao cổ, bao nhiêu ?

Lung (trạng từ). Nhiều.

Tôi thương cha tôi lung lắm.

Trong nhiều làng, *lung* lại biến dạng thành *hung*.

Trạng từ này, từ mấy mươi năm nay, người ở các thành phố và cả người ở thôn quê mà tiến bộ về mức sống vật chất đều không dùng nữa.

Té ra (thành ngữ). Thì ra.

Té ra em, mà anh tưởng là ai !

Ví (Động từ) I Đuôi bắt.

Có khách đến thình lình, mà khồ là vườn rộng, rào thưa, khó ví gà quá.

II Đựng các thứ lúa, thóc, đậu, trong một cái ví tre hay mây, khoanh lại thành như cái chuồng.

Ví dẫu ví dẫu ví dẫu

Ví ba hột nếp để lâu nấu chè.

(Ca dao miền Nam)

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

và

NGUYỄN-NGU-Í

★ Ít có châm ngôn đúng được về mọi phương diện. (Vauvenargue)

★ Trong chiến tranh, không có gì là tuyệt đối cả. (Napoléon)

Hột cát của Pascal

Trong tập « Tư tưởng » của nhà đại tư tưởng Pascal, có đoạn nói về danh tướng Anh-cát-lợi Cromwell chết vì mắc hột sạn ở trong ống dẫn nước tiểu, đại ý như sau : « Nếu không có một hột cát bé nhỏ nằm trong ống dẫn nước tiểu của Cromwell thì Cromwell đã huy diệt được Giáo-hội, truất phế được hoàng gia, và đưa họ nhà y lên như một ngọn trào ». Hột cát của Pascal (Le grain de sable de Pascal) trở nên một thành ngữ ngộ nghĩnh ám chỉ kết quả của những công trình lớn lao nhiều khi sụp đổ vì những nguyên nhân rất nhỏ mọn.

Hãng METRO GOLDWYN MAYER tại Việt-Nam đồng thời cũng là đại diện phân phối những sản phẩm của hãng 20 th Fox và R. K. O. hân hạnh giới thiệu với quý vị những phim đặc sắc sau đây :

LE BAL DES MAUDITS

Cinemascope, parlant français, s/t
Vietnamiens

LE CONQUERANT

Cinemascope, Technicolor
Parlant Français, s/t V. N.

LA DERNIERE TORPILLE

Cinemascope, Metrocolor
Parlant Français, s/t V. N.

BRAVADOS

Cinemascope, Couleur de Luxe
Parlant Français, s/t V. N.

LE VOYAGE

Parlant Français, s/t V. N.
Metrocolor

Marlon Brando, Montgomery Clift

Dean Martin, Hope Lange, May Britt
Barbara Rush

John Wayne, Susan Hayward
Pedro Armendariz

Glenn Ford, Ernest Borgnine Diane
Brewster

Gregory Peck, Joan Collins,
Stephen Boyd

Yul Brynner, Deborah Kerr



Gipsy

một loại xe hai đít mới nhất
và đặc biệt nhất của Hãng

AUSTIN

Nhún rất êm, dầu cho đường hết sức xấu ! Có hai loại máy :

— chạy bằng essence, giá phỏng định mỗi chiếc : 136.000\$.

— chạy bằng diesel, » » » » : 156.000\$.

Quý ngài muốn cần biết thêm chi tiết và đặt mua loại xe này,
xin do nơi :

SOCIETE DES GARAGES CHARNER

131-133, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Đ. T. 20.423 — 22.531 — 21.124

Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam.

Đồng hồ Mỹ **TIMEX**

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KỸ - NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG TY
176, Hai Bà Trưng — Sài Gòn

Adresse Tél.
LOSSEIC

SOCIÉTÉ D'EXPLOITATION INDUSTRIELLE COMMERCIALE

« SAIGON — GARAGE »

Angle des Bds Nguyễn-Huê et Lê-Lôi — SAIGON

Tél N°
20.603

Agents exclusifs :

Voitures et Camions

SIMCA

STUDEBAKER

Motos et Scooters

BIANCHI

RUMI

DEPARTEMENT FROID

Installation

Réparations

Air-Conditionneur

OLIVER (U. S. A.)

Tracteurs forestiers

Tracteurs agricoles

Bulldozers

Groupes électrogènes

Groupes marins

Moteurs hors-bord

Atelier de réparations

Station Service

Pièces détachées d'origine

Pneumatiques «MICHELIN»

Moteurs marins

Groupes électrogènes

ĐI Ý-ĐẠI-LỢI

Quý vị nên du hành bằng tàu « LLOYD TRIESTINO »

Mỗi tháng đều có một chuyến đi...

LLOYD TRIESTINO

AGENZIA DI SAIGON

L'Agente :

Sté d'Exploitation Industrielle Commerciale

TỪ ĐIỂN Y NGỮ

VIỆT-NAM

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

(khởi đầu từ B. K số 39)

A

adeniform.

- (N) — Tuyến trạng. — Tuyến dạng.
- (V) — Giống như hạch. — Hình hạch.

adénine.

- (T) — Tuyến phiếu linh. (?)
- (N) — Phiên âm.
- (V) — Chất a-dê-nin.

adénite. (adenitis.)

- (T) — Tuyến viêm.
- (N) — Tuyến viêm.
- (V) — Viêm hạch.
— Tuyến viêm.

adénite cervicale.

- (N) — Cảnh bộ lâm ba tiết viêm.
(cảnh, cồ.)
- (V) — Viêm hạch cồ.
— Chứng sưng hạch cồ.

adénite mésentérique aiguë.

Chứng sưng hạch màng ruột.

adénite scléreuse.

- (N) — Tuyến ngạnh hóa.
(ngạnh, cứng).
- (V) — Chứng hạch hóa cứng.

adénite sudoripare.

- (ở chữ *sudare*, chảy mồ hôi.)
- xem chữ *abcès tubéreux*.

adénite tarsienne.

- (ở chữ *tarsé*, chỉ một bộ phận trong mí mắt.)
- (N) — Kiểm bản tuyến viêm. (Kiểm, mí mắt.)
- (V) — Chứng sưng hạch sụn mí.
(*tarse*, sụn mí).

adénisation. (adenization, adenisatio).

- (T) — Tuyến dạng biến tính.
- (N) — Phiên âm.
- (V) — Sự biến thành hạch.

adéno, aden.

Tiếp đầu ngữ đề chỉ về hạch, về tuyến.

adeno-acanthoma.

- (T) — Tuyến cước bì lưu. (cước, gai ; lưu, cái bướu.)
 (N) — Tuyến cước tế bào chủng.
 (V) — Bệnh bướu hạch. (xem chữ acanthome.)

adeno-adamantoblastome.

- (T) — Tuyến tính thành du tế bào lưu. (du, men đồ sứ.)
 (V) — Chứng sưng tế bào men có hạch.

adeno-angiosarcoma.

- (T) — Tuyến huyết quản nhực lưu. (nhực, thịt; huyết quản, mạch máu.)
 (N) — Tuyến huyết quản nhực chủng.
 (V) — Sác-côm huyết hạch. (xem chữ angiosarcome và sarcome.)

adenoblast.

- (N) — Tuyến tế bào.
 — Tuyến nha tế bào. (nha, cái mầm.)
 (V) — Tế bào hạch.

adenocancer. (adeno-carcinome.)

- (T) — Tuyến nham.
 (N) — Tuyến nham.
 — Ấc tính tuyến chủng.
 (V) — Tuyến nham.

adenocancroid.

xem chữ adeno-acanthoma.

adenocèle.

- (T) — Tuyến nang chủng. (nang, cái túi.)
 (N) — Tuyến nang chủng.
 (V) — Chứng sưng túi hạch. (tumeur kystique ganglionnaire.)

adenocellulitis.

- (T) — Tuyến phong oa chức viêm. (phong, con ong ; oa, cái tổ.)
 (V) — Chứng viêm của hạch và kết chức (tissu conjonctif) chung quanh hạch.

adenochirapsology (adénochirapsologie)
 (chirapso, ở chữ Hi Lạp *Kheiros*, bàn tay.)

Tên một cuốn sách do một thầy thuốc nước Anh, tên là Browne, xuất bản năm 1684 bàn về một phong tục cho rằng các vua bên Anh đời xưa, có uy lực chữa khỏi những người bị bệnh loại tràng nhạc (scrofules, écrouelles, vên, vên...) bằng cách chỉ cần đặt tay lên người những bệnh nhân ấy là đủ.

adenochondrome (chondrome, ở chữ Hi Lạp *Khondros*, nghĩa là sụn.)

- (T) — Tuyến nhuyễn cốt lưu (nhuyễn, mềm.)
 (N) — Tuyến nhuyễn cốt chủng.
 (V) — Chứng sưng sụn hạch. (Bướu sụn ở cạnh một hạch, chondrome au niveau d'une glande).

adénoculture : Cách gieo một chất nuôi bằng một ít nước trích ở một hạch lạnh phơ. (Ensemencement d'un milieu de culture avec une petite quantité de suc de ganglion lymphatique. Bác-sĩ Nguyễn-Văn-Ái trong cuốn Vi-Trùng học, quyền thứ Nhất, đã dịch *Ensemencer* là gieo mầm và *Milieu de culture* là môi giới thể hoặc môi trường.)

adenocyst ; xem chữ adenocystoma.

adenocystoma. (adénocystome.)

- (V) — Chứng sưng túi hạch. (cùng nghĩa với chữ adénocèle.) xem chữ Cystadénome.

adenocyte.

(T) — Tuyến tế bào.

(N) — Thành thực tuyến phân tiết tế bào.

(tiết, rỉ ra.)

(V) — Tế bào hạch.

adenodynia (adénodynîe)

(T) — Tuyến thống.

(N) — Tuyến thống.

(V) — Chứng đau hạch (cùng nghĩa với chữ adenalgia.)

adeno-epithelioma.

(T) — Tuyến thượng bì lưu.

(N) — Tuyến thượng bì chủng.

(V) — Chứng sưng thượng bì hạch.

adeno-fibroma (*fibre*, chỉ, sợi. *Ome* ở chữ *omê*, nghĩa là sưng, bướng.)

(T) — Tuyến tiêm duy lưu.

(N) — Tuyến tuyến duy chủng. (*tiêm*; lựa mỏng; *duy*, cái giấy buộc, *tuyến*, cái giấy.)

(V) — Chứng sưng tuyến duy; Chứng sưng bó hạch. (Bướng này bành trướng nhờ các thành phần của một hạch; Tờ chức kết hợp, — *tissu conjonctif* — biến thành tờ chức tuyến duy, — *tissu fibreux*. — Tờ chức tuyến duy, hay tờ chức cụm bó, khác tờ chức kết hợp ở chỗ là do tờ chức kết hợp, hợp lại thành từng cụm từng bó ở giữa đó có nhiều tế bào cũng cùng một thể kết hợp (xem chữ Fibrome.)

adénofibromyome. (*fibre*; chỉ. — *myome*, ở chữ Hi-lạp *Mus*, nghĩa là bắp thịt).

(T) — Tuyến cơ tiêm duy lưu.

(N) — Tuyến cân tuyến duy chủng.

(V) — Chứng sưng hạch-kết-phẳng (bướng do 3 loại tế bào hợp thành: tế bào hạch, tế bào kết hợp và tế bào của bắp thịt phẳng, — *muscle lisse*.)

adenofibrosis.

(T) — Tuyến tiêm duy biến tính.

(N) — Tuyến tuyến duy chủng.

(V) — Chứng biến thành tuyến duy, biến thành bó hạch.

adenogenesis (*genesis*, sự sinh đẻ)

(N) — Tuyến tổ chức phát dục, — Tuyến phát sinh.

(V) — Sự sinh hạch.

adenogenic. xem chữ *adenogenous*.

adenogenous.

(T) — Tuyến tổ chức tính.

(V) — Có tính chất của hạch; — Do hạch sinh ra.

adénogramme.

(V) — Công thức hạch. (Công thức chỉ rõ tỷ lệ các loại tế bào trong một hạch bạch phơ.)

adenography. (adénographie)

(N) — Tuyến luận.

— Tuyến ký tải.

(V) — Sự mô tả các hạch. (*description des glandes*.)

adenohyperthenia. (*hypersthenia*, sự tăng cường sức lực.)

(N,T) — Tuyến cơ năng kháng tiến.

(V) — Sự tăng cường quá độ của cơ năng hạch.

adenohypersthenia gastrica.

(T) — Vị tuyến cơ năng kháng tiến.

(N) — Vị dịch phân tiết quá đa.

(V) — Chứng hạch dạ dày bài tiết quá nhiều. (*vị tuyến*, hạch dạ dày; *dị dịch*, nước do hạch dạ dày tiết ra.)

adenohypophysial. (V) — Thuộc về
adenohypophyse. (xem chữ sau)

adenohypophysis (adénohypophyse.)

(N) — Hạ thùy thê tiền diệp. (*Hạ*,
dưới, *thùy*, *trễ* xuống; *tiền*
diệp, lá trước.)

(V) — Lá trước của tuyến l-pô-phi.

adenoid (adénoïde). (*adên*, tuyến; *eidos*,
hình dạng.)

(T,N) — Tuyến dạng dích.

(V) — Giống như tuyến, — giống hạch.
(Danh từ dùng để chỉ tất cả
cái gì có hình như hạch, hoặc
giống như hạch.)

adénoïde (Corps---). Tên xưa của pros-
tate. Xem chữ Prostate.

adenoids. (Végétations adénoïdes)

(T) — Tăng thực tuyến. (*Thực*, lan
ra, tràn ra.)

(N) — Phiên âm;
— Tuyến dạng tăng thực chứng.
— Yên đầu biên đào phì đại
chứng (*Yên đầu*, cửa họng;
biên đào, amygdale; *pì đại*,
to béo.)

(V) — Hạch thừa họng mũi. Nói tắt
là Hạch thừa.

adenoidectomy. (adénoïdectomie)

(T) — Tăng thực tuyến thiết trừ thuật.
(*thiết trừ*, cắt bỏ.)

(V) — Thuật cắt bỏ hạch thừa; Nạo
thịt thừa, — nạo hạch họng.

adénoïdien, (V) — Có hạch thừa.

adénoïdien. (Faciès---). (V) — Vẻ mặt
có hạch thừa.

adénoïdien (syndrome---). Xem chữ
Adénoïdisme.

adenoidism. (adénoidisme).

(T) — Tăng thực tuyến bệnh.

(N) — Phiên âm.

(V) — Bệnh hạch thừa.

adenoiditis. (adénoidite).

(T) — Tăng thực tuyến viêm.

(N) — Phiên âm.

— Tuyến dạng tăng thực viêm.

(V) — Chứng sưng hạch thừa.

adénokyste, adénokystome. Xem chữ
Cystadénome.

adenoleiomyofibroma. (*leio*, lisse,
nghĩa là, phẳng; *myo*, muscle, bắp
thịt; xem chữ Adénofibrome.)

(N) — Tuyến bình hoạt cân tuyến
duy chủng. (*Bình hoạt cân*,
muscle lisse, — *tuyến duy*
chủng, tức là fibrome.)

(V) — Chứng sưng tuyến cân duy.

adenolipoma. (*lipoma*, ở chữ Hi-lạp
lipos, mỡ.)

(T) — Tuyến chi lưu. (*chi*, mỡ.)

(N) — Tuyến chi phương chủng. (*chi*
phương, mỡ.)

(V) — Bướu hạch mỡ.

adénolipomatosis. (adénolipomatose)

(T) — Tuyến chi lưu bệnh.

(N) — Đối xứng tính tuyến chi phương
chủng.

(V) — Bệnh hạch mỡ cân đối. Căn
bệnh này chưa ai được rõ.
Bệnh nhân có nhiều bướu mỡ
mọc rất cân đối ở trong người,
— vì thế tiếng Pháp còn gọi
là adénolipomatose symétrique.
Những bướu mỡ này hay thấy
ở cổ và sau gáy. Nhiều y
gia cho rằng những bướu này
không phải do các hạch phát ra.

(Còn nữa)

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

- Sách, Báo quốc tế
- Dụng cụ văn-phòng

Đề chắc chắn được vào các trường Trung học danh tiếng

LUYỆN THI ĐỆ THẤT

của Hoàng-Mạnh-Đức

NAM SƠN XUẤT BẢN

CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM

Sản - xuất và bán

I. — CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

- ★ Đường miếng lọc
- ★ Đường cát trắng tinh
- ★ Đường cát trắng ngà
- ★ Đường cát trắng Hiệp-Hòa

II. — CÁC LOẠI RƯỢU :

Rượu đốt 90° — Rượu thơm 90° — Rhum Hiệp-Hòa

TỐT — RẺ

XIN HỎI MUA TẠI :

- Các tiệm tạp hóa
- Văn-phòng CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM
11, Công-trường Mê-Linh SAIGON, Tél. 21.065
- Kho 6 Bến Vân-Đồn -:- Tél. 21.360

PRODUITS GEVAERT

PAPIERS

PRODUITS CHIMIQUES

FILMS AMATEURS

FILMS AVIATION

FILMS ARTS GRAPHIQUES

FILMS RADIOGRAPHIQUES

FILMS CINEMA PROFESSIONNELS

FILMS POUR DOCUMENTS

PAPIERS POUR DOCUMENTS

BANDES MAGNETIQUES



INDOCHINE PHOTO

57, Đường Tự Do

AGENTS EXCLUSIFS

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS —

Hàng-Hải

RISQUES DIVERS

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

« TÔI ĐÓNG PHIM BÊN ANH »

HAY LÀ

« mang danh kịch sĩ một thời »

(tiếp theo B. K. số 52)

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

Đến phiên anh Mai quay thử. Anh đến nói với tôi : « Anh chắc chắn được, Tôi thấy ông đạo diễn bằng lòng và anh đóng coi tự nhiên lắm. Riêng tôi, tôi rất ngại vì không nói được tiếng Anh, họ nói gì tôi không hiểu và điều khiển người không nói được tiếng Anh chắc họ bức lắm.

— Anh đừng lo. Tôi sẽ thông ngôn cho anh và anh cứ lo đóng cho tự nhiên là hơn.

1 giờ trưa. Ông Lee đến chào chúng tôi :
« 2 giờ chúng ta sẽ bắt đầu làm việc. Bây giờ xin mời hai ông đi ăn trưa với ông giám đốc sản xuất. Xin chào hai ông. »

Anh Mai và tôi chào mọi người rồi đi ra ngoài Ông Hanbury giám đốc sản xuất, người đầy đà, tóc bạc hoa râm. Đôi râu mép không làm cho nụ cười ông bớt vẻ xă giao. Ông ân cần chào đón chúng tôi đến hiệu ăn của các tài tử chớp bóng. Hiệu ăn này chỉ dành cho các kịch sĩ. Những người phi-guy-răng thì ăn ở một quán gần

bên rẽ tiền hơn nhưng mình phải làm đuôi và tự bùng mâm đến bàn ăn.

— Hai ông khỏi cần phải thay y phục. Cứ mặc thế đi ăn cũng được. Có 1 giờ mà đi thay đồ thì ăn không kịp.

Ông Hanbury mặc quần trắng, áo màu xanh biển, thắt cà vạt đỏ. Chúng tôi chỉ mặc nhung phục Kaki mà lại là thượng khách. Nhà ăn cho kịch sĩ ở gần các văn phòng và chưng dọn như một lâu đài thời trung cổ. Trong một gian phòng rộng rãi có 4 dãy bàn trải nệm trắng.

Một giờ trưa... Hầu hết những kịch sĩ đóng tuồng tại Pinewood ăn trưa ở đây. Họ mặc luôn quần áo hoá trang nên trong phòng ăn có cảnh một trung tá Đức ăn chung bàn với một hoàng thân Anh và một sĩ quan Pháp. Như thế, hôm nay có thêm hai sĩ quan Nhật vào ăn thì họ cũng không lấy gì làm lạ. Phòng ăn đây ngột. Tôi đang lo chưa

biết sẽ ngồi đâu thì ông giám đốc sản xuất tươi cười đến mời chúng tôi vào phía trong có một bàn trống trên đó có tấm bảng nhỏ đề chữ « Reserved » (giữ trước). Trước khi họ dọn ăn, ông Hanbury mời chúng tôi uống rượu khai vị tại quán rượu cách quán cơm có một bức tường. Trong bữa cơm, ông ấy hỏi thăm chúng tôi về điện ảnh bên nước Nhật. Chúng tôi chỉ trả lời mơ hồ theo sự hiểu biết nhờ đọc sách báo. Sau bữa cơm, chúng tôi trở lại sân khấu E và đến phiên anh Mai đóng thử một lớp.

Ông Lee giảng nửa tiếng Anh, nửa tiếng Pháp cho anh Mai biết phải diễn như thế nào. Sau cùng ông phải nhờ tôi thông ngôn lại :

« Khi bước vào, tay ông bế một đứa trẻ mới bị rắn cắn. Về mặt lo âu, ông dễ nhẹ đứa bé xuống đất. Một người tù binh thấy vậy chạy lại hỏi thăm. Ông đưa tay ra bộ con rắn bò và nói : « Obida. Obida (rắn) Họ hỏi ông : « Snake ? (tiếng anh có nghĩa là rắn) Ông gật đầu trả lời : « Yes, Snake » (Phải, rắn). Ông nhớ chưa ? »

— Dạ nhớ. Anh Mai trả lời.

— Khi bước vào ông bế đứa trẻ đến đồng lá cây, rồi ông lau mặt cho nó. Cuối cùng ông cúi nhìn nó và lắc đầu. Ông nhớ chưa ? Bây giờ xin mời ông lại ngồi ngay đồng lá cây để họ thử đèn.

Trong lúc người nhiếp ảnh thử đèn, ông Lee bảo anh Mai cất cặp kính gọng đen của anh đi. Mọi việc đều xong xuôi ông Lee ra lệnh rung chuông báo hiệu tập thử. Anh Mai bồng một đứa

nhỏ trên tay, đèn đỏ trong hậu trường đã cháy. Ông Lee ra lệnh : « Action ! ». Anh Mai đưa mắt lảo liên, gặp tôi đứng gần ông Lee ra hiệu cho tôi chạy đến gần anh rồi hỏi nhỏ : « Con rắn nói tiếng Nhật thế nào tôi quên mất rồi. »

— Obida. tôi trả lời.

— Được rồi. Obida Obida. Anh làm nhầm.

Ông Lee chạy đến tường anh Mai không rõ phải diễn thế nào giảng lại một lần nữa. Rồi ông hô to : « Action ! » Anh Mai đi vào tay bế đứa trẻ. Bộ điệu được lắm. Nét mặt được lắm. Khi mấy người Anh chạy vào hỏi anh việc gì, anh đưa tay ra bộ con rắn bò như lời ông Lee dặn, nhưng đến lúc phải nói hai chữ Obida Obida anh quên mất, ấp úng rồi quay mắt nhìn về phía tôi đứng, như vẩn lờn, như han hỏi, tôi chạy nhẹ đến nhắc nhỏ Obida... Anh Mai như người chết đuối gặp được cây sào nói liền : « Obida ! Obida ». Ông Lee nói : « Bộ điệu được lắm nhưng lúc người ta rồi rít hỏi ông việc gì, ông phải trả lời ngay « Obida » chớ.

— Vâng, lần sau tôi sẽ nói ngay.

Rung chuông tập lại. Anh Mai làm nhầm nói tiếng Obida như một ông sư niệm tâm kinh.

Đèn đỏ ở hậu trường cháy lên. Anh M.T. lập lại các bộ điệu như trước. Và đến lúc người ta rồi rít hỏi anh trả lời : « Hkida ! Ông Lee bảo : » không Obida chớ. » Mai mĩa chưa ? Người Anh dạy người Nhật nói tiếng Nhật. Anh Mai tức cười nói với tôi. « Có mỗi một tiếng mà cứ họ hỏi rồi rít lên là mình quên mất đấy ! mới nói tức thì kể quên ngay. Gì đây nhỉ ? » — Obida.

— À phải ! Obida-Obida-Obida-Obida. Anh Mai đang làm nhảm như nhà sư niệm A di đà thì ông Lee ra lệnh quay thật. Đèn đỏ trong hậu trường đã cháy. Anh « clap-man » hô : « Test film. Sergeant. Mr Mai Scene one, four, three Take one » (phim quay thử. Vai hạ sĩ quan. Ông Mai lớp một trăm bốn mươi ba — Chụp lần thứ nhất ». Tay bồng đứa bé, anh M. T. bước vào vẻ mặt lo âu — vì đứa bé bị rần rần hay vì quên tiếng Obida nữa ? — Anh đề đứa bé xuống đất. Người ta bu quanh anh hỏi rồi rút. Tôi chạy lại phía gần anh đề nhắc. Nhưng anh tưởng tôi đứng cạnh ông Lee gần máy ảnh. Đến lúc phải nói tiếng Obida anh đưa đôi mắt van lơn về phía ông Lee và đứng dậy không nói được.

« Cut off ! » (Ngừng máy) ông Lee hô to. Rồi ông chạy đến. « Được lắm ! ông chỉ trả lời Obida rồi Snake, kể nhin đứa bé đề lúc đó chúng tôi chụp ông thật gần (close shot.) Phiên ông làm lại nhé.

Tôi chạy đến gần anh Mai và nói nhỏ. Obida nhé — Được rồi phen này nhất định nhớ rồi.

Anh lập đi lập lại, người ta quay thử 3, 4 lượt. Mấy lần sau này, anh Mai nhớ tiếng Obida và đóng rất hay. Nhưng ông Lee không biết tiếng Pháp, anh Mai không thạo tiếng Anh. Điều khiển như thế rất bất tiện và vì lẽ ấy anh Mai chẳng được lựa đóng vai anh hạ sĩ quan Nhật theo trông giữ tù binh.

Chiều hôm ấy, họ hỏi chúng tôi có muốn về Ba-lê ngay thì họ giữ chỗ máy bay chuyển mười giờ khuya. Anh Mai và tôi muốn nhân dịp ở lại chơi vài hôm vì anh Mai mới đến Luân-đôn lần đầu. Ông giám đốc sản xuất liền gọi điện thoại

giữ cho chúng tôi một phòng tại Kensington Gardens, một phòng có hai giường và buồng tắm, không mắc lắm. Không mắc lắm là theo các tài tử màn bạc nhà nghề, chớ ngủ một đêm mà trả gần bốn ngàn quan (theo giá hối đoái thị trường tự do lãi 650 đồng bạc Việt-Nam) thì cũng nặng quá. Anh M.T. và tôi nhìn nhau, mỉm cười và cảm ơn ông giám đốc sản xuất lo chu đáo. Xe ô-tô của hãng A. Rank đưa chúng tôi đến tận khách sạn. Một anh « groom » (người mở cửa ra vào cho khách) chạy lại mở cửa xe, ân cần chào đón. Chúng tôi định đi chỉ một hôm nên không có hành lý chi cả. Quay lại, thấy anh tài xế ngả mũ chào, tôi cho một ít tiền nước. Rồi anh « groom » mở cửa xe, cũng một ít tiền nước. Ngày xưa, học trong trường bà giáo dạy tiếng Anh nói luôn : « Bên Anh không có tục lệ cho tiền nước như bên Pháp ». Đó là trong sách vở chớ ngoài đời, muốn sự thường khác hẳn, sách vở không lẽ đề « tài tử màn bạc » Việt-Nam mang tiếng là « keo » thôi thì bóp bụng vậy.

Hôm sau, chúng tôi tìm một nơi khác rẻ tiền hơn ở lại Luân-đôn chơi ít ngày rồi trở về Ba-lê đợi kết quả buổi quay thử.

— Allô. Phải ông V.K. chăng ?

— Phải. Xin bà cho biết quý danh ?

— Tôi là thư ký của bà S. Xin mời ông lên ngay đề ký hợp đồng. Bên Anh, họ muốn nhờ ông đóng vai đại úy Sugaya. Vai cũng khá vì họ chịu ký với ông trong thời hạn một tháng rưỡi. Về các điều kiện ông lên đây chúng tôi sẽ nói rõ hơn. Ông đến ngay được chăng ?

— Tôi sẽ đến ngay.

Thế là mộng đã biến thành sự thật rồi. Đi dưới tàu hăm, tôi tưởng tượng đến ngày đóng tường trước máy quay phim, và những câu đối thoại bằng tiếng Anh thì dễ học, nhưng còn tiếng Nhật ?

33... Đại lộ Champs - Elysées. Bao nhiêu tài tử màn bạc ra vào nơi này để tìm việc, để ký hợp đồng. Hôm nay, vào đây mình cũng ký hợp đồng với tư cách một kịch sĩ quốc tế. Mình sẽ làm gì ? Lương bổng bao nhiêu ? Tiền huê hồng cho bà S. bao nhiêu ? Phải ở luôn bên Anh, hay đi đi về về ? Mong cho xong việc trong lúc hè để khỏi lỡ dở chuyện học. Đang nghĩ liền miên, bỗng đến văn phòng bà S.

— Chào ông V.K. Mừng ông được một vai trong phim của hãng A. Rank phát hành. Tôi vừa được thư bên Anh cho biết ông được đóng vai đại úy Sugaya. Họ dự định quay trong bảy ngày nhưng trong thời hạn một tháng rưỡi. Hôm nào quay họ cho ông hay trước một hai hôm. Họ chịu tiền máy bay cho ông sang bên ấy và tiền về. Ngày nào đóng phim họ còn chịu cả tiền tồn phí, ăn ở cho ông

Bà đưa tờ hợp đồng cho tôi đọc qua, Bao nhiêu là điều lệ. Làm việc thế nào ? Tiền ăn ở, đi đứng, tiền đóng tường bao nhiêu. Nếu không có quay trong một tuần thế họ chịu tiền tối thiểu bao nhiêu. Nếu quay không kịp trong thời hạn định trước, thì họ xin phép gia hạn trong 3 tuần. Trong lúc làm việc, phải đóng bảo hiểm bao nhiêu. Phải có kiến mắt (kính râm) và các thứ cần dùng. Nếu bị đau mắt vì thiếu cần

thận thì hãng không chịu trách nhiệm v.v... Thật ra, nếu được đóng chơi cho thỏa lòng hiếu kỳ, nhiều người cũng mong được gặp một dịp may như thế. Nay, tôi đã được cơ hội thực hiện một điều mong ước lúc tôi còn nhỏ tiếp xúc với giới điện ảnh quốc tế, xem cách làm việc của họ, lại được một ít tiền ăn học, thì còn gì hơn !

— Ông bằng lòng các điều kiện chớ ?

— Thừa bà bằng lòng cả.

— Chúng tôi định đòi thêm tiền ăn ở và tiền lương nhưng họ bảo hiện giờ ông chưa có một tên tuổi trong giới điện ảnh quốc tế, mặc dầu trong khi đóng thử, họ thấy ông rất tự nhiên. Lần sau, tôi mong sẽ có thể đòi nhiều hơn.

Không phải bà S. vì chúng tôi mà đòi lương cao ; lương chúng tôi cao thì 10 phần trăm huê hồng của bà cũng cao. Bà nói tiếp :

— Ông đừng thấy họ trả thế mà nghĩ là nhiều ông chắc chưa biết rằng trong số tiền lương của ông, chánh phủ Anh sẽ đánh thuế 45 phần trăm và ông phải trả 10 phần trăm cho chúng tôi. Phần ông chỉ còn 45 phần trăm. Nhưng cũng còn hơn tiền lương bên Pháp vì người Anh họ trả hậu lắm.

Tôi không nghĩ đến tiền lương. Tôi chỉ lo không biết bao giờ mới sang Anh đóng tường, và bao giờ có tường cho tôi học trước, nhứt là những câu đối thoại bằng tiếng Nhật.

Ký tên hợp đồng xong, tôi từ giả bà S. ra về. Bà hứa sẽ bảo họ gửi cho tôi bốn tường để tôi xem trước. Kể từ giờ này tôi đã là kịch sĩ của hãng A. Rank. Từ đây đến hai tháng sau, tôi không

thề đóng tuồng cho một hãng phim nào khác. Tôi đi ngay lại một hiệu sách mua một quyển sách dạy người Anh nói tiếng Nhật và từ chiều hôm ấy tôi cặm cụi học thuộc lòng mấy câu thường thức. Anatawa Doko ê ikimasuka ? (ông đi đâu ?) Watakushi wa Pariji ê ikimasu (Tôi đi Ba-lê).



— Allo ! Ông V.K. ? Chào ông! Mời ông đến văn phòng ngay. Chúng tôi vừa được bốn tuồng. Và họ muốn biết thêm về ông. Có cả một loạt câu hỏi. Ông có rảnh sáng nay chăng ?

— Vâng. Tôi sẽ đến ngay.

Họ muốn biết tôi cao bao nhiêu phân, mang giày số mấy, vòng đầu, vòng ngực, vòng bụng bao nhiêu phân. Họ muốn có cả thước tấc của bề lưng, bề kích, đề may cho tôi một bộ đồ sĩ quan bằng gabardine (ga-bạc-đi-nơ). Họ hỏi tôi nói được mấy thứ tiếng ngoại ngữ, có biết lái ô-tô, lội và cưỡi ngựa chăng. Và sau cùng họ cho tôi hay rằng trong vòng một tuần tôi sẽ sang Luân-đôn đóng lớp đầu.

(Hết đoạn « Đi đóng phim thử. »)



TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

Sẽ tiếp: Đi đóng phim thật sự.

Các bạn đón xem. . .

Cuộc phỏng vấn văn nghệ của BÁCH-KHOA về TRUYỆN NGẮN

do Nguyễn-Ngu-Í phụ trách



Hơn 40 nhà văn, thơ, nhạc, họa, giáo... được phỏng vấn viên Ngu-Í « làm rộn » trên ba tháng nay nhưng đến giờ được mấy người vui lòng góp ý ?

CÁO LỖI

Bách-Khoa trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc, vì cần phải đăng trước nhiều bài để khỏi mất thời gian tính, chúng tôi phải tạm để lại các bài sau đây :

Tam-Quốc — Thơ ma và Khói lửa kinh thành.

B. K.

"FILMS 16 $\frac{m}{m}$ "

Plantations — Ecoles

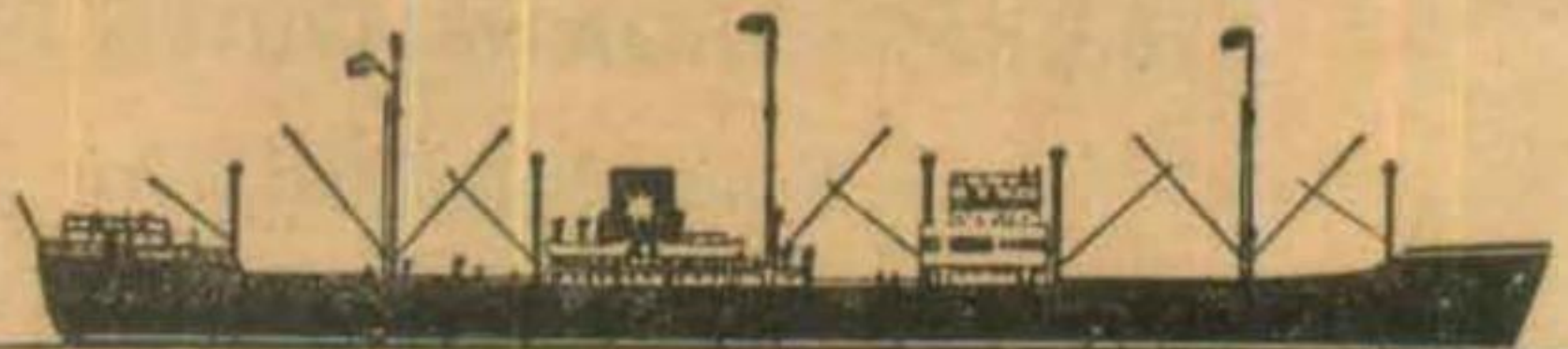
Militaires & Particuliers

Pour Passer une bonne
soirée, consultez la

COLUMBIA FILMS

23, Rue Gia-Long — Tél : Saigon 24.710

**MAERSK
LINE**



A. P. Moller

8, Kongens Nytorv

COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest
des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

AGENTS AU VIETNAM

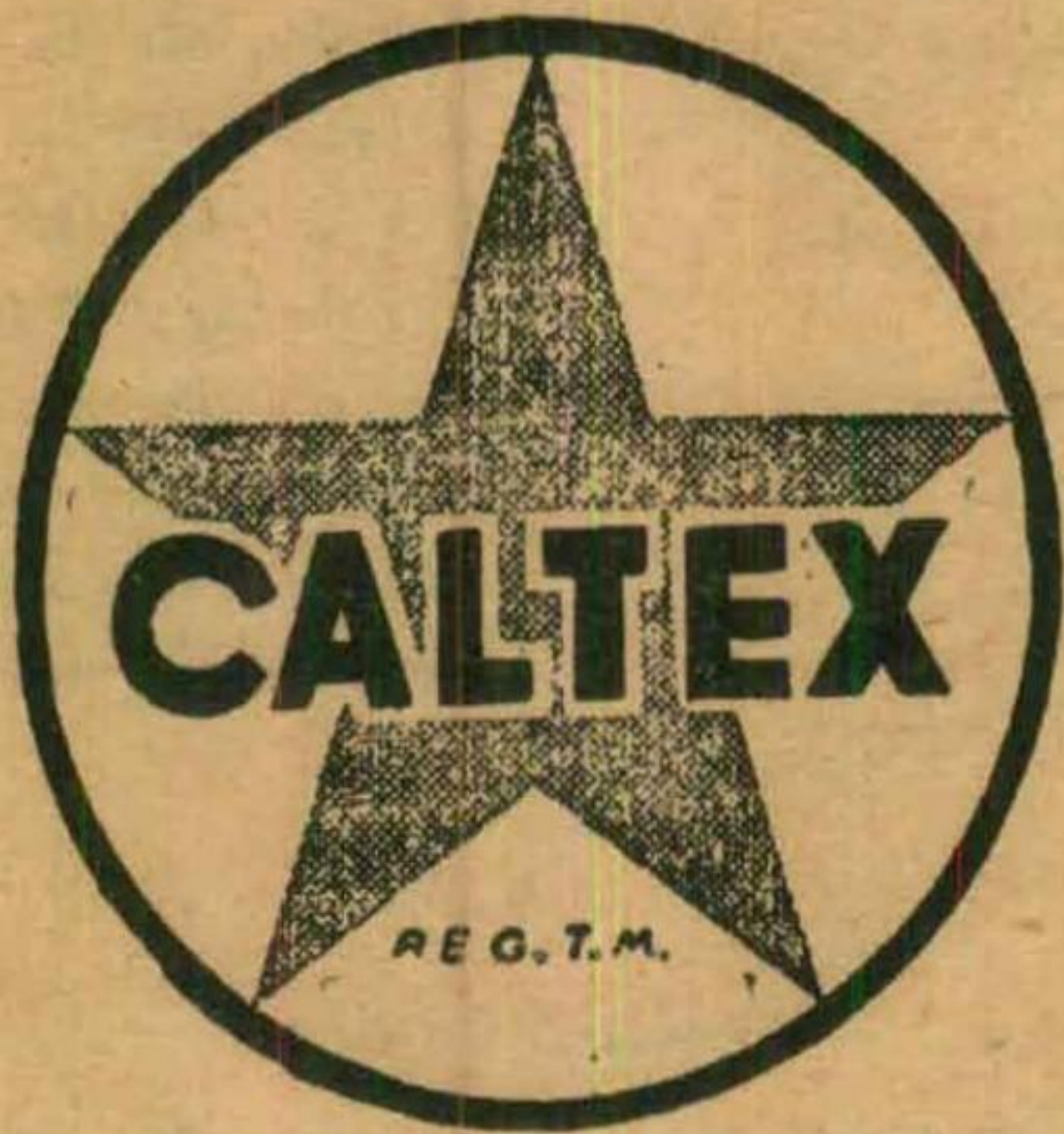
PLANTATIONS DES TERRES ROUGES

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20,338 - 39 - 40

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

ĐƯỜNG THI DỊCH GIẢI

TÂY-THI VINH

(Điều ngũ ngôn cổ-thi)

Điểm sắc thiên hạ trọng,
Tây-Thi ninh cửu vi ?
Triều vi Việt khê nữ,
Mộ tác Ngô-cung phi.
Tiện nhật khởi thù chúng ?
Quý lai phương giác hi.
Yêu nhân truyền hương phấn,
Bất tự trước la y.
Quân sủng ích kiêu thái,
Quân liên vô thị phi.
Đương thì hoãn sa bạn,
Mạc đắc đồng xa qui.
Trì tạ lân gia tử :
Hiệu tẩn an khả hy ?

VƯƠNG-DUY

VINH TÂY-THI (1)

Sắc đẹp thiên hạ trọng,
Tây-Thi hèn mãi du ?
Sớm còn gái quê Việt,
Chiều đã vợ cung Ngô.
Lúc cùng tương thế cả.
Khi sang mấy ai so ?
Son phấn hầu hạ giúp,
Áo quần tôi tớ lo.
Vua yêu vênh ráo riết,
Vua thương phải trái bừa
Bạn giặt the ngày trước (2)
Không thể cùng xe đưa,
Nhấn con hàng xóm cũ :
Học nhấn (3) há ăn thua ?

Á-NAM



PHẦN CHÚ THÍCH

(1) Tên một cô gái đẹp ở nước Việt vào thời Xuân thu. Hồi đó nước Việt bị nước Ngô đánh hiếp, bắt vua Việt đem về nước Ngô, đối xử rất là tàn nhẫn. Sau vua Việt biết vua Ngô ham muốn sắc đẹp, bèn kén được một người con gái nhà quê ở thôn Trữ-la, dạy cho múa hát và sắm sửa ăn mặc rất lộng lẫy rồi đem dâng nạp vua Ngô. Quả nhiên vua Ngô mê say sắc đẹp, gây nên tai họa vong quốc về sau.

(2) — Lúc ấy Tây-Thi còn ở nhà, thường làm nghề giặt lụa thuê cùng các bạn gái trong xóm Trữ-la.

(3) — Tây-Thi nhân có tật đau ruột, thỉnh thoảng lại nhấn mặt lại. Bọn bạn gái quanh làng thấy vậy, cũng bắt chước muốn làm ra vẻ đẹp giống Tây-Thi, vì thế đời sau thường dùng chữ « hiệu tẩn » (bắt chước nhấn mặt) để chế giễu những kẻ hay học đòi bắt chước làm sang.

Phần giải nghĩa : — Sắc đẹp vốn là một thứ mà người đời quý trọng xưa nay. Vậy thì Tây-Thi là một trang gái đẹp, có lẽ nào lại chịu yên ở số phận hèn hạ được mãi ?

Vì thế, nên vừa mới buổi sáng còn là một chị con gái nhà quê nước Việt, mà đến buổi chiều bỗng đã thành một vị cung phi, chễm chệ sánh với vua Ngô.

Trong khi nàng còn giặt thuê ở chốn thôn dã thì tưởng chừng như hàng vạn ngàn cô gái khác, nào có chỉ là đặc biệt lạ lùng. Nhưng chỉ trong phút chốc, phú quý đến tay, thì mới thấy rằng bao nhiêu những người thường khác khó lòng mà so sánh kịp nàng.

Cách cư xử của nàng trong lúc đó, hằng ngày những việc điểm phấn tô son đã có những người hầu hạ đỡ thay. Mà ngay cả đến áo quần sửa soạn vào thân, cũng không phải tự tay mó tới, vì đã có tôi đòi phục dịch giúp cho.

Lạ gì một kẻ gái quê, lấy đâu làm học hành kiến thức, cho nên trong lúc đã được một ông vua ham mê sắc đẹp đem lòng yêu quý nâng niu, thì lập tức đáng điệu tỏ ngay những nét kiêu căng hóm hỉnh lạ lùng. Và nhất là ông vua kia lại tỏ lòng thương xót đến nàng, thì bao nhiêu hành động của nàng, vô luận là phải hay trái, cũng không hề ai còn dám đem lời chê trách phân bì.

Hơn nữa, Tây-Thi đã ở vào địa vị cao quý ngày nay, thì những bạn giặt thuê ngày trước, dù có muốn cùng nàng cùng ngồi một xe, mà cảnh thế xa nhau một vực một trời, thì còn bao giờ toại nguyện ?

Bởi vậy đứng vào địa vị Tây-Thi lúc đó, cũng chỉ còn một cách là gửi lời tạ lòng các chị em thừa trước, mà nhắn mấy lời là : « Dù các người có muốn học ta những khi nhăn mặt cau mày để làm ra vẻ nũng nịu yêu kiều cho vua say mê, cũng chỉ là hoài công vô ích mà thôi... »

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudet)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã^{ng} Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t^ủ bảo hiểm cho thuê, mỗi t^ủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

MỘT LỜI

● LÊ-HÙNG

CHUYẾN về quê năm nay đã làm tôi sống lại một chuyện lòng đã chết lịm từ lâu hơn là đề ăn cái lễ Trung Thu với gia đình.

Anh chị tôi tụ họp về đông đủ cả. Hòa khí của gia đình đoàn tụ ấm cúng, vui vẻ làm tôi quên hết mọi gió sương nhọc nhằn sau bao năm xa cách quê hương vì chén cơm, manh áo. Chị tôi bảo :

— Ba à, chiều nay em nhớ ghé lại thăm dì hai nhé. Dì thường hỏi thăm em luôn. Cả con Lan nữa.

— Dạ.

Không biết chị tôi cố ý hay vô tình đã khơi đầu một kỷ niệm đã lạnh ngắt từ lâu ở lòng tôi sau cái ngày loạn lạc về dày xéo miền thôn dã.

Hồi ấy chúng tôi còn nhỏ và khờ khạo lắm. Lan với tôi ở cùng làng. Nhà nàng ở xóm dưới, nhà tôi ở xóm trên. Cách nhau mấy hàng tre. Lan nhỏ hơn tôi hai tuổi. Tóc còn lòa xòa chấm vai. Tai còn đeo cọng tỏi. Tôi thì đầu hơi móng lờn tròn vành. Lan cũng như tôi phải

coi lấy đôi bò của nhà. Tôi với Lan là cặp bò bịch thân nhất hồi ấy. Chúng tôi đi cho bò ăn chung với nhau cả ngày ngoài ruộng. Sáng nào tôi cũng dậy rất sớm, rửa mặt rồi đội nón lá, mang vào mình mo côm của chị tôi đã giở sẵn trước khi đi chợ, đoạn xách roi thả bò ra đi. Ngang nhà Lan thì cửa ngõ đã mở rồi nhưng không thấy nàng đâu. Tôi đưa tay lên miệng làm loa kêu :

— Lan á ừa...

Có tiếng Lan đáp lại :

— Anh Hương chờ Lan một chút xíu đi.

Ngồi ngất ngưỡng trên lưng bò tôi hiu hiu huýt gió và đợi Lan. Một chốc Lan cùng tôi cỡi bò đi song song trò chuyện.

— Bữa nay Lan làm anh đợi lâu hơn mọi ngày hé ?

Tôi cười hỏi lại :

— Hồi hôm chơi « mù ăn mây » tới khuya nên Lan thức dậy trưa chứ gì ?

Lan vui vẻ :

— Không, Lan dậy hồi gà gáy hiệp nhì lận nhưng phải phụ rang đậu, nấu xôi với mẹ thành ra trễ ư.

Ra tới ruộng thì chúng tôi nhập bọn với tụi thằng Bé thằng Cách thả bò đi ăn rồi xúm lại dưới gốc cây trâm cất nhà làm chòi chơi. Tôi bày đầu :

— Ê ! bữa nay tụi mình chơi đám cưới đi tụi bây. Như đám cưới cô Sáu tao vừa rồi đó, phải vui không ?

Tất cả đều đồng ý hưởng ứng, chỉ có Lan thì mặc cỡ nên nói :

— Thôi chơi đám cưới kỳ lắm, Lan không thèm đâu. Mình sắm tuồng hát bội đi.

Tôi giận nên nói với thằng Bé :

— Con Lan không chơi thì tụi mình nghỉ nó ra nghe tụi bây. Chơi vui mà không chơi.

Nhìn nét mặt giận của tôi, Lan làm vui nói :

— Ủ, chơi thì chơi mà sau phải hát « Thoại-Khanh Châu-Tuấn » đã nghe ?

Tôi gật đầu đồng ý. Chúng tôi bắt đầu chơi. Hai cái nhà cất bằng lá dâu đã xong chỉ vừa hai đứa chun vô ngồi thôi. Tôi làm chú rể. Lan làm cô dâu. Nàng choàng cái khăn rằn đỏ lòng thòng sau lưng giống hệt cô Sáu tôi hôm đám cưới. Thằng Bé thì làm cha vợ tôi. Thằng Cách làm ông mai. Tôi bung cái nón lá trước ngực làm cái quả đi đầu. Lan theo sau. Nàng nói nhỏ với tôi :

— Mình phải kêu thằng Bé bằng Ba kỳ quá. Cái thằng qui chùa đó mà ba bốn giống gì !

Tôi khuyên nàng :

— Thì giả bộ cho giống vậy mà.

Tới nhà thằng Bé, tôi vòng tay lễ phép :

— Thưa Ba chúng con mới về.

Tôi làm có vẻ ngon lành lắm, còn Lan thì ngượng nghịu cúi mặt không dám nhìn thằng Bé :

— Thưa...

— Thưa ba đi ! Tôi nhắc Lan.

— Thưa ba, con mới về.

Thằng Bé khoái chí. Nó cầm cái quạt bằng lá dâu quạt quạt ra về người lớn :

— Ủ, hai con vô nhà đi.

Rồi nó ra tiếp chuyện với ông mai Cách. Tôi và Lan chun vào nhà ngồi kề bên nhau khoanh tay đợi lệnh. Hồi lâu thằng bé nói :

— Thôi làm bộ bây giờ tối rồi nghe. Ba cho phép hai con nghỉ đó. Tôi quay lại nói với Lan :

— Ba đã cho phép thôi mình nằm xuống làm bộ ngủ đi em.

Con Lan lắc đầu :

— Thôi kỳ quá hè. Bây giờ mình làm Thoại-Khanh Châu-Tuấn đi.

Thế là chúng tôi sang qua hát bội. Tôi cầm lá làm máo từ lư. Con Lan đi bút dây làm ren làm tụi. Tôi múa men cổ bắt chước ông Châu-Tuấn hôm hát đám ở đình :

— Này hiền thê Thoại Khanh em ơi. Quê nhà em ở lại. Trường an anh kíp đời chơn. Hẹn ngày ta lai đáo hiền vinh ư... ư... ư. Quên rồi.

Tụi nó cười rộ lên. Con Lan cất giọng :

— Châu Tuấn anh ơi ! Đường thương lộ chúc anh vạn an. Quê nhà em quyết giữ lòng chung thủy ư... ư... ư.

Thằng Bé vỗ tay khen :

— Đào hay hơn kếp nhiều bây ơi !

Cuộc vui còn đang dang dở thì từ đằng xa có tiếng vọng lại :

— Bớ đứa nào coi bò !

Chúng tôi hoảng hồn. Thằng Bé thấy trước nên chỉ tay nói :

— Chết rồi, bò con Lan ăn lúa ông Cả kia kìa !

Con Lan lén quỳnh chạy vài bước rồi đứng lại khóc ngặt vì thấy ông Cả nắm vòm con bò Đạm của nó dẫn đi. Nói đến ông Cả thì cả làng không còn ai mà không biết danh ông ta. Ba tôi còn ngán ông ta huống chi tụi tôi. Nhưng thấy con Lan bùm mặt khóc, tôi đau lòng quá không còn biết sợ sệt gì nữa. Tôi lột áo mao chạy theo ông ta đang dẫn bò đi đằng trước. Thấy tôi đến ông Cả trợn mắt. Mặt ông hầm hầm :

— Thằng kia ! bò này của ai vậy ?

— Dạ của con... Tôi run sợ đáp.

— Thiệt của mầy không mầy ?

— Dạ thiệt.

— Tại sao mầy coi bò mà mê chơi đùa ăn lúa của tao vậy mầy ?

Thấy ông ta giận dữ quá tôi xanh máu mặt :

— Con lỡ lần đầu xin ông tha cho.

Ông Cả nạt :

— Không được, đừng lẻo mép. Tao dắt con bò này về rồi tía má mầy biết tao.

Tôi kinh hồn. Trời ơi, ba tôi mà hay được thì chết rồi. Tôi còn lạ gì tánh ba tôi nữa, ông nghiêm khắc và trọng tình hàng xóm lắm. Hơn nữa ông Cả mà rầy ông thì tôi có nước lên trời mà ở rồi. Nghĩ đến đây tôi muốn thôi. Nhưng nhìn lại đằng xa con Lan đang đứng khóc như mưa kia. Tôi thương xót nó quá. Có một mãnh lực gì khiến tôi gan dạ vô cùng. Tôi chạy theo ông Cả van xin. Lần này ông Cả xiêu lòng. Ông thả con bò ra rồi chụp tay tôi lôi lại bìa rừng bẻ một nhánh nhãn lồng suốt hết lá đoạn quất vào dít tôi hai cái nháng lửa. Tôi nhảy dựng lên vì đau điếng. Đưa tay che dít miệng hít hà lia, kể bị luôn hai roi nữa. Tôi vùng mạnh sút khỏi tay ông Cả và chạy một mạch. Vừa chạy vừa vò dít mà nước mắt chảy ròng ròng. Tụi thằng Bé thằng Cách và con Lan đứng nhìn trần trời xanh mặt. Thấy tôi khóc con Lan hòa khóc theo và bước đến vạch áo tôi lên xem. Tôi cũng ngoảnh lại thì ôi thôi ! bốn lần roi còn y hiện, đỏ rần nóng hổi. Chúng tôi giải tán. Tụi thằng Bé lừa bò đi chỗ khác. Tôi với con Lan đứng khóc tức tưởi. Con Lan nhìn tôi với vẻ biết ơn :

— Cũng vì Lan mà anh bị đòn. Thôi anh bỏ qua đi nhé. Giờ mình lấy cơm ra ăn đi anh.

Đoạn nó kéo tôi đi. Dít còn ê ẩm, tôi quệt nước mắt bước đi. Con Lan lấy mo cơm mở ra rồi đem đến trước mặt tôi. Tôi cũng mở dây, banh mo cơm của mình ra ăn ngon lành mà nước mắt như còn rưng rưng ở khóe.

Con Lan xắn đưa tôi một cục xôi và nói :

— Anh ăn cơm nếp với muối đậu nè ngon lắm.

Tôi lắc đầu :

— Lan ăn đi. Tôi phải ăn hết mấy cục dưa mắm này để bỏ uồng lắm.

Lan nài nỉ mãi tôi phải ăn cho nó vui lòng. Không hiểu sao mà tôi thương mến nó quá !

Nắng chiều đã ngả bóng. Chúng tôi lừa bò xuống suối uống nước, tắm rửa rồi lừa về. Yên chí là câu chuyện ban trưa đã tạm yên. Tôi vui vẻ trở lại ngồi trên lưng bò cao hứng hò :

— « Hò hơ hớ... anh thương em mấy núi cũng trèo. Mấy sông cũng lội... ở... mấy đèo cũng qua ơ hơ... »

— Con Lan đáp lại ngay :

— « Hò hơ... thương anh em cũng muốn nên vợ nên chồng... ở... Nhưng trăm bận vạn sự... ở... phải dẫn lòng chờ lệnh mẹ cha... ơ... »

Tôi với nó đồng cười ngặt nghèo.



Về nhà thì chị tôi đã đón ở ngõ dẫn bò vào chuồng còn tôi thái mo cơm lên ván rồi ra lu tắm. Ba tôi cũng bỏ cuộc xẽng lại lu nước rửa tay. Bỗng ông nhìn tôi và hỏi :

— Đít mầy sao vậy Hương ?

Tôi hết hồn nói tránh :

— Dạ con chui vào bụi bị cây quất.

Ba tôi cười gằn rồi nói :

— Hừ, chui vào bụi làm gì chứ ?

Thấy ông làm thinh luôn tôi tưởng đầu xuôi chèo mát lái rồi nên mừng quỳnh. Nào ngờ cơm chiều xong, ba tôi gọi tôi lên và bảo :

— Hương à, ngày nay mầy phạm tới hai lỗi mầy có biết không ?

Tôi điếng hồn ú ớ :

— Dạ đầu... có.... ba.

— Im ngay. Muốn tao dắt lại nhà ông Cả không ?

Tôi lạnh xương sống. Thôi ông biết cả rồi. Phen này thì nát dít. Tôi cúi đầu im lặng như thú tội. Ba tôi tiếp :

— Mầy lại sanh sự nói láo nữa hả Hương ? Một tội mà thành hai, nghe con.

Ông quay xuống bếp gọi :

— Con Lạc đâu, đem cái roi mây lên đây cho tao mau.

Chị tôi cầm con roi lên rồi lặng lẽ đi xuống bếp. Má tôi thì ngồi bên kia bộ ván nhai trầu và dju dăng :

— Sao con lại đại dột vậy Hương. Coi bò mà lơ dềnh. Giờ má đâu dám xin.

Tôi hết hy vọng. Nước mắt chảy ròng ròng xuống ván. Tôi hối hận vô cùng. Cha tôi nhip roi lên dít tôi và nói :

— Tại sao vậy Hương ? ông Cả nói không phải bò của mầy. Vậy chó bò của ai mà mầy nhận như vậy ?

Vô phương cạy gở, tôi đành thú thật, giọng meo mào :

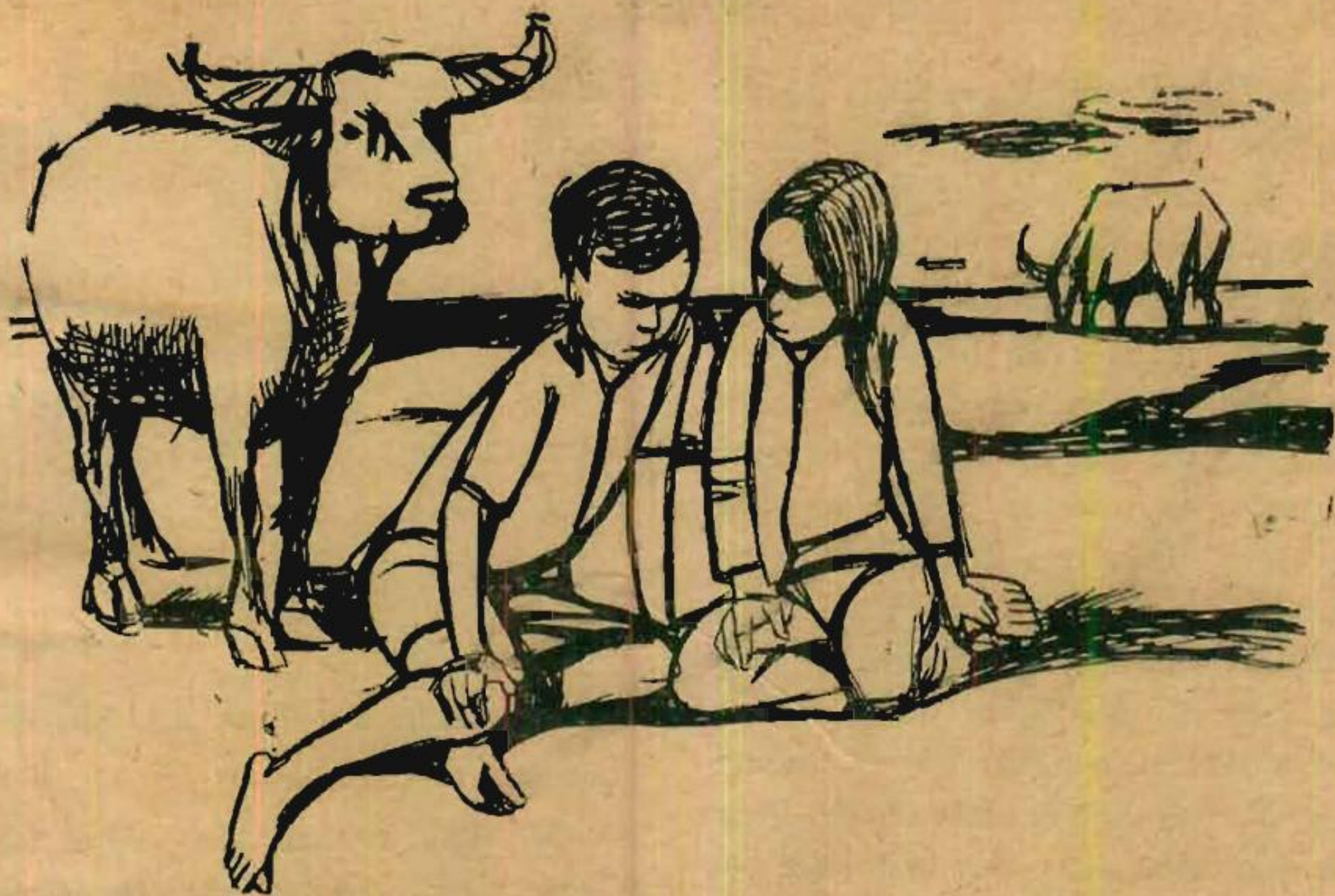
— Dạ thừa bò của con Lan.

Ba tôi cười :

— Té ra bò của con Lan mà mầy nhận là của mầy. Sao lạ vậy ?

Tôi làm thinh không biết phải trả lời làm sao cho xuôi. Không biết nghĩ sao ba tôi quăng con roi vào góc nhà rồi nói :

— Thôi được rồi. Mai sẽ hay. Tưởng con giầu luôn thì nát dít, con ơ.



Tôi hoàn hồn, lồm cồm ngồi dậy, xá ba tôi lia rồi đi rửa mặt.



Tối đến, một đêm trời sáng trắng. Đã gần đến Trung-Thu rồi. Con trăng l3 vàng vạc rọi xuống sân nhà. Má con Lan dẫn con Lan và thằng Cu em nó đến nhà tôi chơi. Má nó vào nhà ăn trầu nói chuyện với má tôi, còn con Lan thì ra góc vú sữa chơi với tôi.

— Hồi chiều về có sao không anh Hương ?

— Còn chút nữa nước dít rồi, may mà ba tui bữa nay ông ăn chay đó nghe.

Tôi cười, con Lan cũng cười. Rồi chúng tôi chơi « đá lon » vui vẻ dưới ánh trăng. Đến chừng má nó về kêu nó về và vò đầu tôi :

— Hương à qua nhà dì chơi. Dì cho cái này.

Thấy tôi ngập ngừng má con Lan tiếp :

— Qua chơi với chị em con Lan, dì có xin phép anh ba chị ba rồi.

Tôi ngoan ngoãn đi theo con Lan và má nó về nhà. Đi đường má nó hỏi tôi.

— Dì có nghe anh chị ba nói lại câu chuyện ban trưa ngoài ruộng, Dì thương cháu quá.

Đoạn quay sang Lan, dì hai tiếp :

— Còn con Lan sao lơ dãnh rồi không chịu nhận đề anh Hương bị lòn vậy ?

Con Lan ấp úng thưa :

— Dạ vì con sợ ông Cả quá và tại anh Hương ảnh thương con nên sợ con bị đòn mà làm gan xin giùm mới bị ông Cả đánh.

Dì hai vò đầu tôi và Lan rồi nói :

Dì rất vui mừng vì hai cháu biết thương nhau. Dì mong rằng hai cháu sẽ mãi mãi thương mến, bênh vực nhau như anh em vậy.

Về nhà Lan hôm ấy, tôi được má nó cho một cái bánh ông địa có dây xách

tòn ten. Từ đó tôi và con Lan càng trù mến nhau hơn. Có lần tụi thằng Bé chọc ghẹo con Lan, tôi vỗ ngực nhẩy vô bênh bị thằng Bé nó « vênh » cho một thoi lỗ mũi ăn trầu. Nhưng rồi tôi cũng tổng cho nó một đá vô ba sườn nó chạy te. Con Lan phục tôi lắm. Gia đình tôi và gia đình Lan càng gần gũi thân mật nhau hơn trước. Đạo đó đi đâu tôi với Lan cũng cặp bồ. Đám múa lân nào, đám cúng đình nào hể có con Lan là có tôi. Làm tụi thằng Bé, thằng Cách nó ghét cay ghét đắng chúng tôi. Nó rủ tụi thằng Lì thằng Bò xóm dưới kiếm chuyện gây đề « mần » chúng tôi. Tôi đã biết trước nên thủ trong mình một khúc cây. Rồi vắn hát bội tôi nắm tay con Lan dắt nhau ra về. Ngang tụi thằng Lì nó đang hăm hăm, tôi rút khúc cây ra diềm mặt nó :

— Nè, thằng nào ngon nhẩy vô tao làm liền đó.

Thấy khúc cây trên tay tôi tụi nó ngán hết nên làm thinh. Về đường con Lan khen tôi :

— Anh Hương oai quá. Tụi nó ề càn anh rồi. Coi anh giống Triệu-Tử-Long hồi nãy mình coi quá. Lan phục anh ghê.

Còn gì hơn bằng được con gái khen. Tôi nở lá gan bằng cái tôi :

— Phải vậy với tụi nó mới được.

— Con Lan lo xa :

— Lan sợ rui ro khi nào đi đâu không có anh, chắc tụi nó vắn họng Lan quá.

Tôi vỗ ngực :

— Tui còn đây, tía tụi nó không dám động đến Lan. Lan đừng đi đâu một mình là được rồi.

Đưa con Lan về nhà rồi tôi hí hả lắm.

Mình đã được con Lan coi như Triệu-Tử-Long thì ngon quá rồi. Tụi thằng Bé có ki-lô nào đâu.



Một hôm đang ăn cơm trưa thì con Lan cho hay là nó sẽ được đi học kỳ tựu trường này. Tôi vồn vã :

— Rồi bỏ Lan ai coi ?

— Thằng Cu, em Lan nó coi.

Tôi buồn xo :

— Vậy thì mình hết gần nhau nữa rồi.

Lan vui vẻ nói :

— Má Lan nói anh cũng được bác ba cho đi học nữa kia mà. Bỏ anh sẽ mướn thằng Bé coi.

Tôi hồi hộp. Nửa mừng nửa không biết có thật như thế không ? Tôi hỏi con Lan :

— Chừng nào tựu trường ?

— Mai nầy chớ chừng nào !

Tôi vui sướng reo lên. Nuốt cơm hết vô.



Tựu trường năm ấy, tôi với con Lan được đi học thật.

Một năm. Hai năm. Ba năm. Khói lửa bỗng bùng dậy ở tỉnh thành rồi tràn về làng thôn. Làng tôi có tiếng là một làng nguy hiểm nên Tây nó ngán lắm. Lần đầu tiên, một ngày nó bố hai ba lần. Thôi thì chúng nó bắt bớ, đánh đập, hăm hiếp dân làng vô kể. Gà vịt, cây trái đều bị chúng nó vơ vét hết. Gia đình tôi phải tản cư về quê bà ngoại tôi ở trên chợ Đũi. Gia đình Lan thì về Vĩnh-long ở với ông bà nội nó. Hôm chia tay, con Lan nhìn tôi khóc ròng :

— Chắc lâu lắm mình mới gặp nhau hả anh Hương ? Lan chúc anh lên Sài Gòn mạnh giỏi.

Tôi búi ngùi tắc dạ. Hơn lúc nào hết, con Lan bây giờ nó trở mã con gái nên có duyên ghê. Ngực nó căng phồng dưới lớp áo bà ba đen. Gò má nó hồng hồng.

Tóc nó kẹp lại gọn gàng. Mắt nó đen láy dưới làn mi cong vút. Tai nó bây giờ đeo bông mù u chớ không xỏ cọng tỏi nữa. Tôi mắc cỡ vì nhìn nó lâu quá. Lòng tôi rạo rực lạ thường. Nếu trước kia thì tôi đã chạy lại nắm tay nó rồi, nhưng bây giờ tôi không dám nữa vì e lệ. Đưa tay gái gái cái đầu « ma ninh cua » cho đỡ ngượng, tôi nói :

— Thôi gặp nhau lần này nữa chắc lâu lắm đã. Chúc Lan về dưới mạnh giỏi. Bình yên tôi sẽ trở lại tìm Lan. Chúng mình sẽ gặp nhau lại nữa.

Rồi một ý nghĩ xa xôi lại đến, tôi tiếp với giọng buồn :

— Mà sau này gặp lại không biết có còn như vậy không hở Lan ?

Lan chớp mắt rồi nói :

— Khác là làm sao anh ? Giọng nàng hãy còn thơ ngây.

Tôi ấp úng :

— Thì Lan có chồng, tôi có vợ chứ sao ?

Lan đỏ mặt nhìn tôi :

— Anh quý nà. Lan xin hứa không khi nào có chồng trước khi anh có vợ đâu.

Tôi hồi hộp vì câu nói ấy. Trống ngực tôi đánh liên hồi :

— Sao vậy Lan ?

Lan cúi mặt làm thinh. Tay nàng vuốt vuốt tà áo trông để cảm hết sức. Tôi hỏi tiếp :

— Thiệt vậy hả Lan ?

— Thiệt mà. Lời nói là lời danh dự chớ sao.

Không hiểu sao mà lòng tôi xao xuyến, rung động lạ thường. Lần đầu tiên trong đời tôi, tôi cũng không hiểu mình đang xúc động vì cảnh chia li hay là vì tôi yêu Lan ? Nhưng điều sau này thì hình như là đúng hơn. Thật tôi thương Lan quá mà không biết làm gì khác hơn là đứng lặng nhìn nàng. Chúng tôi bàng hoàng trong giây phút giá từ.

Từ đó đến nay đã sáu bảy năm trời ở Sài-thành hoa lệ, tôi không còn nghe tin tức gì của gia đình Lan cả. Ba má tôi thì đã già yếu rồi. Ông bà về quê cất lại cái nhà trên nền đất cũ đã bị Tây đốt. Một năm sau thì gia đình Lan cũng dọn về ở chỗ cũ. Tôi thì đã có vợ con đùm đẽ rồi. Vì cuộc sống của gia đình hiện tại nên tôi không còn dịp để về quê nữa. Và lại, lâu lâu thì ba má tôi lên thăm chúng tôi và ở lại chơi cả tuần mới về. Riêng tôi vì bù đầu bù óc bởi công việc hàng ngày ở sở nên câu chuyện ngày xưa ấy như chết dần ở lòng tôi. Tôi cũng không buồn hỏi thăm về Lan và gia đình nàng làm gì. Ba má tôi thì vui vẻ với con cháu cả ngày nên cũng quên nói đến chuyện hàng xóm. Nhất là thời chinh chiến vừa qua thì nói làm sao cho hết những đổi thay, thay đổi. Hôm nay dẫn vợ và một bảy con về quê nội ăn rằm tình cờ nghe chị tôi nhắc lại, tôi bàng hoàng như trong giấc chiêm bao. Thấy tôi ngồi thừ

người im lặng, ngờ là tôi mệt vì đi đường, chị tôi hỏi :

— Bộ xe dẫn lắm sao mà em dừ quá vậy ba ?

Tôi sức tỉnh, bồi hồi đáp :

— Dạ cũng có hơi mệt chút chị ạ.

Chị tôi đưa chai dầu Nhị-thiên-đường bảo tôi xoa và nói :

— Nè, em xoa đỡ đi rồi tắm rửa mà nghỉ, chắc cảm gió đó đã.

Thấy chị tôi vui, tôi hỏi :

— Con Lan lúc này chồng con ra sao chị hai ?

Chị tôi như chợt nhớ ra, đáp :

— À, em không nhắc chị quên mất. Nó có chồng con gì đâu. Nghe dì hai nói có hai ba chỗ đi coi mà nó chưa ưng ai hết. Không biết nó đợi ai đây ?

Nghe đến đây lòng tôi xáo trộn mạnh. Trời ơi ! Lan còn chờ ai nếu không phải là tôi ? Đầu óc tôi quay tít. Lương tâm tôi nổi sóng gió tơi bời. Ngày nay tôi đã gánh một gánh nặng gia đình mà nào tôi có hay đâu trong suốt thời gian ấy Lan vẫn còn chờ đợi tôi. Lời nói của nàng trước kia thật là bền chặt còn hơn keo sơn nữa. Tiếng chị tôi làm tôi giật mình :

— Gặp chị nó thường hỏi thăm em luôn. Chị cho nó biết là em đã có gia đình rồi. Coi bộ nó buồn lắm. Nó cười ngoài mặt mà trong lòng nó không biết như thế nào ? Mới đây hình như nó đi học tiếng Mỹ, Anh gì ở ngoài quận, chắc nó định làm cho Mỹ sao ấy ? Nghe phong phanh thằng Bé đi nói mà nó chưa trả lời ra sao cả. Trong làng mình bây giờ chỉ có thằng Bé là bảnh nhất. Nó làm thợ máy một

tháng hai ngàn mấy lạng mà. Chị nghi nó bỏ con Lan quá.

Tôi thở dài ảo não rồi đi nằm vì có hơi chóng mặt. Lòng tôi tan nát. Tôi thiếp đi lúc nào không hay, đến khi vợ tôi gọi dậy thì đã xế chiều.

— Minh à, tối rồi. Dậy đi tắm rửa rồi còn đi thăm bà con, cô bác để sáng sớm phải về rồi. Vợ tôi nói.

Tôi vươn vai rồi đi ra sau tắm.

Nửa giờ sau thì tôi bế thằng Hoàng, vợ tôi dắt con Dung đi mừng bà con láng giềng. Đầu tiên tôi lại nhà Lan thăm dì hai. Thấy tôi vào dì hai mừng rỡ. Dì đã già hơn trước nhiều. Tóc dì bạc, da dì nhăn.

— Trèn đét ơi, đông gió nào đưa mấy em về đây vậy ? Dữ ác hôn, hèn lâu sao mà mất biệt hè ?

Tôi không khỏi cảm động trước tình đồng hương ấm áp mặn mà.

— Dạ vì công ăn việc làm mà cháu không thể về quê được đó dì hai. Dì cũng khoẻ mạnh hờ dì ? Còn cô Lan đâu ?

— Cám ơn em, dì cũng mạnh. Con Lan nó mới rửa chén đây mà. Lan à ! có anh ba mầy về đây nè.

Lan dạ một tiếng rồi ra chào tôi :

— Dạ thưa anh ba mới về.

Nàng quay sang vợ tôi và ấp úng. Tôi liền giới thiệu :

— Đây là nhà tôi và đây là cô Lan, bạn ngày trước của anh.

Lan chào vợ tôi :

— Em chào chị ba.

— Dạ, không dám chào cô. Vợ tôi đáp.

Đi hai dẫn vợ tôi vào nhà hỏi thăm lẫn lẫn và nựng nịu mấy đứa con tôi. Chỉ có tôi và Lan đứng trước hàng ba. Tôi hỏi nàng :

— Nghe nói cô đi học Anh-ngữ hả cô Lan ?

Lan ngượng ngập nhìn tôi từng chập :

— Dạ.

Tôi rưng rờ vì giọng nói của nàng như ghen ở cổ họng.

— Cô đã sửa soạn trầu cau gì chưa cô hai ? Tôi không dám gọi tên nàng nữa.

— Thưa anh chưa.

Giọng nàng run run, nhẹ nhàng nhưng tôi có cảm tưởng đó là một lời trách móc nặng nề. Lòng tôi se thắt lại. Tôi không còn can đảm nói cũng như nhìn nàng nữa. Tôi e thẹn và thấy rằng mình kém Lan quá. Quý hóa thay lời nói của một cô gái có giá trị không thể mua được bằng tiền bạc. Lòng thủy chung của một người đã thắng cả thời gian dài dằng dẳng, mặc dù bao bão tố, dỗi thay của cuộc đời loạn lạc. Tôi kính phục Lan

quá. Tôi muốn quỳ xuống chân nàng để chịu tội lỗi hèn. Cố thu hết can đảm, tôi nói lời chót :

— Lan ơi, thật tôi không ngờ mấy năm trời cằn oại trong chiến cuộc loạn li mà Lan đã bền gan giữ đúng lời nói trước kia. Tôi không xứng đáng với Lan tí nào. Tôi phục Lan lắm. Lan tha thứ cho tôi.

Tôi xoa hai tay trước ngực như để chịu lỗi cùng nàng. Mắt Lan bỗng sáng lên. Nàng nhìn tôi rồi thẳng thắn :

— Thôi chuyện đã qua rồi, anh ba ạ. Ngày nay hoàn cảnh đã khác. Anh có nếp sống riêng của anh, thì em, em sẽ bước sang đoạn đường mới của đời em vậy.

Tôi cảm xúc hết sức. Trong đời tôi đã từng vật lộn với cuộc sống, đã một bầy con, nhất là đã gần hai thứ tóc trên đầu rồi, tôi mới có dịp ý thức ở người con gái ấy một bài học có giá trị, sâu sắc :

Lời nói của một người.

LÊ HÙNG

★ Khí lực tinh thần là đức tính chủ yếu của người lãnh đạo. Song người lãnh đạo phải biết dùng khí lực ấy để tập trung mau dặng giải quyết gấp một vấn đề toàn diện, hơn là để phân tích tỉ mỉ những chi tiết của một đề mục khó giải quyết. Muốn có khí lực ấy, người lãnh đạo phải dùng khiếu trực giác nhiều hơn óc phân tích, phải nhìn xa hơn ngó gần, phải tổng quyền hơn chấp kinh, phải trông toàn diện hơn chú ý tới những chi tiết nhỏ nhoi, nhất là phải có văn hóa cao, rộng để thoáng nhìn thì thoáng thấy, thoáng trông thì thoáng hiểu.

MỘT MỸ-PHẨM TUYỆT-TÁC

...xứng danh với tên tuổi của Hãng Parker



Chẳng khác gì những nhà thủ-công-nghiệp thời xưa, công-nhân Hãng Parker đã đặt hết tài khéo léo và khiếu thẩm-mỹ vào việc sáng tạo ra cây viết máy Parker « 51 ». Áp dụng lối thủ công tinh vi hợp với máy móc tối tân và vật liệu bền bỉ để tạo ra, nên cây viết máy Parker « 51 » đã được thế giới ưa chuộng vào bậc nhất.

Vì ngòi viết trơn, mực xuống đều không bao giờ tắc mà hình dáng cây viết lại thanh tú tuyệt hảo.



để dùng hay để biếu... Parker "51"

MỘT SẢN-PHẨM CỦA HÀNG Φ THE PARKER PEN COMPANY

dòng suối đam mê

Ở rừng hoang mê mãi
Say vũ trụ hoa thơm
Yêu màu tươi cỏ dại
Ánh sáng ngập tình thương

Hồi sinh tung bừng cây lá
Vụt nở sắc hoa kỳ lạ
Màu hoang sơ từ xa xăm
Thơm thịt da trái đất
Thời hồng hoang ngậy ngất
Mặt trời lột xác
Dây thì mỏng vàng

Ta ngủ giữa rừng cỏ biếc
Ru bằng màu xanh
Những giòng suối ánh sáng Ngân-Hà
Êm dịu tràn về
Những câu hát ca dao ngọt ngào
Rạo rức để mê

Màu xanh hội hè
Chùa Thầy, lang Lim
Không bao giờ hết
Mùa Xuân biêng biếc

Mãi mãi về trên nụ hoa
Hoa đồng cỏ dại
Hoang sơ sỏi nổi
Tha thiết cuồng si
Gợi nét tay Van Gogh
Ca hát rất điên tình người.
Tiếp sức sống vào tim lạnh
Như lửa mặt trời
Ta vĩnh viễn là dòng suối đam mê
Đi giữa rừng sâu núi thẳm
Hát giữa hoa đồng cỏ thắm
Đón muôn ngàn dòng nước cùng đi
Dự hội trời - cao - biển - rộng
Dù đá lớn cản đường
Dù gai rừng ngăn lối
Cho sa mạc nở hoa
Những xác người sống lại
Cho bạo tàn vùi dưới gốc cỏ cây
Cho thú dữ ngủ bình yên
Ủ tình hương đồng cỏ dại
Dù mưa bão dập vùi
Chúng ta là ánh sáng mặt trời
Làm hồi sinh nhân loại...

PHAN-LẠC-TUYÊN

1959

ĐÍNH CHÁNH

- ★ Bách-khoa, số 53, bài « Nước suối Trường xuân », đoạn giới thiệu tác giả: « *Cánh thư hồng* » (The scarlet letter) xin đọc: « **Cái chữ son** » (xâm vào vai những người đàn bà phạm tội gian dâm).
- ★ Bách-khoa, số 54, trong bài « **Lạc-vương hay Hùng-vương?** » của Phạm-Hoàn-Mĩ ;
 - trang 64, cột 1, dòng 19: « **Thăm-Hoài-Viễn** », xin sửa: « **Thâm-Hoài-Viễn** ».
 - cùng trang và cột, dòng 32: « **Ngô-Sĩ-Liêm** », xin sửa: « **Ngô-Sĩ-Liên** »
 - cùng trang, cột 2, dòng 21: « là đứng ở trên cao », xin sửa lại: « và đứng ở trên cao. » — Trang 71, đoạn giới thiệu « Sách mới: *Đò dọc* của Bình-Nguyên-Lộc dòng 5: « ... vì loạn Bình-xuyên », xin đọc: « ... vì sa sút sau loạn Bình-xuyên *phải* ».
- ★ Bài « **Danh từ địa phương** » của Bình-Nguyên-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í ;
 - trang 68, cột 1, dòng 27, 28: « có mỗi một thứ cá », xin sửa: « có **nuôi...** »
 - trang 70, cột 1, dòng 15, 26: tất cả chữ « **cồ** », xin sửa: « **cổ** » (dấu ngã).
 - Trang 71, cột 2, dòng 13: « *Buồm* », xin sửa lại: « **Buồm**, do *cánh buồm thuyền, buồm ghe* mà ra, bởi xưa bọn cướp biển xuống thuyền là mở buồm ra để thoát cho nhanh (vốn *tiếng lòng* của bọn cướp đường thủy). »
- ★ Bách-Khoa số 55, bài « **Chuyện cái đồng hồ con ngựa** » của Lê-Thanh-Thái, trang 78, dòng 4: « **nêu quan** », xin sửa: « **nền quan** », và trang 80, dòng 22: « của đám thanh niên », xin sửa: « **cho** đám thanh niên ».
- ★ Bách-khoa, số 56, bài « **Lá thư hải ngoại** » của Trần-Văn-Khê, trang 47, dòng 20 và 21, in dư.

Thư từ, bưu phiếu và bài vở xin gửi tới :

Tòa soạn BÁCH-KHOA

160, ĐƯỜNG PHAN-ĐÌNH-PHÙNG, 160

— SAIGON —

TRONG cái im lặng của gian nhà chợt có tiếng thì thầm :

— Đúng, phải cho gân cốt nghỉ một chút. Trí óc cũng phải được xử sự như thế. Ta không có quyền đi thêm một vài bước nữa, dầu chỉ một vài bước thôi, và cố nhiên cũng không có quyền bắt trí óc ta phải tụ ở một vấn đề nào... khi ! cứ cái tật khi ấy. Nói mãi, dần hoài dần huyễn rồi cũng vẫn thế ! Ồ ! chắc... chắc...

Ở một góc tối, Đỉnh nằm ngửa trên ghế dựa bằng mây mà mặt ghế đã bị thụng xuống gần sát đất. Hắn nằm yên không cựa quậy, nói một mình rồi cười một mình, rồi nhăn nhó một mình. Cả

cái không gian trước mặt hắn có thể là một xã hội, có thể là một người, có thể là một trang sách và cũng có thể là không có gì cả. Cái không gian ấy thật linh động và biến ảo vô cùng.

Phía bên trái gian nhà, gần một chiếc cửa sổ trông sang nhà lân cận, bộ quần áo ngủ xanh nhạt thông xuống sát tường. Chiếc quần nằm phía ngoài, ống cao ống thấp. Vài vết mực ở lại trông gần giống những con ruồi. Phía trên lưng, tuy không bàn bằng nùng quần nhưng lại nhàu nhèo. Nơi ấy hắn thường lau đôi tay rịn

mồ hôi. Khít bên đó, một chiếc áo dạ cũ kỹ, tơ len thô, màu xám vàng, có chỗ dính chùm, có chỗ rất thưa như thấy một con cừu già rụng lông treo tòn ten. Chiếc áo ấy, hắn vừa xách ở chợ đồ cũ với giá 120\$. Hắn nhìn chiếc áo dong đưa qua lại, miệng chum chim cười. Trông hắn vừa trẻ con vừa có cái thâm thúy của một cụ già. Bỗng hắn rướn cò lên một tý nhìn ra ngoài đường rồi lại thả đầu xuống mỗi một.

— Ồ ! một con mèo. Thế mà ta cứ tưởng có người đến xin chiếc áo dạ để giúp các kẻ khó.

Hắn rút tay kê dưới đầu đưa lên vỗ bôm bốp vào trán, nhăn mặt tự nhủ !

— Quái, thật ngoan cố. Chắc... chắc. Đã bảo đừng có suy nghĩ vẩn vơ. Hãy nhìn vào bộ quần áo ngủ bẩn thỉu kia kìa. Và phải tưởng đến mùi hôi của nó để tự thúc giục lấy mình rằng lát nữa phải ngâm nó vào thau giặt đồ. Ồ ! Lại rõ lần thần nữa. Đã bảo đừng nghĩ gì cả mà ! Đến ngay cả cái lối treo lệch lạc đây về cầu thả của hắn. Ừ ! mặc nó. Chẳng có gì quan tâm ngoài sự yên tĩnh cần thiết cho mình.

Hắn nhìn ra phía cửa lớn vẫn mở rộng.

Bên ngoài trời lấm tấm mưa và từng luồng gió rét lảng vảng ở mái hiên.

Hắn lại nói một mình :

— Thôi yên tâm. Hình như ở nhà cầu, chị Sáu vừa giăng một sợi dây thép. Nếu giặt xong thì hắn có chỗ hong rồi đấy. Chắc... chắc. Thôi, nghỉ ngơi một tý đã nào !



Hắn gác tay lên trán, mắt nhắm lại một cách ngoan ngoãn. Ánh sáng ở ngoài như ngừng lại ở ngưỡng cửa. Trong nhà tối hơn và trở nên vắng lặng, lạnh lẽo. Một ngọn gió tạt vào, xoay tròn khắp gian nhà rồi luồn ra cửa sổ sau kéo theo tấm lịch mà trên đó chỉ trơ lại tờ cuối cùng trong năm vừa qua. Tấm bìa bị gió đưa sần sật trên nền một lúc mới chịu ngừng lại. Gió đã bỏ nó lại một cách tự nhiên và như muốn bảo rằng thời gian và cuộc sống không giây phút nào ngừng lại, luôn luôn có sự đổi mới, không hề có hợp lý hay cần thiết như ý của chủ nó. Già nửa tháng chạp rồi ! Còn năm ngày nữa đã tới Tết. Ngoài kia những bà già vừa hít ha, vừa co rúm trong chiếc áo tơi nhựa đi dọc theo hè phố hoặc chen lấn trong các chợ trời để mua sắm và đã phẫn khởi với đoạn đường quá ngắn ngủi còn lại của đời mình. Cuộc sống ở chung quanh như chẳng còn dịp nào có thể kích thích tính tò mò của hắn. Suốt cả buổi sáng nay, hắn lội trong chợ vải, mặc cho những cặp mắt nhanh nhẹn, những đôi môi đỏ, vàng, hồng, đậm, nhạt của những cô gái bán hàng mời mọc hắn, tranh nhau đón hắn từ đằng xa, tuy đôi khi họ phải tàn nhẫn với người đồng nghiệp ngồi bên

cạnh. Sau đó hắn tạt ngang qua một bến ô tô, đùa trước sự đón đợi của những hành khách và chủ xe. Trước mắt hắn chỉ là một khoảng trống, hắn dọn rất sạch để bắt lấy những ý nghĩ, những hình ảnh riêng tư nhưng rất lộn xộn. Rồi cuối cùng trước khi về nhà, hắn rẽ vào một con đường tồi tàn, buồn thiu, hai bên là những vườn cây vắng vẻ, nặng trĩu nước. Thỉnh thoảng vài cây thông cô đơn vượt lên, in hình trên nền trời xám, âm đạm, tượng trưng cho cả một mùa đông ướt át với những tiếng động âm thầm của hạt mưa, của gió đều hiu thoi qua kẽ lá.

Chân hắn bước, mắt hắn khi thì sáng rực lên, khi thì âm thầm như muốn khép lại, ngăn cản cuộc đời ít tình thương song nhiều thù oán, nhiều trách móc, nhiều giả dối tràn vào. Hắn đi lui đi tới nhiều lần trên con đường hiu quạnh ấy cho đến khi chân hắn mỏi rục, lưng hắn cứng đờ ; cho đến khi hắn cảm thấy thèm nẫu, thèm yên nghỉ trên chiếc ghế dựa bằng mây thấp tàn tạ hắn mới chịu quay về.

Giờ đây, chiếc ghế mây êm ái đang đỡ lưng hắn. Còn tiếng nước nhỏ đều đặn từng giọt từ mái xuống một phiến đá nhẵn thì dường như có bốn phận đem đến cho hắn một giấc ngủ nhẹ nhàng. Hắn không nghĩ nhưng lại ý thức được sự đòi hỏi phải như thế. Nhưng khi đã ý thức một cách quá rõ ràng thì hắn lại không làm sao ngủ được nữa. Hắn lắng tai nghe tiếng vang tách bạch ấy mãi trong sự tịch mịch của tiếng nhạc đều đều, cơ hồ như hắn đang lơ lửng. Và trong tâm trí hắn, những ý nghĩ lại sâu thẳm thẳm nhưng lại trống trơn, một sự trống trơn đến ghê sợ hơn

khi nhìn vào một quang môn lung của trời đêm. Hắn choàng dậy, lấy làm ngạc nhiên vì tình cờ bắt gặp và nghiền ngẫm sự lạ ấy trong đầu óc hắn.

Chiếc đồng hồ đen đui, xấu xí, treo trên tường xịch một tiếng động nhỏ như tiếng nắc khe của gian nhà rồi sè sè gỗ. Cái miếng đồng hơen rỉ rên lên một âm thanh cú kị, gợn hân tất cả phần trong trẻo nhất của nó gởi vào quá khứ, một quá khứ xa xôi chứa chất nhiều kỷ niệm, nhiều hoài bão. Tiếng cuối cùng vang dài, ngân nga. Mà chính tiếng đó đã làm hắn vô cùng bức mình. Có những đêm dài, hắn không ngủ được, mấy lần toan chồm dậy lấy nhợ cột phứt cái bộ phận đánh giờ lại. Hắn hoàn toàn không muốn nghe cái tiếng rên sau cùng của chiếc đồng hồ. Hắn có cảm tưởng như cả cuộc đời của hắn thu đọng trong cái âm thanh muộn màng ấy. Lại tiếng tức tắc nữa ! Thật chẳng gọn gàng và nhanh nhẹn chút nào hết ! Tiếng đục, bễ đi nửa chừng đã đưa vào tai hắn cái khờ khếch, của một nền cơ khí kỹ thuật trong nước hoặc làm hắn liên tưởng một cách xa xôi cái đùng đình, chậm chạp, an nhàn ở một ông già ngồi trên sập cần dưới ngọn đèn nê-ông sáng xanh ngăm đi ngăm lại những bài thơ Đường cũ rích và trịnh trọng tưởng rằng nước nhà có bốn nghìn năm văn hiến là đủ.

Hắn trở mình, chồm dậy. Hắn thoáng nhận thấy mình lờn thẩn quá sức. Hắn biết có người rêu rao hắn là một thằng khùng. Hắn đau khổ khi sức nhớ điều ấy nhưng mỗi lần như thế hắn lại đi xa dần cái ý niệm đau khổ, dẫn đến một sự buồn chán tới cùng cực, rồi tâm can

của hắn không còn thấy đau khổ nữa mà chỉ thấy một sức phá hoại cuốn lốc bên trong, bắt hắn hành động, bắt hắn va chạm, bắt hắn chà đạp ngẫu nhiên những ý nghĩ vừa mới bừng dậy. Nhưng hầu hết những phản động ấy chỉ nung nấu một cách âm thầm và cũng chỉ bộc phát một cách hiền lành như người vừa lỡ tay làm rơi cái gương đeo mắt hay nói bậy một lời.

Mấy ngày gần đây, hắn đang cố gắng, một cố gắng phi thường để dìm sâu một mớ ý nghĩ lộn xộn, từ cái nhỏ nhặt đến cái lớn lao trọng đại, từ cái hồi nào xa lắc xa lơ đến một triển vọng xa vời. Hắn rất mong muốn trí não thành thoi vui thú như bức tranh đưa mực đồng ngồi thồi ống tiêu treo ở một hiệu cắt gương. Cũng lắm khi hắn có cái ý nghĩ chờ đợi một người đàn bà để bắt hắn quay về lo xa trong ít nhiều mục đích gần gũi của đời sống gia đình. Có lúc tỉnh táo hắn nghi ngờ sự cô độc là nguyên nhân làm cho tinh thần hắn rơi vào cái chơi vơi khủng khiếp trong những vấn đề ngoài sự hiểu biết của hắn như trời đất, vũ trụ và đời sống con người. Bây giờ thì hắn bắt đầu cảm thấy đau khổ vì mọi vật trong gian nhà đều thét lên ầm ầm trong tai, xác nhận hắn không là cái gì cả. Đang tay cầm sẵn chiếc giày vừa cởi xong, hắn ném chiếc giày ấy vào cái gương con trên bàn, kề bên đĩa kẹo mòng mành. Một tiếng sụt qua tai hắn, vừa chát, vừa sắc, sau hết rè đi và mất hẳn tưởng như không có một tiếng vang nào hết trong gian nhà. Chiếc đĩa sành bẽ, làm nhiều

mạnh. Mấy miếng kẹo chảy nước trước khi vung vãi ở nền, bết một đường dài trên bàn như một vệt máu.

Hắn đứng dậy ngỡ ngác với tiếng đồ vỡ ấy. Chị Sáu dưới nhà chạy lên nhìn đĩa kẹo một lúc rồi trở xuống. Chị ta nói gì trong miệng mà hắn nghe không rõ nhưng hắn hiểu những lời ấy lắm. Chị muốn nói hắn lên cơn! Nếu người khác thì chắc hắn chẳng nề nang gì mà không kêu giật lại, nói cho họ hiểu rõ rằng đó chỉ là một giây phút bức bối nhỏ trong khi quên sự có mặt của những đồ vật trong gian nhà mà thôi.

Hắn đứng đờ đẫn rất lâu để nghe ngóng sự đau khổ của mình cho tới khi một tiếng rền rĩ pha lẫn chửi bới từ cái nhà thấp nát, trống trải ở bên kia dãy mít văng đến. Hắn đi lại bên cửa sổ nhìn chỗ sang. Bước chân hắn thông thả tự nhiên đến nỗi khi hắn dừng lại một lát mới sực lấy làm lạ tự hỏi đã đi đến đây lúc nào? Ai xui khiến hắn hành động như thế? Song hắn lại tặc lưỡi:

— Nghĩ làm gì cái thứ ấy. Hãy thử tìm xem sự đau khổ của ai đó có giống mình không?

Hắn lắng tai. Tiếng khóc dứt, nhường cho tiếng than thở và lời thề rủa.

Qua tấm phên tre mục mà những ghét phân bò đã rơi gần hết, hắn thấy mẹ Hình với hai lưỡng quyền cao và chiếc miệng rộng nằm lẩn lóc trên giường. Gã con trai của mẹ tên Vón, đang đứng ở sân, mặt đầy xung khí.

Chỉ chừng ấy hắn đã hiểu đầu đuôi câu chuyện rồi nên lui về chiếc ghế dựa của hắn. Hai mẹ con mẹ này thỉnh thoảng

làm rộn ràng lên một lần. Thắng Vón thì đòi mẹ cưới vợ gấp. Nó không thể để ý trung nhân kéo dài những ngày chung lộn với tốp thợ làm cầu vừa mới đến vì nghe đâu cô ta cũng có đôi cử chỉ làm hắn bồn chồn lo lắng. Còn mẹ Hình thì lại nhải kể rằng nó đã bắt hiểu vì không đem tiền về cho mẹ. Trong khi ấy, tiền ở mướn có bao nhiêu, mẹ đều đem dốc vào rạp hát bộ Đồng-xuân-lâu. Có đem mẹ nức rượu vào sau khi ở trường hát ra. Dọc đường, mẹ bỏ bỏ la lối để diễn tả cái hay của một « lão kép trẻ tuổi mà mẹ đã chôn sâu hình ảnh trong quả tim già của mẹ.

Vì thế, hắn đã nghi mẹ Hình khùng từ lâu và tin rằng hắn rất sáng suốt nhận ra điều đó hơn những người trong phường.

— Thật là hồ đồ! thật là hồ đồ!

Hắn lầm nhảm nhắc đi nhắc lại như vậy rồi đi đến bên tủ sách. Hắn vừa nhớ đến mục đích lắng nghe tiếng than khóc chỉ để tìm hiểu sự đau khổ của kẻ lẳng giềng có giống như của hắn không. Hắn phải phui hai bàn tay, mặt hắn túm lại như cố giữ sự rã rời đang phân tán dần trên nét mặt và cũng vừa giống như hắn đang cố rút bỏ một ý nghĩ nào đó đang bám trong đầu. Hắn lúi mạnh cánh cửa tủ. Hai tấm gương rên khế. Hắn ôm ra một chồng báo chí và những quyển tiểu thuyết đồ xuống giữa nhà. Miệng hắn lầm nhảm.

— Thật là hồ đồ! Thật là hồ đồ!... ồ!... Hai mẹ con nhà nó đều lẳng loạn, đều nô lệ những ý tưởng chẳng tốt lành gì. Khốn khổ thật! Khốn khổ thật! Ai sinh con người mà hư hỏng như thế thì phải chịu lấy hết trách nhiệm.

Hắn lật vội vài quyển rồi lại phủi phủi cái tay. Hắn giở tập « Giai phẩm Văn hóa Ngày nay » của Nhất-Linh ra đọc. Hắn phá lên cười :

— Rõ ràng người ta điên ! Ừ người ta điên rõ ràng quá đi mất. Ôi ! Tội nghiệp cho cô Mùi điên rồ kia đã đập tay vào rào gai dề rạn cho ra một chút nước mắt. Ôi ! điên rồ thật, giả dối thật. Ta chẳng bao giờ có hành động tàn bạo với bàn tay ta như thế cả.

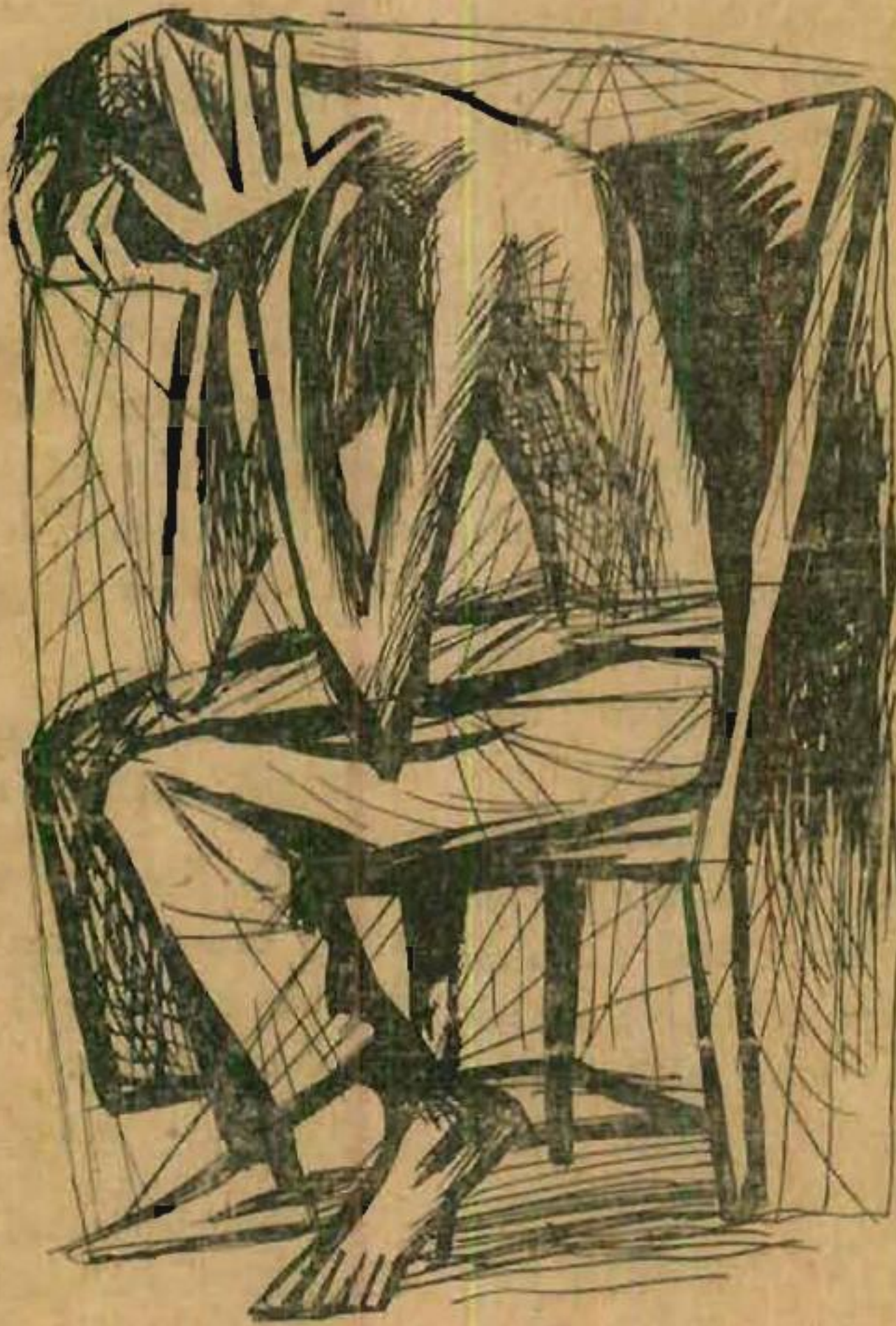
Hắn tìm khắp trong quyển « Cuốn theo chiều gió » cũng không thấy bóng dáng cái tâm trạng kỳ quặc của hắn. Gần hết cuộc đời son trẻ của Scarlett dành cho Ashley trong khi gã này chỉ để ý đến người vợ yêu quý mà thôi. Cái đau khổ của Scarlett vì đeo đuổi một mối tình tuyệt vọng cũng không là cái đau khổ mà hắn đã trải qua. Hắn cũng chẳng có bao giờ mơ mộng một ngày kia hắn sẽ sung sướng được đau khổ vì tình. Hắn cho rằng bệnh đau khổ vì tình tuy là cái bệnh muôn đời của loài người nhưng ngày nay không còn trầm trọng nữa. Nó chỉ được coi ngang hàng với loại sốt rét kinh niên. Không mấy ai lo lắng ưu tư tới nó.

Những hăm dọa khác đã đẩy bệnh tình tuyệt vọng xa lẫn vào quá khứ. Hắn nghĩ đến một ngày nào đó loài người sẽ thêm khát được đau khổ vì tình như đã thiết tha với lý tưởng, trong khi những mối tình của đôi trai gái chỉ tính với nhau bằng tháng ngày. Mối tình nào kéo dài

trong ba năm sẽ được người ta tắt tả tìm kiếm như tìm kiếm một món hàng cũ, tốt bền còn sót lại trong các cửa hàng sa sút, bị quên lãng trên những con đường hẹp và sầm uất.

Hắn lại bắt đầu xốc xáo. Hắn quyết tìm cho được người đã nói đúng cái nguyên nhân đã gây cho hắn đau khổ. Hắn ngừng lại rất lâu trên đoạn đời đen tối, khốn cùng của Moritz trong « Giờ thứ hai mươi lăm ». Ôi ! từ khi bị vu

cáo là Do-thái trong lúc đang hưởng hạnh phúc với Suzanna cùng hai con trên ruộng đất yên lành, gã phải sống những chuỗi ngày khủng khiếp như một linh hồn chết đầy tội lỗi đang bị hành hình giữa chốn âm ti có ánh sáng mặt trời và sự hiện diện của các bản văn nhân đạo. Còn ở quê hương gã, Suzanna phải bồng con trốn đi sau gót giày của quân Nga. Cuối



cùng, gã bị giam vào trại tập trung Orhruf nằm giữa cánh đồng chỉ có đất trời và tù binh mà xung quanh là dây kẽm gai...

Độc đến đó hắn ôm mặt khóc. Hắn bị xúc động một cách bất ngờ và tưởng như mới ngày nào thoát khỏi trại giam ở vùng núi non heo lánh vậy. Nhưng bỗng hắn nín bật. Hắn thoáng nghe có bước chân rình rập. Gian nhà trở lại lặng lẽ, một thứ lặng lẽ ngượng ngập, bỡ ngỡ khó chịu, tức tối.

Hắn im lặng nhưng không nghe ngóng, hai má ánh dòng nước mắt. Mặt hắn trông mềm yếu và quyến rũ hơn bao giờ hết. Hai mắt như còn in sự thê thảm, sự van lơn, làm gọi lại được nét âu lo, hiền lành, chịu đựng trước kia, dù trong chốc lát. Hắn ngồi một lúc rồi lười biếng nằm vật xuống đồng sách vở, báo chí ngồn ngang. Hắn nghe trong lòng dịu xuống. Khí lạnh của nền xi măng len lấn vào người. Song phút thần tiên ấy qua đi rất nhanh. Hắn lại cảm thấy trống trải rồi một u sầu tối tăm lơ lửng trong tâm trí lồi bật hắn trở dậy. Hắn lại tiếp tục lật những trang sách đề tìm, miệng lầm nhảm, thỉnh thoảng đưa bàn tay chụp lấy đôi mắt như có hình ảnh gì ghê gớm không dám giữ lại...

Ngoài sân, Thiên, em gái của hắn thông thả dắt chiếc xe đạp đi vào dưới làn mưa bụi. Nàng khoác chiếc áo len màu tím đậm chồng trên chiếc áo dài mỏng màu hoa sim. Chưa đến mái hiên nàng đã cất nón, mặt nàng ngược lên đón những hạt nước nhỏ lăn tăn từ trên nền trời xám phóng xuống. Nàng có vẻ sang nhưng cái sang trong sự thiếu thốn và có vẻ diễm đạm nhưng lại phảng phất vài nét

cao kỳ kiêu cách chứa ẩn tâm trạng của một cô gái vừa khôn ngoan chờ đợi hạnh phúc, vừa sợ tình yêu đến chậm, vừa ưu lo toan tính với hoàn cảnh.

Nàng quen lệ đi thoáng qua cửa, nhìn hắn rất nhanh rồi thẳng xuống nhà ngang. Một lát sau nàng trở lên gọi hắn ăn cơm cùng với chị Sáu thập thò ở cửa.

Hắn đứng lên nhanh nhẹn hết sức làm cho chị Sáu ngạc nhiên trước sự bất thường của hắn mà chị không tài nào tưởng đến cả. Hắn nhìn Thiên một lúc, cặp mắt của hắn khờ khếch như chẳng có vẻ gì đang nhìn một người. Nhưng hắn bỗng gật đầu lia lịa, đưa tay làm dấu bảo Thiên đi đi. Song nàng vẫn đứng nhìn hắn. Hắn lại gật đầu :

— Ừ, nghe rồi. Xuống trước đi. Để tao dọn cái đồng sách này vào tủ đá. Hắn nhăn mặt nói tiếp :

— Ồ. Sách vở nhiều thế này cũng chẳng cứu vớt được ai. Phần nhiều là lừa bịp háo danh và giả dối. Ngày mai tao đem đốt hết.

Thiên nắm tay hắn lôi mạnh :

— Anh nói đúng. Ngày mai em cho chúng nó tắm dầu xăng. Bây giờ đi xuống ăn cơm.

Thấy hắn vẫn ngoái cò nhìn đồng sách, nàng nói :

— Thôi để đó cho em. Này, em sẽ kể cho anh nghe một câu chuyện nhé.

Nàng nhỏ nhẹ và chiều theo ý hắn một cách tự nhiên. Tuy vậy trong lời nói của nàng ướm cái giọng cứng rắn, dứt khoát của một kẻ quen quyết định việc nhà. Đối với nàng, sự trở chứng của hắn chẳng có

gì than phiền hoặc lấy làm lạ. Nó gần như nếp sinh hoạt của gia đình trong ba năm nay.

Khi ngồi vào bàn ăn, nàng hỏi hần :

— Anh có biết con Liên không ? Nó học cùng với em một lớp khi lên năm đệ tam.

Nhưng nàng thấy hần vẫn còn ngờ ngác nên nói tiếp :

— Chà ! anh thật khôi hài lắm. Nó ở đường Chi-Lăng thường hay mặc các loại áo màu nhàn nhạt. Cách đây bốn năm, có lần anh bảo nó dễ thương ấy mà.

Hần cố gắng lắm mới ừ một tiếng để cho em hần yên lòng đi vào câu chuyện.

— Em vừa đi thăm nó về đây.

Nàng mới mở miệng bỗng vẻ mặt đã thoáng có gì lạ, giọng nói trở nên quan trọng bắt hần phải chú ý.

— Tội quá anh ạ. Chồng nó ở Đà-lạt về thăm thì bị lật xe ở đèo Vọng Cảnh. Ngày hôm qua đám đưa lúc sáu giờ sáng. Chao ! con nó mới hai tháng. Em đến thăm. Nó tiếp em. Em thấy mặt nó buồn buồn. Em ngồi nhìn nó, chờ xem nó khóc. Nhưng nó vẫn tự nhiên. Nó ch t khăn tang trông đẹp thêm. Dễ thương có vài ba cô gái ngây thơ chờ ông bà mình chết để được ch t khăn đi dạo phố.

Nàng ngừng lại, đưa chén cơm lên miệng húp tròn trẹt những con bún nấu với kim châm rồi lại hăng hái nói :

— Tội quá ! mới ngày nào nó đi học với em đây, nay đã trở thành một quả phụ. Lúc em ra cửa, em nghe thoáng nó nói với mẹ nó : « Cái này nhà con thích lắm ».

Em định ngừng lại xem nó có khóc không, nhưng không hiểu tại sao chân em vẫn bước đi.

Tại sao nó không khóc anh nhỉ ? Em muốn nó phải khóc để cái không khí lúc em đến hợp lý hơn, và có thể mới tạo sự xúc động cho người đến thăm chứ !

Hần không đáp ngay, ngừng nhai rất lâu rồi chờ nuốt trọn miếng cơm trong miệng, mới dần đưa xuống mâm, khắc nghiệt nhìn em gái :

— Cô có im cái mồm đi không ! Ý nghĩ của cô như thế mà dám đem về khoe trong nhà ! Đồ khùng ! Đồ khùng !

Hần hét lên rất to vào hai tiếng sau cùng.

Thiên im lặng, mặt bình thần quay sang chị Sáu, lúc ấy đang bỏ trà vào bình.

— Mấy lâu nay chị có thấy anh Đính uống thuốc không ? Chị Sáu định trả lời thì gặp phải ánh mắt dữ tợn của hần đang hướng về mình.

Thiên đứng dậy đi lên nhà trên. Nàng tìm chai thuốc mua tuần trước xem anh nàng đã uống hết chưa hay đã ném vào trong một xô tử nào rồi.

Lúc ấy còn trơ lại mình hần ngồi trước mâm cơm. Hần nói lắm nhằm một mình những gì nhiều lắm. Chị Sáu đứng ần sau cánh cửa thông qua lẩm lúa lảng tai nghe, nhưng chị hoàn toàn không hiểu gì hết. Sau cùng hần nói thật to :

— Rõ khờ ! Người ta khùng mà lại bảo mình khùng. Trời ơi ! Tại sao người ta lại cố tình hiểu trái ngược một cách nguy hiểm đến như thế này. Cả cái con khỉ Thiên kia cũng thế. Nó khùng rõ ràng rồi. Nó khùng rõ ràng rồi. Ai đời...

Hắn ngừng lại để đón nhận những tư tưởng dồn dập đến. Các lần trán khẽ dịch như bị chất nặng bởi những ý nghĩ. Đôi mắt hắn sắc xảo và linh động muốn xa rời cái bộ mặt yên tĩnh, phản bội của hắn. Hắn mấp máy môi, hai cánh tay đưa ra trước như để phân bua cùng mọi người.

— Thử nghĩ, chỉ có những người khùng, khùng thật sự mới có cái thứ giải trí trong sự buồn khổ của kẻ khác, hoặc đòi hỏi người ta phải đau đớn đúng cái mức của mình đặt ra. Thật lạ lùng cho những kẻ không phân biệt được màn ảnh và cuộc đời... Ừ... Còn nếu không thì sự giả dối cũng sẽ biến họ thành những kẻ khùng.

Hắn cười gằn, tiếng cười ghê rợn có thể chà nát được hết lòng tự tin của kẻ khác.

— Hừ... hừ. Một câu chuyện hay ! Một câu chuyện mà nội dung của nó là đi xem người ta u sầu, tuyệt vọng để vui sướng với ý nghĩ rằng mình sẽ được hạnh phúc hơn. Chỉ có những kẻ khùng mới đặt lòng hiếu kỳ trên sự thương tâm của kẻ khác.

Con người...

Hắn ú ớ dài trong miệng như một chiếc xe đang trốn chạy nhanh bị hãm lại thành lình, kéo lê hai bánh sau một quãng.

Hắn sức nhớ cách đây năm năm, trong một trường võ bị ở X.Q. xảy ra một vụ đánh nhau dữ dội giữa hai viên sĩ quan đều biết quyền Anh. Hồi ấy hắn làm huấn luyện viên phụ trách trung đội sĩ quan của hai người ấy. Vì sợ bị trách nhiệm,

hắn phải xông ra can sau khi đã chứng kiến hơn năm phút.

Có một điều hắn lấy làm lạ : trong lúc hai người đánh nhau, hầu hết sĩ quan đều có xu hướng chấm dứt ngay. Nhưng khi tan cuộc hắn lại nhận thấy cả hắn và một số đông nữa đều lấy làm buồn vì đã đập tắt quá sớm vụ tranh hùng lý thú ấy.

Hắn băn khoăn tự hỏi :

— Thế sao hồi ấy chẳng có một người nào bảo ta là khùng cả. Ồ ! thật lắt léo khó hiểu quá chừng !

Nhưng, hắn đã bắt đầu tạm thấy yên tĩnh trong người, toan bước lên nhà trên thì chợt thấy bóng chị Sáu sau cánh cửa. . Hắn bước lại hỏi đã nghe hắn nói những gì vừa rồi. Để trả lời nỗi sợ hãi của mình về hắn, chị Sáu hốt hoảng đóng cánh cửa đánh rầm một tiếng dữ dội. Tiếp theo, tiếng chị Sáu tru tréo bên trong :

— Tôi lạy cậu ! Cậu tha cho tôi ! Tôi chẳng có ý gì dòm ngó cậu. Sáng mai cậu cho tôi xin thôi việc.

Lần này thì hắn không thể nhận được nữa. Hắn dấm ngực là :

— Trời ơi ! Tôi có định làm gì chị đâu ! Tôi..

Rồi hắn thuận tay lật nghiêng cái bàn. Cả mâm cơm đổ xuống đất. Tiếng bát đĩa bẽ loảng choảng chập ngừng tiếng tru tréo của chị Sáu trong lăm lăm ngay. Căn nhà lại trở nên yên tĩnh. Mụ Hình và thằng Vốn thôi khóc lóc, cãi lầy nhau, chạy sang đứng ở đầu bụi dứa thơm, chỗ thông qua nhà mụ, trướng mắt

dòm vào. Trong khi đó, Thiên lê đôi guốc hập tấp qua nhà cầu. Còn hân thì run run ngồi xuống chiếc ghế đầu, hai bàn tay bóp mạnh lấy thái dương, hai cùi chỏ chống trên cạnh bàn. Những ngón tay ồm ồm của hân mân mê vết sẹo lằng xằng, chạy dài từ ót lên đến đỉnh đầu kết quả của một viên đạn đại bác nổ trong đêm cuối cùng vì rạng ngày hôm sau, lệnh ngừng bắn thi hành trên khắp mặt trận.

Thật là một chuyện vừa kinh hoàng vừa khôi hài nhất trong đời hân. Đến sau này thỉnh thoảng hân vẫn đem câu chuyện ấy kể lại cho bà con nghe với một vẻ mặt sừng sừng kỳ lạ lắm. Chị Sáu đã thuộc lòng câu kết luận của hân, mặc dầu chị không hiểu ý nói gì. Lâu lâu, ngồi bắt chíp cho Thiên, chị Sáu nhắc lại lời ấy để hai người cùng cười: « Tôi là người của lịch sử vì rằng dân tộc đã chọn cái đầu tôi làm nơi gởi gắm một di tích cuối cùng trong giờ trọng đại nhất của cả một đất nước. »

Bây giờ thì chị Sáu không còn hồn vía nào để nhớ rành mạch câu kết luận của hân nữa. Chị ta im thin thít trong lùm lúa, mặc dầu Thiên đã gọi đến hai lần, nhờ chị dọn những mảnh vỡ và đồ ăn ở dưới đất. Thiên đến đứng bên hân lâu lắm. Nàng ứa nước mắt thừa nhận bệnh tình của anh nàng đã đến chỗ phải lo lắng. Trong nhà còn hai anh em : nàng và hân. Cha mẹ thì đã mất

từ lâu, chỉ để lại mấy mẫu ruộng và sở nhà này. Cha nàng trước kia vốn tính cương trực nhưng phải tật nghiện rượu nên đã làm mẹ nàng đau khổ, điêu đứng. Hai người đều chết trong cô đơn và buồn tẻ. Ngày nay hân là người phải đảm đương tất cả gánh nặng lo toan tương lai cho nàng. Thế mà hân đã điên thật tình rồi. Điều đó đã hiển nhiên quá, không còn có thể tự an ủi bằng cách chối từ được.

Thiên toan quay đi thì hân nắm lấy tay nàng nhỏ nhẹ bảo :

— Em đừng lo. Ngày mai anh sẽ trở lại nhà thương nằm điều dưỡng trong ít lâu nữa. Anh sẽ cố gắng giữ cho được bình thường từ nay cho đến ra giêng.

Hân ngược mắt nhìn em với một niềm tin tưởng ở điều vừa hứa. Hân thấy sau tiếng tru tréo của chị Sáu, sau tiếng vỗ của một số bát đĩa, sau những giọt nước mắt của em gái, trí óc hân đột nhiên trở nên minh mẫn để có thể hiểu rằng hân không minh mẫn như những người chung quanh. Hân đứng dậy, mắt tươi tỉnh khác thường.

Cây mai bên hòn non bộ trong sân sau đã có những nụ hoa chớm nở. Màu vàng huy hoàng trên những búp xanh ngời lên trong mắt. Hân khoan thai bước từng bước một, chắc chắn và tự hào. Có lẽ lần đầu tiên hân cảm thấy sung sướng vì biết được mình đúng là một thằng khùng.

NGUYỄN - PHÚC

Tự xét lại mình

Mạnh-Tử nói : « Yêu người mà người không thân thì phải xét lại cái nhân của mình ; trị người mà người không trị thì phải xét lại cái trí của mình ; lễ người mà người không đáp thì phải xét lại cái kính của mình. Phàm làm việc gì mà không đạt được, đều phải xét lại mình cả.

MẠNH-TỬ

Mồng 1 và 15 mỗi tháng Bạn tìm đọc

Giáo - Dục Phổ - Thông

- Một tập-san Văn-học có nhiều bài khảo-cứu công-phu.
- Một tập - san Văn - nghệ có nhiều sáng tác hấp dẫn và lành mạnh.

Do ông PHẠM-QUANG-LỘC *chủ trương*
với sự cộng tác của :

- | | |
|-------------------|---------------------------|
| — Bình-Nguyên-Lộc | — Nguyễn-Văn-Thanh |
| — Châu-Hải-Kỳ | — Phan-Minh-Hồng |
| — Duy-Liên | — Thạch-Trung-Giả |
| — Định-Giang | — Triều-Đầu |
| — Giang-Tân | — Tân-Loan-Kiều |
| — Hoài-Khanh | — rúc-Liên |
| — Hồ-Nam | — Tường-Linh |
| — Kiêm-Đạt | — Thanh-Thương-Hoàng |
| — Khổng-Xuân-Thu | — Uyên-Thao |
| — Kim-Tuấn | — Võ-Liệu |
| — Lê-Thanh-Thái | — Võ-Phiến |
| — Lê-Thành-Nhân | — Vũ-Anh-Tuấn |
| — Nguyễn-Hiến-Lê | — Vũ-Đàng |
| — Nguyễn-Ngu-Í | — Yã-Hạc và Trinh-Nguyên. |
| — Nguyễn-Minh | |

— Giá bán mỗi số : 8 \$

— Một năm (24 số) : 180 \$

— Bài vở xin gửi về :

Tòa soạn « Giáo-Dục Phổ-Thông » 8 Ngô-Đức-Kể — Saigon

— Tiền bạc và ngân phiếu, xin đề tên : **Ô. Nguyễn-Văn-Thanh.**
8 Ngô-Đức-Kể — Saigon.

TẬP SAN

NHÂN - LOẠI

Văn-hóa Xã-hội Giáo-dục

Xuất bản mỗi tháng hai lần : 1 và 15

Chủ nhiệm kiêm chủ bút : ANH-ĐÀO

TRONG MỖI SỐ

Các bạn sẽ được đọc những thiên khảo luận công phu những sáng tác văn nghệ đặc sắc của các cây bút quen biết :

Bình-Nguyên-Lộc

Dạ-Lý-Hương

Giang-Châu

Hoàng-Trọng-Miên

Hoàng-Khanh

Hợp-Phổ

Lan-Phương và Liêm-Nhân (bác sĩ)

Lê-Vân

Lưu-Nghị

Nguyễn-Ngư-í

Nguyễn-Hữu

Nguyễn-Thiệu-Lâu

Phong-Sơn

Quốc-Ấn

Sơn-Mẫu

Tam-Ích

Thành-Đạt

Thế-Quang

Thiên-Giang

Thu-Trúc

Tiêu-Dân

Trang-Thế-Hy

Ty-Ca

Vị-Sơn

Vũ-Hạnh

Vũ-Nghị

Đặc biệt có sự góp mặt của bạn **Trần - Văn - Khê**, Tấn sĩ văn khoa, trong « Lá thư hải ngoại », nhiều bài biên khảo, nghị luận có giá trị về âm nhạc, văn chương.

Ngoài những vấn đề hữu ích chung, **Nhân-L loại** sẽ chú trọng đến những vấn đề thiết thân của tuổi trẻ như : Luyện ái, hôn nhân, hạnh phúc gia đình, học đường v... v...

Thẻ lệ mua báo dài hạn

1 số	15 đ
3 tháng (6 số)	90 đ
6 tháng (12 số)	170 đ
12 tháng (24 số)	330 đ
Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí	

Báo quán

339 Nguyễn-Công-Trứ, 339
SAIGON

Bài vở, thư từ, bưu phiếu xin đề
Ông Huỳnh-Văn-Lợi
Quản lý Tập san Nhân - Loại

Nên đọc và cổ động Tạp chí :

VĂN - HÓA NGUYỆT - SAN

*Cơ-quan Nghiên-cứu và Phổ-thông
Văn-hóa Việt-Nam và Văn-hóa Đông Tây*

✱ Xây dựng và phát huy một nền văn hóa có tính cách Dân tộc Nhân bản và khai phóng.

✱ Gồm nhiều bài có giá trị của các nhà văn, các học giả tên tuổi :

Ô. Ô. Bùi-quang-Tung	Nguyễn-khắc-Ngữ (Vũ-Lang)
Bửu-Cầm	Nguyễn-xuân-Sơn (Đạm-Quang)
Cung-Giữ-Nguyên	Nguyễn-thế-Tương (Nghị-Ba)
Đoàn-Thêm	Nguyễn-đăng-Thực
Hà-như-Chi	Nguyễn-gia-Trụ (Đông-Xuyên)
Hồng-Thiên nữ sĩ	Nguyễn-khắc-Xuyên
Huỳnh-khắc-Dụng (Tuần Lý)	Phạm-văn-Điều
Lâm-tán-Phát (Đông Hồ)	Phạm-xuân-Độ
Lê-bá-Chần	Phan-Khoang
Lê-văn-Lý	Quách-Tân
Lê-chí-Thiệp	Tư-Nguyên
Lê-ngọc-Trụ	Thái-văn-Kiểm (Tân-Việt-Điều)
Mai-Oanh nữ sĩ	Trần-tuấn-Khải (Á-Nam)
Nghiêm-Toản	Trương-bửu-Lâm
Nghiêm-Thâm	Ứng-Trình
Nguyễn-đình-Hòa	Ứng-Bình Thúc-giạ-Thị
Nguyễn-công-Huân	Vũ-đức-Trình
Nguyễn-văn-Kiệt	Vương-hồng-Sền
Nguyễn-khắc-Kham	Xuân-Việt.

✱ Văn-hóa Nguyệt-san số 38 (năm 1959) có bán khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-đô, các tỉnh, tại Tòa soạn, 266 Công-Lý Saigon, và Nhà Sách Nam-Cường, Tổng phát hành, 185 Đường Nguyễn-Thái-Học, Saigon.

Mỗi số bán lẻ : 24\$

✱ Ngân phiếu mua dài hạn (một năm 10 số giá 240\$) xin gửi về Ông Giám-Đốc Nha Văn-hóa, số 266 Đường Công-Lý, Saigon.

✱ Bài vở xin gửi về Ô. Thái-văn-Kiểm, Chủ bút Văn-hóa Nguyệt-san, địa chỉ như trên.

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ



Công Ty bảo hiểm người Việt

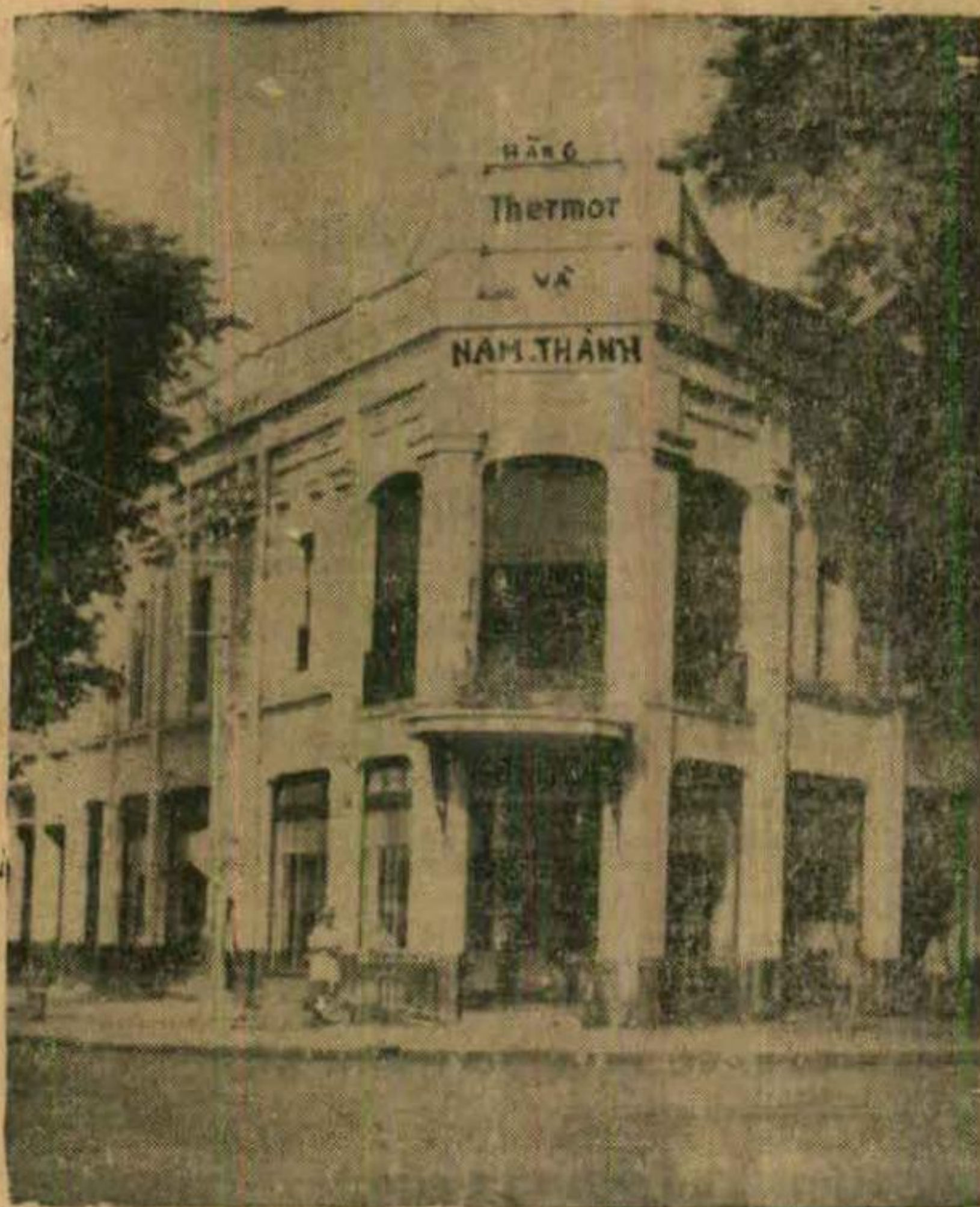
Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm



Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở : 13 Đ. Pasteur Saigon

Đ.T. : 23529



HÃNG

NAM-THANH

và

THERMOR

31 Nguyễn-Văn-Thỉnh

SAIGON

Đ. T. 23.951

Chuyên bán đồ điện,
máy điện, máy nấu.

Lãnh chạy dây đèn và
làm hệ-thống điện.

Chủ nhân :

NGUYEN-HUU-THAT

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

GOLDEN CLUB



Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng



NUỐC-NGỌT

HIỆU

CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TỊNH-KHIẾT
- BỒ-DƯỠNG



CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

БАСНКОАВАСНКНОАВАСЧКНОА

百科雜誌

百科雜誌

GIÁ : 10\$
CÔNG SỞ : 15\$

In tại nhà In VĂN - HÓA
412-414, Trần-Hung-Đạo - SAIGON

TÒA SOẠN :
160, Phan-Đình-Phung — Sài-gòn
Dây số : 25.539